

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số 91 / GD-UBND

ngày 29 tháng 5 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG ĐH51
(ĐƯỜNG LIÊN XÃ KON ĐÀO - VĂN LEM)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ KON ĐÀO, TỈNH QUẢNG NGÃI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TẬP I: THUYẾT MINH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

ĐH51-KĐ-VL/SỐ 01 - 2026



CÔNG TY TNHH THIÊN THUẬN KON TUM

THẨM TRA

Theo Văn bản số 05 / KĐ-TH

Ngày 04 tháng 05 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên: Tham



KOSULCO CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KON TUM

Địa chỉ: 65-67 Kim Đồng, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 02603.861256 - Fax: 02603.864911

Email: thietke01@gmail.com

QUẢNG NGÃI: 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO

DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG ĐH51
(ĐƯỜNG LIÊN XÃ KON ĐÀO - VĂN LEM)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ KON ĐÀO, TỈNH QUẢNG NGÃI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TẬP I: THUYẾT MINH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

ĐH51-KĐ-VL/SỐ 01 - 2026

CÔNG TY TNHH THIÊN THUẬN KON TUM

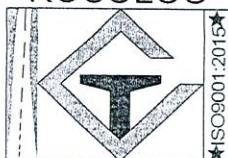
THẨM TRA

Theo Văn bản số ..05...../KĐ-VL

Ngày 04 tháng 05 năm 2026

Chủ trì bộ môn ký tên:

KOSULCO



CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KON TUM

Địa chỉ: 65-67 Kim Đồng, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 02603.861256 - Fax: 02603.864911

Email: thietke01@gmail.com

QUẢNG NGÃI: 2026

DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG ĐH51
(ĐƯỜNG LIÊN XÃ KON ĐÀO - VĂN LEM)
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ KON ĐÀO, TỈNH QUẢNG NGÃI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TẬP I: THUYẾT MINH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

THỰC HIỆN: DƯƠNG ĐÌNH VĨNH NHÂN *KT*
CTTK: NGUYỄN CHÍ TRUNG *MB*
KCS: NGUYỄN CHÍ THÀNH *KS*

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO



Đặng Quang Hải
ĐẶNG QUANG HẢI

CÔNG TY CP TVXD
GIAO THÔNG KON TUM



Nguyễn Chí Trung
NGUYỄN CHÍ TRUNG

MỤC LỤC:

1. THUYẾT MINH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
2. CÁC BẢNG THỐNG KÊ, TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
3. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN

1. THUYẾT MINH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

THUYẾT MINH
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51
(đường liên xã Kon Đào – Văn Lem)
Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình phụ trợ
Địa điểm: Xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi

I. GỢI THIỆU CHUNG

Xã Kon Đào là một xã thuộc khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi, nằm trong khu vực có điều kiện tự nhiên đặc trưng của vùng Tây Nguyên với địa hình đồi núi xen kẽ thung lũng và hệ thống sông suối phong phú. Xã có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển sản xuất nông – lâm nghiệp, gắn với các loại cây trồng chủ lực và chăn nuôi. Dân cư trên địa bàn chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số, có truyền thống đoàn kết, giàu bản sắc văn hóa. Trong những năm gần đây, Kon Đào từng bước được đầu tư về hạ tầng giao thông, thủy lợi và các công trình dân sinh, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Xã có Quốc lộ 40B nối xã Đăk Tô với thành phố Đà Nẵng và các tỉnh ven biển miền trung; Bên cạnh đó, với vị trí không xa Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, nằm trong khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam nên có nhiều cơ hội mở rộng hợp tác và hội nhập vào nền kinh tế quốc gia, quốc tế; mở rộng thị trường, tạo cơ hội việc làm và tăng thu nhập, đặc biệt là khu vực nông thôn; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và tăng khả năng tiêu thụ đầu ra cho sản xuất; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Tuyến đường ĐH51 có điểm đầu giao với Quốc lộ 40B (tại Km200+950) và điểm cuối giao với tuyến tránh đèo Văn Rơi (tại Km14+900) với chiều dài 12,2Km, phục vụ cho nhu cầu đi lại để học tập, sản xuất và kinh doanh của khoảng 7.500 người dân xã Kon Đào nói riêng và người dân khu vực nói chung. Mặt khác, tuyến đường còn kết nối với các đường hiện hữu trong khu vực như: các đường nội thôn xã Kon Đào, đường vào suối nước nóng, đường vào thác Đăk Sin, các tuyến đường đi khu sản xuất, ...; dọc hai bên tuyến đường dân cư sinh sống tập trung tại khu vực đầu tuyến và các đoạn Km1+200, Km2; Km6; Km6+500 đến Km8+800, Km10+500, Km11+700; đồng thời tuyến cũng đi qua khu vực sản xuất rộng lớn của người dân, trồng các loại cây công nghiệp (cao su, cà phê, bời lời, cây thông lấy gỗ và nhựa, cây mắc ca...), các loại cây nông nghiệp (bắp, mì, lúa...), các loại cây ăn quả (cam, quýt, xoài, ổi, chuối...).

Hiện trạng tuyến đường là đường giao thông nông thôn được đầu tư xây dựng từ năm 2007 với bề rộng nền đường 5,0m (mặt đường rộng 3,5m, lề đường

0,75m), kết cấu mặt đường láng nhựa. Đã xây dựng từ lâu và bàn giao cho địa phương quản lý, nhưng do quy mô đầu tư là đường cấp thấp, theo thời gian chịu ảnh hưởng của các điều kiện về địa chất, lũ lụt, đồng thời địa phương hạn chế về nguồn kinh phí để duy tu, sửa chữa hàng năm nên hiện nay bị ã xuống cấp nghiêm trọng, trên tuyến nhiều vị trí mặt đường hư hỏng cục bộ, một số đoạn mặt đường ã hỏng hoàn toàn tạo thành các ổ gà, ổ voi; cầu thép liên hợp dài 12m tại Km1+924 ã xuống cấp, tải trọng lư thông hiện nay chỉ đạt 5tấn; cống thoát nước ngang nhìn chung còn tốt, một số cống có khẩu độ nhỏ bị vùi lấp hoặc xói lở thượng hạ lưu; hệ thống rãnh dọc nhiều đoạn ã hư hỏng, vùi lấp; biển báo, cọc tiêu ã cũ, bị gãy đổ hư hỏng nhiều. Năm 2017, do tính cấp thiết để đảm bảo an toàn giao thông nên huyện Đăk Tô ã bố trí kinh phí sửa chữa lại mặt đường đoạn từ Km0 - Km2+200, đoạn còn lại chưa được sửa chữa.

Với hiện trạng công trình ã xuống cấp như ã nêu ở trên, cùng với điều kiện địa hình vùng núi nên bình diện tuyến có nhiều đường cong bán kính nhỏ và liên tiếp, nền đường hẹp, một số đoạn có độ dốc lớn làm ảnh hưởng rất lớn đến việc đi lại, sản xuất, giao thương kinh tế của người dân trong khu vực, nguy cơ mất an toàn giao thông rất cao. Do đó, việc sớm đầu tư nâng cấp, mở rộng đường là rất cần thiết nhằm: Đảm bảo an toàn cho người và các phương tiện tham gia giao thông; đáp ứng nhu cầu đi lại, sinh hoạt, học tập, giao lưu văn hóa của người dân hai xã Kon Đào và Văn Lem nói riêng và cả khu vực nói chung; tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển giống vật nuôi và cây trồng, phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ sản xuất canh tác trên diện tích rộng lớn của khu vực tuyến đường đi qua cũng như vận chuyển sản phẩm sau thu hoạch đi tiêu thụ được dễ dàng; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đầu tư vào khai thác tiềm năng du lịch sẵn có (suối nước nóng, thác Đăk Sin...); đồng thời phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương.

II. CÁC CƠ SỞ PHÁP LÝ

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH 14 Sửa ãi, bổ sung một số ãi của Luật Xây dựng; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Các Nghị ãnh: Nghị ãnh số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy ãnh chi tiết một số ãi và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt ãng xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy ãnh chi tiết, hướng ãnh thi hành một số ãi của Luật Đường bộ và ãi 77 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy ãnh chi tiết một số nội ãng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP, ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Quyết ãnh số 25/2025/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành quy ãnh một số nội ãng quản lý hoạt ãng xây dựng trên ãi bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết ãnh số 834/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 UBND Tỉnh Kon Tum Về việc phê duyệt ãi chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông nông thôn tỉnh Kon Tum ãn năm 2020 và tầm nhìn ãn năm 2030;

Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 về việc Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Quyết định số 400/QĐ-UBND, ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc giao triển khai chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Văn bản số 464/UBND-KT ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô về việc triển khai lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án công trình.

Quyết định số 299/QĐ-UBND, ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (Đường liên xã Kon Đào – Văn Lem); Quyết định số 509/QĐ-UBND, ngày 25/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (Đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Quyết định 478/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch các điểm đầu nối vào các quốc lộ trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Km200+950, Quốc lộ 40B);

Quyết định số 36/QĐ-UBND, ngày 27/01/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (Đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Quyết định số 1292/QĐ-UBND, ngày 21/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án đối với các dự án do UBND cấp xã tiếp nhận từ UBND cấp huyện trước đây;

Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về điều chỉnh kế hoạch đầu công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào về việc phê duyệt dự toán giá các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 765/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào; thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Hợp đồng số HD2600027784_2602041413 ngày 04/02/2026 giữa Ủy ban

nhân dân xã Kon Đào và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum Về việc thực hiện Gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Các tiêu chuẩn kỹ thuật công trình giao thông đường bộ, các qui định kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn có liên quan đã và đang được áp dụng hiện hành.

III. ĐỊA ĐIỂM, PHẠM VI XÂY DỰNG

- Địa điểm xây dựng: Xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Điểm đầu: Giao QL.40B tại lý trình Km200+950;

+ Điểm cuối: Giao tuyến tránh đèo Văn Roi;

+ Chiều dài xây dựng: 12,073Km.

- Diện tích chiếm dụng: Khoảng 14,37ha, trong đó:

+ Diện tích trên đường cũ: 7,57ha.

+ Diện tích chiếm dụng mới: 6,80ha.

IV. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, HẠ TẦNG

IV.1. Các điều kiện tự nhiên khu vực dự án

1. Vị trí dự án

Dự án thuộc địa phận xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi, có ranh giới hành chính như sau:

- Phía Tây giáp xã Ngọc Tú.

- Phía Nam giáp xã Đăk Tô.

- Phía Bắc giáp xã Đăk Tô Kan.

- Phía Đông giáp với xã Tu Mơ Rông và xã Đăk Pxi.

2. Diện tích tự nhiên, dân số

- Diện tích tự nhiên: 13.017,3 ha; gồm 19 thôn, làng (trong đó có 14 thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số);

- Dân số: Toàn xã có 19 thôn, làng với 2.609 hộ, với 12.725 nhân khẩu người. trong đó 80,3% là đồng bào dân tộc thiểu số (10.219 người); phân bố không đồng đều, tập trung tại các thôn dọc theo trục giao thông và khu vực thuận lợi về sản xuất.

3. Địa hình, địa mạo

Xã Kon Đào có địa hình, địa mạo mang đặc trưng điển hình của khu vực Tây Nguyên, chủ yếu là đồi núi thấp đến trung bình, bị chia cắt bởi hệ thống sông suối, khe rãnh và thung lũng hẹp. Địa hình có xu thế cao ở phía thượng nguồn, thấp dần về các khu vực dọc sông suối, độ dốc tương đối lớn, xen kẽ một số vùng địa hình bằng phẳng cục bộ phân bố dọc các lòng suối và khu dân cư. Địa mạo trên địa bàn hình thành chủ yếu từ quá trình phong hóa và xâm thực lâu dài, tạo nên bề mặt đồi thoải, sườn dốc và bãi bồi ven suối, thuận lợi cho phát triển nông – lâm nghiệp nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ xói mòn, sạt lở vào mùa mưa. Đặc điểm địa hình, địa mạo này ảnh hưởng rõ rệt đến việc bố trí dân cư, sản xuất và đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng trên địa bàn xã.

4. Địa chất thủy văn:

Khu vực có đặc điểm địa chất, thủy văn mang tính điển hình của khu vực Tây Nguyên.

- Về địa chất, nền địa chất chủ yếu là các thành tạo đá magma và đá biến chất cổ, bị phong hóa mạnh; phía trên phủ lớp đất phong hóa dày từ trung bình đến lớn, thành phần chủ yếu là đất sét pha, sét pha cát và laterit. Kết cấu đất nhìn chung có khả năng chịu tải trung bình, tương đối thuận lợi cho xây dựng các công trình dân dụng và hạ tầng quy mô nhỏ; tuy nhiên tại các khu vực sườn dốc và ven sông suối vẫn tiềm ẩn nguy cơ xói mòn, trượt lở vào mùa mưa, cần được khảo sát, xử lý khi đầu tư xây dựng.

+ Thành phần đá gốc: Vùng đá gốc và các khu vực đồi núi được kiến tạo chủ yếu từ đá sâu Plutonit (đá magma xâm nhập).

+ Lớp kiến tạo bề mặt: Các lớp kiến tạo bề mặt (lớp đất phủ, thổ nhưỡng) được cho là mỏng.

+ Khoáng sản: Khu vực này có tiềm năng về khoáng sản, đặc biệt là nguồn nước khoáng nóng đã được phát hiện và điều tra sơ bộ tại thôn 3, xã Kon Đào.

- Về thủy văn, trên địa bàn xã có hệ thống sông suối phân bố khá dày, trong đó sông Đăk Bla là con sông chính chảy qua và có vai trò quan trọng trong việc thoát nước, điều hòa dòng chảy và cung cấp nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt. Ngoài ra còn có một số suối nhánh như suối Kon Đào, suối Đăk Trăm và các khe rãnh nhỏ khác, góp phần hình thành mạng lưới thủy văn tự nhiên của khu vực. Chế độ dòng chảy mang tính mùa vụ rõ rệt: mùa mưa lưu lượng nước lớn, có khả năng xảy ra lũ cục bộ và xói lở bờ suối; mùa khô mực nước giảm mạnh, một số suối nhỏ bị cạn dòng. Nguồn nước ngầm chủ yếu tồn tại trong tầng phong hóa và các khe nứt đá gốc, trữ lượng không lớn nhưng có thể khai thác phục vụ sinh hoạt tại chỗ. Đặc điểm địa chất – thủy văn này ảnh hưởng trực tiếp đến quy hoạch sử dụng đất, bố trí dân cư và giải pháp kỹ thuật cho các công trình xây dựng trên địa bàn xã.

5. Đặc điểm khí hậu, thời tiết

- Khí hậu và nhiệt độ không khí: Khí hậu xã Kon Đào là khí hậu Tây Trường Sơn có chế độ nhiệt đới gió mùa Cao Nguyên. Nền nhiệt tương đối cao, nhưng có sự phân hóa rõ rệt giữa các vùng theo độ cao, thông thường khi lên cao 100m, nhiệt độ không khí giảm từ 0,5-0,6⁰C. Do địa hình có độ cao thấp dần từ Đông Bắc-Tây Nam, khu vực phía Đông-Bắc có độ cao phổ biến trên 800m, khu vực phía Tây Nam có độ cao phổ biến từ 600-800m, do vậy nhiệt độ tại khu vực phía Tây Nam cao hơn khu vực Đông Bắc phổ biến từ 1-1,5⁰C. Nhiệt độ không khí thấp nhất vào tháng 12, tháng 1 (trung bình 19⁰C); đạt cao nhất vào tháng 3, 4, 5. Tổng nhiệt độ tại huyện Đăk Tô ở mức trung bình, khu vực Đông Bắc phổ biến từ 7800-8000⁰C, khu vực còn lại từ 8100-8300⁰C.

- Chế độ mưa: Chế độ mưa tại khu vực phụ thuộc vào chế độ gió mùa và địa hình. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 05 cho đến tháng 10 là do tác động của gió mùa Tây Nam mang lại. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau do tác động trực tiếp của gió mùa Đông Bắc là mùa khô. Lượng mưa tại các khu vực có địa hình khác nhau cũng khác nhau. Tại khu vực, do có địa hình núi cao đón gió Tây Nam, do vậy lượng mưa lớn hơn phổ biến đạt trên 2000 mm.

Trong các tháng mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, có một số ngày có mưa, lượng mưa chiếm ít hơn 20% lượng mưa cả năm. Các tháng mùa mưa có số ngày có mưa phổ biến trên 20 ngày (tháng 6,7,8,9) và có trên 15 ngày (tháng 5, tháng 10).

IV.2. Các điều kiện kinh tế - xã hội

1. Về Nông nghiệp

Các chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp cơ bản đạt và vượt so với Nghị quyết. Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng hàng hóa, ứng dụng khoa học kỹ thuật và liên kết chuỗi giá trị; các loại cây trồng chủ lực cây có giá trị kinh tế cao như cây ăn quả, cây dược liệu được chú trọng phát triển, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Ủy ban nhân dân xã tập trung triển khai Đề án tổng thể phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021–2025, gắn với các chương trình hỗ trợ sản xuất. Đã hình thành 03 cánh đồng lớn sản xuất tập trung; nhiều diện tích cây trồng được ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, nâng cao năng suất. Cơ cấu cây trồng được chuyển đổi hiệu quả, thay thế diện tích đất canh tác kém như đất lúa thiếu nước, đất trồng sản bạc màu, đất lâm nghiệp hiệu quả thấp bằng các loại cây có giá trị như cây công nghiệp lâu năm, mắc ca, mía, dừa và cây dược liệu. Công tác cải tạo vườn tạp được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển về số lượng và quy mô, gắn với công tác phòng, chống dịch bệnh. Cuối năm 2025, tổng đàn gia súc đạt 13.789 con, đàn gia cầm 22.000 con.

Công tác trồng rừng, giao đất, giao rừng cho cộng đồng dân cư được quan tâm triển khai hiệu quả, với tổng diện tích trồng rừng nhiệm kỳ qua đạt 759,3 ha. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng được thực hiện quyết liệt, góp phần hạn chế vi phạm lâm luật và cháy rừng.

Kinh tế tập thể được đẩy mạnh, hoạt động hiệu quả ở một số lĩnh vực, đóng vai trò quan trọng trong hình thành chuỗi liên kết giá trị, hỗ trợ sản xuất, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

2. Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

- Các cơ sở sản xuất, chế biến hàng hóa trên địa bàn với quy mô hộ gia đình chiếm tỷ trọng lớn, tập trung chủ yếu tại các thôn có điều kiện giao thông thuận lợi. Một số hộ dân đã mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới trang thiết bị, áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong khâu chế biến, gia công, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Tình hình hoạt động các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp: Hoạt động tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã duy trì ổn định, từng bước phát triển theo hướng đa dạng ngành nghề, gắn với nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của người dân. Một số ngành nghề truyền thống như mộc dân dụng, cơ khí nhỏ, chế biến nông – lâm sản tiếp tục được duy trì, tạo việc làm và thu nhập cho lao động tại chỗ của địa phương.

- Tình hình phát triển thương mại, dịch vụ, hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn: Hiện nay, trên địa bàn có 09 doanh nghiệp, 05

Hợp tác xã đang hoạt động và 110 cơ sở buôn bán hàng hoá, thu mua nông sản, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, gia dụng, kinh doanh tổng hợp, sửa chữa máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, dịch vụ vận tải, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại cũng được quan tâm triển khai.

- Tình hình triển khai Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP): Hiện nay trên địa bàn xã có 04 sản phẩm đạt 3 sao.

3. Về triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia: Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo yêu cầu, mục đích của chương trình, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu về kinh tế - xã hội, nhu cầu sản xuất tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM: Ủy ban nhân dân xã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Huy động, lồng ghép các nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững; chỉ đạo cải tạo vườn tạp, chỉnh trang vườn nhà, vệ sinh môi trường gắn với thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Đến nay xã Kon Đào đạt 15/19 tiêu chí xã nông thôn mới (còn 04 tiêu chí chưa đạt: Tiêu chí 1 về quy hoạch, tiêu chí 9 về nhà ở, tiêu chí 10 về thu nhập, tiêu chí 11 về hộ nghèo); Có 03/19 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới vùng đồng bào DTTS.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả; nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân có sự chuyển biến rõ rệt; nhiều mô hình sinh kế, dự án hỗ trợ giảm nghèo được triển khai đồng bộ, phát huy hiệu quả thiết thực. Nhiều mô hình, dự án, chính sách giảm nghèo đã được lồng ghép để triển khai đồng bộ, thực hiện có hiệu quả, góp phần mang lại diện mạo mới cho nông thôn xã. Đời sống kinh tế, xã hội của nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện, nâng lên rõ rệt. Đến cuối năm 2025 trên địa bàn xã còn 284 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 10,89% và 266 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 10,2%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 được triển khai bài bản, hiệu quả với tổng nguồn vốn đầu tư đạt trên 67,424 tỷ đồng. Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, trang bị cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục; xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung; hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, xây dựng và sửa chữa nhà ở. Các nội dung triển khai đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

4. Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền và của toàn xã hội. Khi triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn xã có 08 trường học, có 7/8 trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1, các trường đã duy trì nền nếp dạy và học ổn định; thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch năm học hàng năm theo hướng dẫn

của ngành Giáo dục, mạng lưới trường, lớp học tiếp tục được mở rộng, công tác phổ cập được củng cố và duy trì; đội ngũ giáo viên ngày càng nâng cao về chất lượng. Chất lượng giáo dục, đào tạo ở các cấp học, đặc biệt với học sinh dân tộc thiểu số, từng bước cải thiện. Cơ sở vật chất được kiên cố hoá, gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác hướng nghiệp, phân luồng sau THCS chuyển biến rõ nét. Triển khai đạt kết quả nội dung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

5. Dân số và Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho Nhân dân có chuyển biến tích cực. Thực hiện đầy đủ các chương trình mục tiêu về y tế – dân số; Chất lượng khám, chữa bệnh và tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sĩ ngày càng được nâng cao; đã chủ động triển khai nhiều biện pháp khống chế, ngăn chặn kịp thời các bệnh truyền nhiễm xuất hiện trên địa bàn, đặc biệt là đại dịch Covid-19 bùng phát vào những năm đầu nhiệm kỳ. Trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98 % vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

7. Văn hóa - Thể thao

- Hoạt động văn hoá, văn nghệ đã có sự chuyển biến tích cực, diễn ra sôi nổi, đáp ứng nhu cầu giải trí của Nhân dân và chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước, của địa phương; phong trào thể dục - thể thao phát triển rộng khắp tại các thôn trên địa bàn xã.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đạt kết quả tích cực, các hủ tục lạc hậu dần được xoá bỏ. Công tác bảo tồn văn hoá Xơ Đăng được chú trọng; 14/14 thôn đã có bộ công cụ phục vụ cho lễ hội, đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức truyền dạy công cụ và múa xoang hằng năm. Thiết chế văn hoá cơ sở được đầu tư, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị và nhu cầu sinh hoạt tinh thần của Nhân dân.

8. Thông tin và truyền thông

- Bưu chính - viễn thông: Mạng Bưu chính công cộng phát triển theo hướng đa dạng hóa các loại hình dịch vụ với chất lượng ngày càng cao. Dịch vụ viễn thông phát triển mạnh, phạm vi cung ứng dịch vụ được mở rộng khắp toàn xã, chất lượng phục vụ ngày càng nâng cao, dịch vụ bưu chính cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn xã.

- Trên địa bàn có 3 nhà mạng cung cấp dịch vụ thông tin di động là: VNPT, Viettel, Mobifone cơ bản được phủ sóng tại các khu dân cư, đảm bảo thông tin liên lạc cho người dân trên địa bàn.

- Hoạt động Trang thông tin điện tử của xã: Trang thông tin điện tử của xã được thành lập đi vào hoạt động hiệu quả, lượng người truy cập không ngừng tăng lên; cập nhật thông tin cơ bản đầy đủ các thông tin chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xã.

- Hệ thống đài truyền thanh của xã: Kịp thời cung cấp thông tin về phát triển kinh tế – xã hội, các sự kiện quan trọng của đất nước, của địa phương; đồng thời tuyên truyền các chủ trương, chính sách, công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai... trên địa bàn để người dân biết.

9. Công tác lao động, người có công và xã hội

- Chính sách người có công: Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người có công trên địa bàn xã theo đúng quy định. Qua đó đời sống tinh thần và vật chất của đối tượng chính sách ngày càng cải thiện, các chế độ chính sách, quà tặng ngày lễ, tết được lập hồ sơ chi trả, giải quyết đầy đủ, đúng đối tượng. Triển khai thực hiện đạt kết quả phong trào xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn; giải quyết kịp thời nhu cầu về nhà ở, đất ở, đất sản xuất cho người dân; tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ được vay vốn để sản xuất, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

- Chính sách trợ giúp xã hội: Công tác bảo trợ xã hội được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, nhận thức của người dân được nâng lên. Công tác trợ giúp xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, không để xảy ra tình trạng thiếu đói, rét; không có tình trạng khiếu nại, khiếu kiện xảy ra.

- Công tác đào tạo nghề: Quan tâm đầu tư công tác đào tạo nghề nói chung và dạy nghề cho lao động nông thôn nói riêng. Đến hết năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trên địa bàn xã đạt 34%.

- Công tác lao động, việc làm: Triển khai các hoạt động tuyên truyền, tư vấn các chủ trương, chính sách về lao động, việc làm, từ đó góp phần nâng cao nhận thức và tạo việc làm mới cho nhân dân, giảm tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn.

- Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội: Công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức toàn nhân dân về phòng, chống tệ nạn xã hội cũng được quan tâm đẩy mạnh triển khai.

- Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em: Triển khai thực hiện tiểu dự án 2 “*Cải thiện dinh dưỡng*” thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và nhiều dự án được lồng ghép để triển khai đồng bộ, thực hiện có hiệu quả, góp phần đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho trẻ em, nhất là trẻ em các thôn vùng đông bào dân tộc thiểu số.

- Công tác bình đẳng giới: Công tác Bình đẳng giới được cũng được chú trọng triển khai nhất là việc xây dựng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ nữ.

IV.3. Về Quốc phòng – an ninh

Quốc phòng, an ninh trên địa bàn được giữ vững, ổn định; không phát sinh điểm nóng, vụ việc phức tạp. Diễn tập khu vực phòng thủ cấp xã đạt kết quả loại giỏi; công tác tuyển quân hằng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu. Phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân đạt kế hoạch; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được tăng cường; không để hình thành băng, nhóm tội phạm; tuần tra, kiểm soát trật tự an toàn giao thông được duy trì thường xuyên.

Lực lượng vũ trang, dân quân, tự vệ, dự bị động viên và lực lượng bảo đảm an ninh trật tự cơ sở được xây dựng, củng cố vững mạnh, đảm bảo về số lượng và chất lượng, với tổng số 520 người tham gia. Công tác quản lý nhân hộ khẩu

thực hiện nghiêm túc; quản lý nhà nước về tôn giáo được chú trọng. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” có chuyển biến tích cực.

Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của Nhân dân thực hiện đúng quy định. Công tác sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước các thôn được quan tâm triển khai; các tổ hòa giải ở cơ sở được củng cố, kiện toàn; đội ngũ hòa giải viên phát huy tốt vai trò trong giải quyết kịp thời các tranh chấp nhỏ, góp phần giữ gìn an ninh trật tự tại khu dân cư.

(Các nội dung trích dẫn theo Báo cáo số 329/BC-UBND ngày 16/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào)

IV.3. Hiện trạng cơ sở hạ tầng

1. Giao thông

- Khu vực đầu tuyến có đường QL.40B được đầu tư với kết cấu mặt đường láng nhựa. Hệ thống rãnh dọc thoát nước hình thang kt(40x40x120)cm và hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến.

- Khu vực cuối tuyến có tuyến đường tránh đèo Măng Roi với kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Dọc tuyến giao với một số đường đi khu dân cư với kết cấu mặt đường láng nhựa hoặc bê tông xi măng.

Các tuyến đường còn lại trong khu vực chủ yếu là đường đất phục vụ sản xuất của người dân trong khu vực.

2. Cấp nước

Nguồn nước phục vụ ăn uống sinh hoạt hằng ngày và canh tác của các khu vực khác được lấy từ nguồn giếng đào, giếng khoan trong khu vực.

3. Thoát nước

- Thoát nước mưa: Ngoài tuyến đường QL40B và Đoạn tránh đèo Măng Roi đã được đầu tư như đã nói ở trên. Các tuyến còn lại chưa xây dựng công thoát nước dọc; nước mưa chủ yếu chảy trên mặt đường hoặc rãnh gia cố hình thang, rãnh đất.

- Thoát nước thải: Khu vực dự án chưa có hệ thống thoát nước thải tập trung. Hiện tại thoát nước thải chủ yếu là xả vào hệ thống thoát nước mưa hoặc làm các bể xử lý qui mô hộ gia đình.

4. Cấp điện

- Các tuyến đường trong khu vực đều đã có hệ thống điện chiếu sáng.

- Đa số hộ dân đã có điện lưới dùng để sinh hoạt nhưng công suất điện vẫn chưa đảm bảo đặc biệt là khả năng phát triển trong tương lai. Hệ thống dây dẫn trong nhà hầu hết là dây nổi, được xây dựng từ lâu.

5. Vệ sinh môi trường

- Hiện nay, khu vực dự án chưa có hệ thống xử lý nước thải. Nước thải trong khu vực chủ yếu là nước thải sinh hoạt, chủ yếu được đưa thẳng ra hệ thống thoát nước của đường hoặc các bể thấm của người dân.

- Việc quản lý thu gom chất thải rắn chưa có.

6..Hiện trạng sử dụng đất

- Khu vực dự án chủ yếu đất trồng cây cao su, cà phê, mì của người dân.

- Hiện trạng nhà ở: Nhà của người dân chủ yếu tập trung hai bên tuyến đường được xây dựng chủ yếu theo hình thức nhà cấp IV, mật độ nhà thấp.

IV.4. Hiện trạng công trình

a/ Hiện trạng tuyến

Tuyến cơ bản bám theo đường hiện trạng, kết cấu mặt đường láng nhựa, phạm vi đầu tuyến giao đường QL.40B điểm cuối tuyến giao với Đoạn tránh đèo Măng Roi, cụ thể như sau:

- Bề rộng nền đường: $B_n=4,5-5,0m$.

- Bề rộng mặt đường: $B_m=3,0-3,5m$.

- Bề rộng lề đường: $B_l=2x0,75m$ (trong đó lề gờ mỗi bên 0,5m).

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường láng nhựa 3 lớp, móng CPĐĐ đoạn Km0+00-Km2+183 dày trung bình 24cm; đoạn còn lại dày trung bình 15cm.

- Tuyến đường đã được đưa vào khai thác, sử dụng trong thời gian dài. Trong quá trình vận hành, tuyến chịu tác động trực tiếp của điều kiện khí hậu khắc nghiệt đặc trưng khu vực Bắc Tây Nguyên như mưa lớn kéo dài, bão, lũ và sự chênh lệch nhiệt độ theo mùa. Đồng thời, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, lưu lượng phương tiện tham gia giao thông trên tuyến ngày càng gia tăng cả về số lượng và tải trọng. Bên cạnh đó, tuyến đi qua khu vực địa hình phức tạp, nhiều đoạn có độ dốc lớn, bán kính cong nhỏ, tầm nhìn hạn chế; nền địa chất một số vị trí không ổn định. Các yếu tố bất lợi về địa hình kết hợp với tác động của thời tiết cực đoan trong thời gian qua đã làm suy giảm khả năng chịu lực của kết cấu nền, mặt đường. Hiện nay, mặt đường tại nhiều đoạn đã xuất hiện tình trạng hư hỏng như nứt dọc, nứt ngang, ổ gà, lún võng, bong tróc lớp mặt; nền đường tại một số vị trí bị sụt lún, xói lở, sạt trượt taluy, đặc biệt nghiêm trọng vào mùa mưa lũ, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng khai thác, an toàn giao thông và tuổi thọ công trình.

- Một số hình ảnh mặt đường:



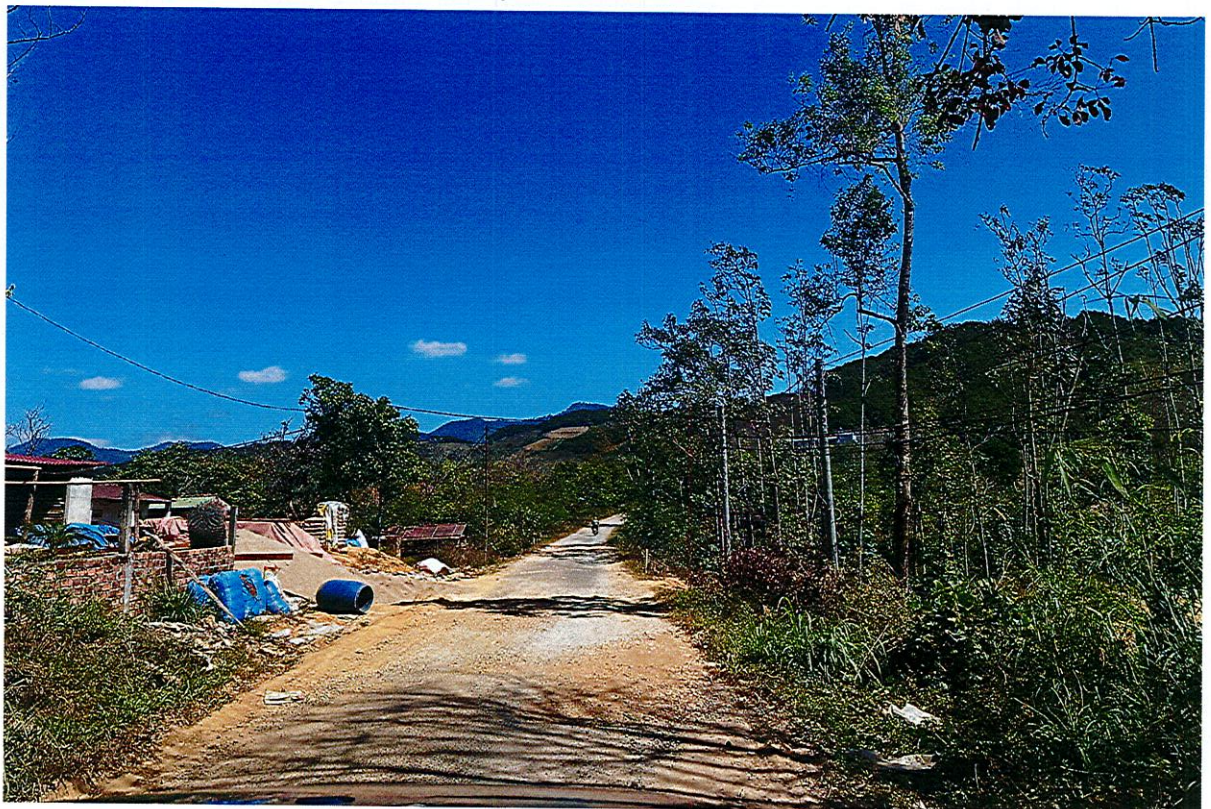
Lý trình Km0+00



Lý trình Km0+800



Lý trình Km1+900



Lý trình Km2+700



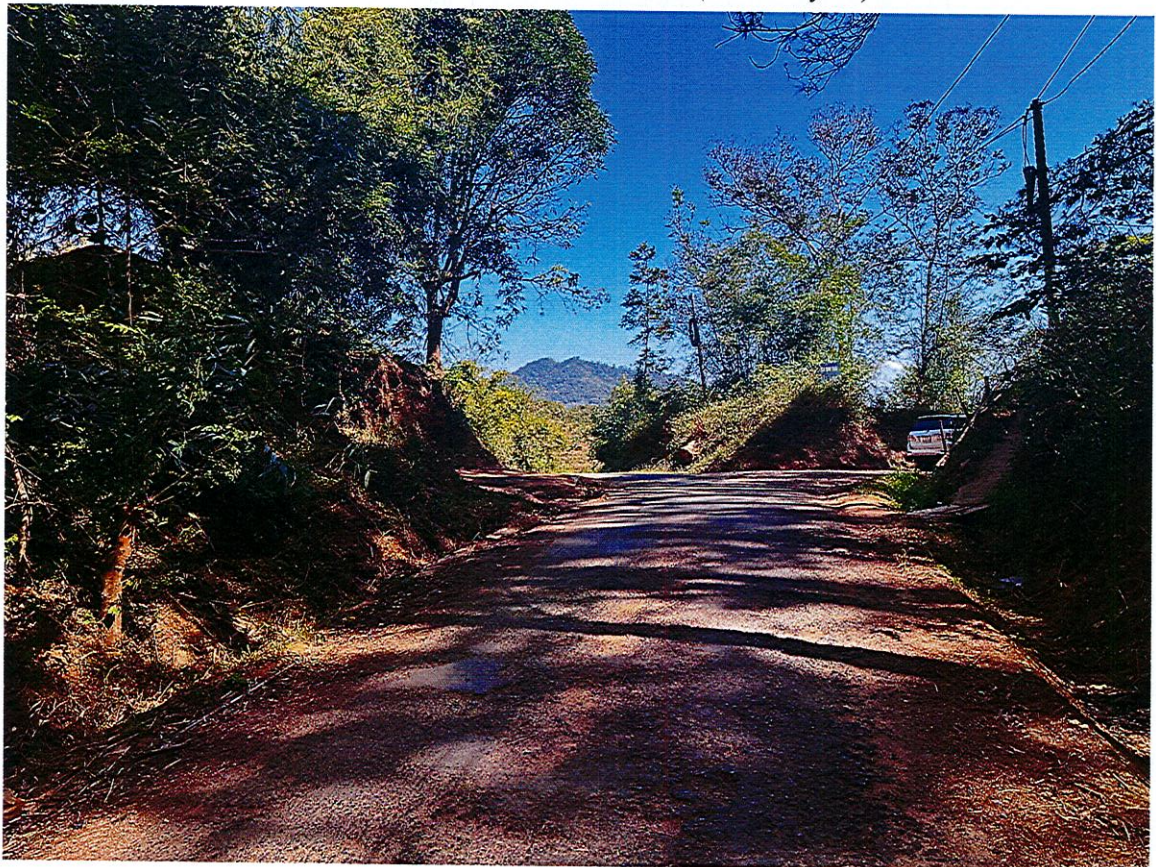
Lý trình Km3+100



Lý trình Km3+300 – Km3+500 (chính tuyến)



Lý trình Km3+600 – Km3+750 (chính tuyến)



Lý trình Km4+750 (Giao đường vào thác Đắk Sing)



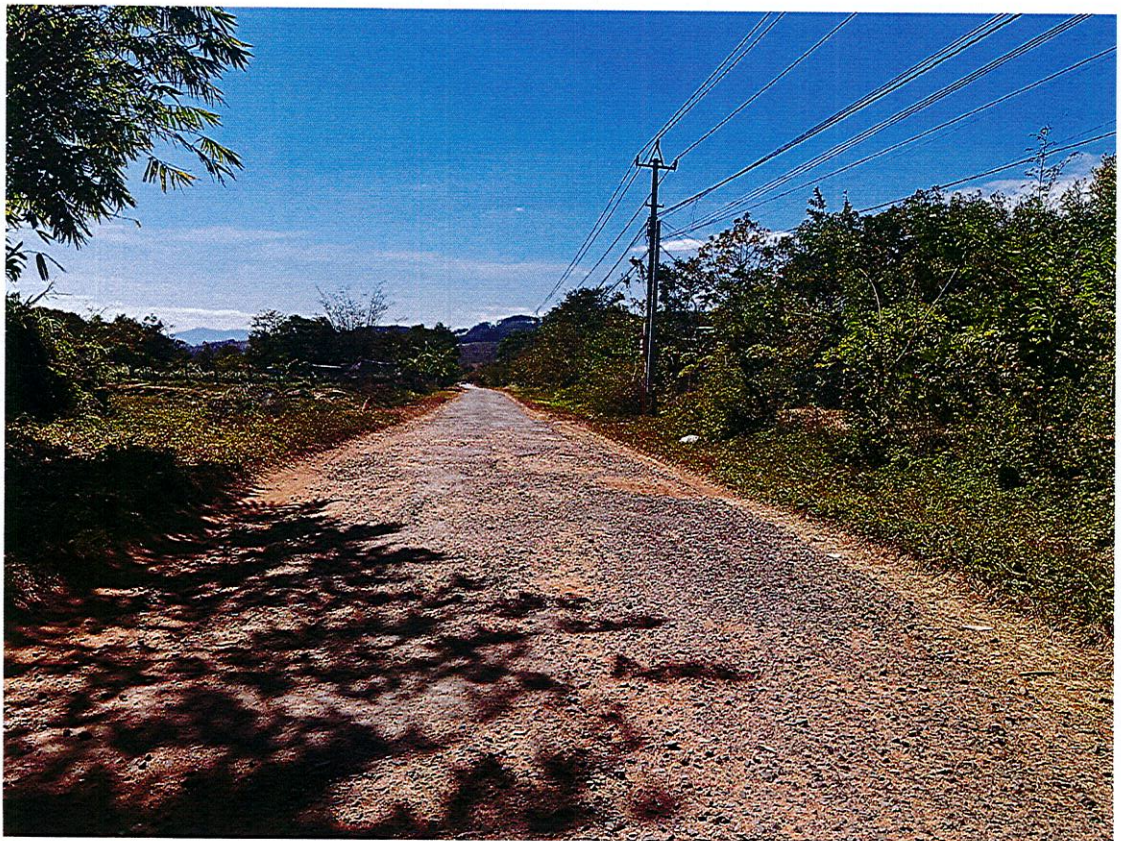
Lý trình Km6+760



Lý trình Km7+100



Lý trình Km7+480



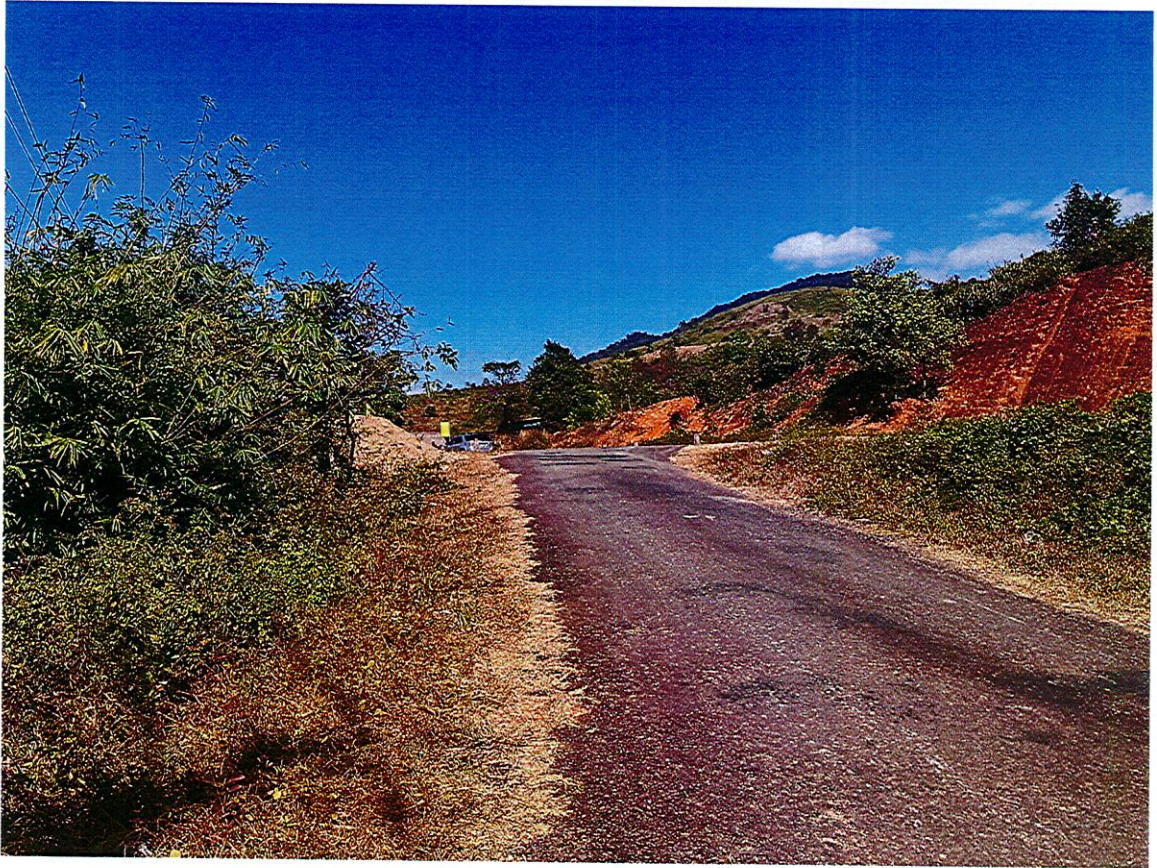
Lý trình Km8+100



Lý trình Km8+760



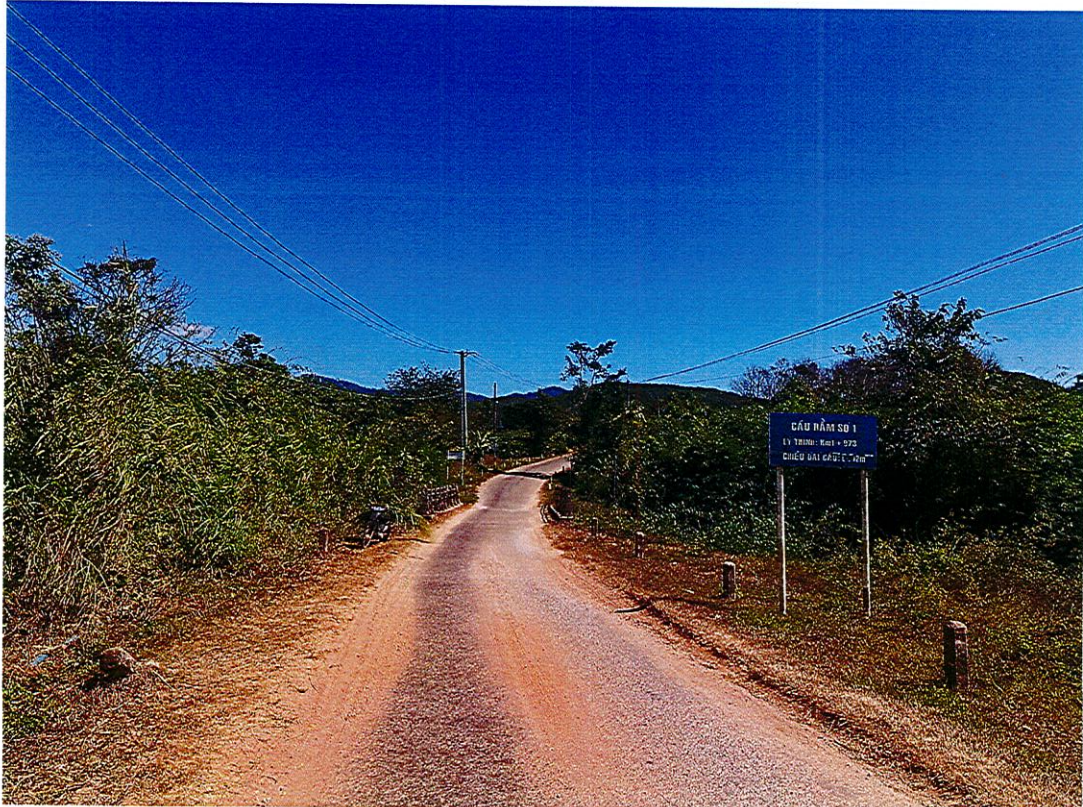
Lý trình Km10+550 (Trụ sở Cơ quan Ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Kon Đào)



Lý trình Km12+117 (Điểm cuối)

b/ Công trình cầu:

- Cầu dầm thép liên hợp tại lý trình Km1+924,46, $L=12\text{m}$, $B=(4,5+0,5*2)\text{m}$ (bề rộng mặt cầu 4,5m, lan can hai bên rộng 0,5m). Kết cấu cầu: dầm thép I, bản mặt cầu BTCT, móng cầu đá xây. Tải trọng qua cầu tối đa 5 tấn, cầu bị xuống cấp nghiêm trọng.



Vị trí cầu Km1+924,46



Mố MI



Dầm cầu bằng thép



Mố M2 bằng đá hộc xây

- Cầu bản tại lý trình Km6+773,66, L=6m, B=(4,5+0,5*2)m (bề rộng mặt cầu 4,5m, lan can hai bên rộng 0,5m). Kết cấu cầu: Cầu dầm bản BTCT, mố cầu BTCT, tải trọng H30, hiện trạng cầu đang sử dụng tốt.



Vị trí Km6+773,66



Hiện trạng cầu bản còn tốt

c/ Cổng và rãnh thoát nước:

- Cổng: Trên tuyến đã xây dựng các cổng thoát nước với hiện trạng như sau:

TT	Tên cọc	Lý trình	Hiện trạng cổng	Chiều dài L(m)
1	C	Km0+006,24	Cổng bản KT (60x60)cm	26
2	13=C	Km0+229,87	D100 bị lấp hoàn toàn, HL bằng đá hộc xây	10
3	C	Km0+743,82	2D150 còn tốt, TL,HL tường cánh, bị lấp 10%	8
4	C	Km1+023,46	D100 còn tốt, TL hồ thu đá hộc xây, HL tường đầu đá hộc xây	8
5	C	Km1+393,37	2D150 còn tốt, TL,HL tường cánh bằng BT	10
6	C	Km1+427,76	Cổng bản KT (80x60)cm bị lấp 80%	6
8	C	Km2+202,09	Cổng bản KT (80x60)cm bị lấp hoàn toàn	7
9	C	Km3+271,06	D100, ống cống nứt vỡ, mối nối bong tróc, không đảm bảo thoát nước	9
10	P33	Km3+382,60	D80, TL bị lấp hoàn toàn, HL tường cánh bê tông	10
11	TD37A	Km3+617,95	Không có cổng	
12	C	Km3+711,62	D100, ống cống nứt vỡ, mối nối bong tróc, thượng lưu bị lấp, hạ lưu xói lở hông sân cống.	7
13	C	Km3+739,33	D100, ống cống nứt vỡ, mối nối bong tróc, không đảm bảo thoát nước	8
14	C	Km4+019,29	D100, ống cống nứt vỡ, mối nối bong tróc, thượng lưu bị lấp, hạ lưu xói lở hông sân cống.	9
15	C	Km4+193,08	D100, TL,HL tường đầu, tường cánh hông không	11

			đảm bảo thoát nước	
16	C	Km4+394,01	Cống bản KT (60x60)cm bị lắp hoàn toàn	6
17	27	Km4+375,52	Không có cống	
18	C	Km4+559,22	D100, TL,HL tường đầu, tường cánh, còn tốt, bị lắp 10%	8
19	C	Km4+925,40	D80, TL,HL tường đầu, tường cánh, còn tốt, bị lắp 10%	10
20	C	Km5+207,09	D100, TL,HL tường đầu, tường cánh, còn tốt, bị lắp 20%	10
21	C	Km5+304,81	D100, TL hồ thu bê tông, HL tường cánh bê tông, bị lắp 10%	8
22	C	Km5+565,60	D100, TL,HL tường đầu, tường cánh, còn tốt	10
23	C	Km5+791,62	Cống bản KT (60x60)cm bị lắp 50%	7
24	C	Km6+063,71	Cống tròn tự phát D40cm bị lắp hoàn toàn	6
25	C	Km6+170,62	Mương TL bằng ống sắt D40cm	7
26	C	Km6+186,99	D150, TL,HL tường đầu, tường cánh, còn tốt, bị lắp 10%	9
27	42-C	Km6+807,83	Mương TL bằng kết cấu tạm	17
28	C	Km6+954,45	Cống bản KT (60x60)cm bị lắp hoàn toàn	6
29	TD94	Km8+767,09	D150, TL,HL tường đầu, tường cánh, bị lắp 50%	7
30	C	Km8+935,46	2D150, TL,HL tường đầu, tường cánh, bị lắp 50%	11
31	C	Km9+033,24	D100, TL,HL tường đầu, tường cánh, còn tốt, bị lắp 10%	8
32	C	Km9+443,29	D150, TL,HL tường đầu, tường cánh, bị lắp 10%	15
33	C	Km9+919,85	D75 bị lắp 100%	8
34	80	Km10+011,95	Không có cống	
35	C	Km10+256,09	D150, TL,HL tường đầu, tường cánh, bị lắp 10%	10
36	C	Km10+328,93	D100, TL,HL tường đầu, tường cánh, bị lắp 10%	8
37	C	Km10+690,40	D75, TL,HL tường đầu, tường cánh, bị lắp 40%	7
38	C	Km10+912,22	Không có cống	
39	C	Km11+252,85	2D150, TL,HL tường cánh, sân cống hỏng, ống cống nứt vỡ, mối nối cống bong tróc	16
40	C	Km11+672,31	D100, TL,HL tường đầu, tường cánh, còn tốt, bị lắp 20%	10
41	82-C	Km11+868,65	D75, TL,HL tường đầu, tường cánh, bị lắp 20%	10

- Rãnh: Hầu hết do không được duy tu, sửa chữa hàng năm nên hầu hết đã bị xói lở, vùi lấp.

d/ Hệ thống an toàn giao thông:

Cọc tiêu, biển báo an toàn giao thông: Trên tuyến hầu hết đã được xây dựng từ lâu bị gãy đổ, hư hỏng và biển báo rỉ sét, bong tróc. Một số cọc tiêu, biển báo còn lại sử dụng được nhưng không đảm bảo tuân thủ theo kích thước tối thiểu theo Quy chuẩn an toàn giao thông mới (QCVN 41:2019/BGTVT). Nên kiến nghị xây dựng mới toàn bộ hệ thống cọc tiêu biển báo theo Quy chuẩn mới.

e/ Công trình hạ tầng kỹ thuật khác:

- Thoát nước thải: Khu vực dự án chưa có hệ thống thoát nước thải tập trung. Hiện tại thoát nước thải chủ yếu là xả vào hệ thống thoát nước mưa hoặc làm các bể xử lý qui mô hộ gia đình.

- Cấp điện: Dọc tuyến đã có hệ thống điện sinh hoạt, chưa có điện chiếu sáng công lộ.

- Hệ thống cấp nước: Chưa có.

V. QUY MÔ XÂY DỰNG, LOẠI VÀ CẤP CÔNG TRÌNH

V.1. Qui mô xây dựng

Nâng cấp, mở rộng tuyến đường theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (TCVN 4054:2005) với các thông số kỹ thuật chính như sau:

- Vận tốc thiết kế: 30Km/h;

- Chiều dài tuyến: 12,073Km;

- Độ dốc dọc lớn nhất: $I_{max}=12\%$ (châm chước theo văn bản số 171/VP-KTTH ngày 12/2/2014 của UBND tỉnh Kon Tum);

- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,50m$, trong đó:

+ Bề rộng mặt đường $B_m = 3,50m$.

+ Bề rộng lề đường gia cố: $B_{lgc}=2 \times 1,0m=2,0m$.

+ Bề rộng lề đường đất: $B_l=2 \times 0,5m=1,0m$.

- Kết cấu mặt đường: Bao gồm các loại kết cấu như sau:

+ Kết cấu 3: Tăng cường trên mặt đường cũ đoạn Km0+00÷Km2+183, $E_0 \geq 80$ MPa.

++ Bê tông nhựa BTNC 16 dày 7cm;

++ Tưới nhựa thấm bám TCN 1 lít/m²;

++ Móng cấp phối đá dăm loại I, $D_{max}25$ dày 15cm;

++ Bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ $D_{max}25$.

+ Kết cấu 3a: Mở rộng mặt đường đoạn Km0+00÷Km2+183.

++ Bê tông nhựa BTNC 16 dày 7cm;

++ Tưới nhựa thấm bám TCN 1 lít/m²;

++ Móng cấp phối đá dăm loại I, $D_{max}25$ dày 15cm;

++ Móng cấp phối đá dăm loại II, $D_{max}37,5$ dày 25cm

+ Kết cấu 2: Tăng cường trên mặt đường cũ đoạn Km2+183 ÷ Điểm cuối, $80MPa > E_0 \geq 60MPa$ (KC2):

++ Bê tông nhựa BTNC 16 dày 7cm;

++ Tưới nhựa thấm bám TCN 1 lít/m²;

++ Móng cấp phối đá dăm loại I, $D_{max}25$ dày 25cm;

++ Bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ $D_{max}25$.

+ Kết cấu 1: Sử dụng cho các đoạn chỉnh tuyến cục bộ và phần mặt đường cạp rộng, $E_{yc} \geq 130MPa$.

++ Bê tông nhựa BTNC 16 dày 7cm;

++ Tưới nhựa thấm bám TCN 1 lít/m²;

- ++ Móng cấp phối đá dăm loại I, Dmax25 dày 25cm;
- ++ Móng cấp phối đá dăm loại II, Dmax37,5 dày 15cm.
- Kết cấu lề đường gia cố: Đồng nhất với kết cấu mặt đường (Kết cấu 1);
- Kết cấu lề đường không gia cố: Bằng đất đầm chặt $K \geq 95$;
- Tải trọng trục tiêu chuẩn thiết kế nền, mặt đường: Trục xe 10T;
- Tần suất thiết kế nền đường, cống và cầu nhỏ: $P=4\%$;
- Cống:
 - + Tải trọng thiết kế cống thoát nước: H30-XB80.
 - + Tận dụng những cống còn sử dụng tốt, sửa chữa các cống bị hư hỏng; đồng thời nối cống để phù hợp với bề rộng nền đường.
 - + Thiết kế mới bổ sung thêm cống mới tại một số vị trí cần thiết.
 - + Kết cấu cống: Bằng bê tông và BTCT.
 - Công trình cầu:
 - + Tại lý trình Km1+924,46 thiết kế mới cầu dầm BTCT dự ứng lực, $L=24m$, $B=5,5m+2 \times 0,5m=6,5m$, tải trọng thiết kế HL93.
 - + Tại lý trình Km6+773,66 tận dụng cầu bản BTCT chiều dài nhịp $L=6,6m$, thiết kế mở rộng 3,0m về phía thượng lưu. Kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép.
 - Rãnh dọc: Tận dụng các đoạn rãnh cũ còn tốt, sửa chữa các đoạn rãnh bị hư hỏng, bổ sung gia cố các đoạn có địa chất không ổn định, các đoạn chính tuyến và các đoạn qua khu dân cư. Kết cấu bằng bê tông xi măng và bê tông cốt thép có nắp dầy. Mặt cắt ngang rãnh dạng hình thang và chữ nhật.
 - An toàn giao thông: Bố trí cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan...theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN41:2024.

V.2. Loại và cấp công trình:

Loại công trình: Công trình giao thông (theo Nghị định số 06/2021/NĐCP ngày 26/01/2021); Cấp công trình: Cấp IV (theo Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021).

V.3. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
I. Tiêu chuẩn áp dụng trong khảo sát, thiết kế		
1.	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31: 2020/TCĐBVN
2.	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
3.	Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4.	Khảo sát cho xây dựng, nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
5.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu các điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD

6.	Quy trình khảo sát, thiết kế đường ô tô đắp trên đất yếu	TCCS 41: 2022/TCĐBVN
7.	Thiết kế công trình chịu động đất (tra cấp động đất)	TCVN 9386:2012
8.	Tiêu chuẩn khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437: 2012
9.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351 : 2012
10.	Đất xây dựng - Lấy, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683 - 2012
11.	Phương pháp chỉnh lý, thống kê các kết quả xác định đặc trưng của đất	TCVN 9153 : 2012
12.	Đất xây dựng - Phân loại	TCVN 5747:1993
13.	Công trình xây dựng - Phân cấp đá xây dựng	TCVN 11676:2016
14.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực (Đánh giá mức độ ăn mòn hóa học của nước)	TCVN12041:2017
15.	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570: 2006
16.	Nền đường đắp đá - Thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCCS29:2020/TCĐBVN
17.	Đất, đá dăm dùng trong công trình GT - Đầm nén Proctor	TCVN12790:2020
18.	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm.	TCVN12792:2020
19.	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử	TCVN 7572:2006
20.	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN8862:2011
21.	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054 - 2005
22.	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38: 2022/TCĐBVN
23.	Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39: 2022/TCĐBVN
24.	Quy trình thiết kế lập tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252:2012
25.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
26.	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2012
27.	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2020
28.	Cống tròn	78-02X; 533-01-01, 533-01-02
29.	Cống hộp lắp ghép BTCT	86-04X, 86-05X

30.	Cầu bản mô nhẹ	531-11-01
31.	Định hình thiết kế tường chắn đất	86-06X
32.	Thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
33.	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304-2014
34.	Gối cầu cao su cốt bản thép	AASHTO M251 - 06 - UL ASTM D4014-03 (2007)
35.	Công trình xây dựng - Phân cấp đá trong thi công	TVCN 11676:2016
36.	Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác	TCCS 14:2016/TCĐBVN
37.	Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán	TCVN 9379:2012
38.	Thiết kế công trình phụ trợ thi công cầu	TCVN 11815:2017
II. Tiêu chuẩn áp dụng trong thi công và nghiệm thu		
39.	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
40.	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
41.	Xác định mô đun đàn hồi của nền, đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
42.	Tiêu chuẩn thi công cầu đường bộ	TCVN 12885:2020
43.	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
44.	Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012
45.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453 - 1995
46.	Bê tông khối lớn - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCXDVN 305-2004
47.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, điều kiện thi công và nghiệm thu	TCVN 5724-1993
48.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
49.	Bê tông, yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2012
50.	Sơn bảo vệ kết cấu thép - Đánh giá độ bám dính của lớp phủ và các tiêu chí chấp nhận	TCVN 12816:2019
51.	Sơn bảo vệ kết cấu thép Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
52.	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm	TCVN 8791:2011

	thu	
53.	Son tín hiệu giao thông	TCVN 8786:2011 ÷ TCVN 8788:2011
54.	Son và lớp phủ bảo vệ kim loại - Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên	TCVN 8785 1÷14:2011
55.	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
56.	Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá xác định bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
57.	Mặt đường ô tô - Xác định bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
58.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
59.	Quy trình thí nghiệm xác định độ chặt nền móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346-06
60.	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
61.	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
62.	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
63.	Xi măng Poocăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:2020
64.	Xi măng Poocăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2020
65.	Phụ gia hoá học cho bê tông	TCVN 8826:2011
66.	Nước trong xây dựng	TCXD 81:1991
67.	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2003
68.	Thép kết cấu cho cầu	ASTM A709M
69.	Thép cường độ cao	ASTM A416
70.	Thép cốt bê tông	TCVN 1651:2018
71.	Thép các bon cán nóng dùng làm kết cấu trong xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5709:2009
72.	Thép cốt bê tông dự ứng lực	TCVN 6284:1997
73.	Thép thanh cốt bê tông - Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997
74.	Tiêu chuẩn kỹ thuật khe co giãn	AASHTO M29706; AASHTO M183-06
75.	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012

76.	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
77.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 13567:2022
78.	Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp điện từ xác định chiều dày bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
79.	Hỗn hợp bê tông trộn sẵn - Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu	TCVN 9340:2012
80.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
81.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đinh phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12584:2019
82.	Màng phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
83.	Kết cấu BT&BTCT - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345:2012
84.	Cọc khoan nhồi - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012
85.	Tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng công nền đắp trên đất yếu	TVCN 9844:2013
86.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
87.	An toàn thi công cầu	TCVN 8774:2012

Ghi chú:

- Một số tiêu chuẩn tùy theo phạm vi áp dụng có thể dùng chung cho cả giai đoạn khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu.

- Đối với các tiêu chuẩn có mã hiệu TCN, TCXD, Quy định tạm thời hiện nay đang được chuyển đổi sang tiêu chuẩn TCVN. Trong quá trình triển khai dự án, sẽ tiếp tục được cập nhật điều chỉnh để đảm bảo theo các quy định hiện hành.

VI. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ BVTC CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

VI.1. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

1. Hướng tuyến

Trên cơ sở hiện trạng đường cũ, điều kiện địa hình, địa vật khu vực, lựa chọn phương án hướng tuyến phù hợp theo hồ sơ thiết kế cơ sở đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- Điểm đầu: Giao với Quốc lộ 40B tại Km200+950.

- Điểm cuối: Giao với tuyến tránh đèo Văn Roi.

- Chiều dài: 12,073Km.

- Tim tuyến: Bám theo đường cũ hiện hữu để tận dụng nền đường, mặt đường và một số công trình hiện có và giảm thiểu cơ bản khối lượng đền bù, giải phóng mặt bằng. Chỉ chỉnh cục bộ một số đoạn tuyến có địa hình khó khăn, độ dốc dọc tương đối lớn, bình diện tuyến quanh co với nhiều đường cong có bán kính nhỏ liên tục, một số đoạn có độ dốc ngang sườn lớn và bị khống chế bề rộng nền đường bên phía taluy âm là vực sâu hoặc sát suối để bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật theo

cấp đường, đồng thời đủ bề rộng của nền đường, đảm bảo ổn định công trình, an toàn giao thông trong quá trình khai thác.

2. Thiết kế bình diện

- Trên cơ sở hướng tuyến được chọn, thiết kế bình diện phù hợp với qui trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng tối đa tiêu chuẩn về hình học của cấp đường và quá trình khai thác, đảm bảo lưu thông được êm thuận nhất.

- Kết quả thiết kế:

Stt	R (m)	Số lượng (cái)	Tỉ lệ (%)
1	Không cắm cong	5	4.24%
2	$0.00 < R \leq 30.00$	3	2.54%
3	$30.00 < R \leq 60.00$	32	27.12%
4	$60.00 < R \leq 150.00$	47	39.83%
5	$150.00 < R \leq 500.00$	23	19.49%
6	$500.00 < R \leq 1000.00$	8	6.78%
	Tổng số	111	100%

3. Thiết kế trắc dọc

- Các thông số kỹ thuật của trắc dọc thiết kế tuân thủ theo đúng quy trình quy phạm, phù hợp với điều kiện địa hình khu vực, hài hòa các yếu tố cong đứng với đường cong bằng; êm thuận trong quá trình khai thác và khối lượng thực hiện là ít nhất.

- Thiết kế đường đò đảm bảo độ dốc dọc tối đa và bám theo đường hiện hữu nhằm tận dụng tối đa kết cấu mặt đường cũ và các công trình trên tuyến giảm chi phí xây dựng và GPMB.

- Một số đoạn có độ dốc dọc lớn thiết kế hạ độ dốc dọc, đảm bảo các yếu tố về trắc dọc tuyến và phù hợp với hiện trạng đã xây dựng tại vị trí cuối tuyến.

- Trắc dọc thỏa mãn các điểm khống chế tại các vị trí điểm đầu, điểm cuối, giao với đường cũ đã xây dựng, các vị trí cầu cống...;

- Cao độ đường đò là cao độ tại tim đường, sử dụng hệ cao độ giả định thống nhất cho toàn dự án.

- Kết quả thiết kế:

STT	I (%)	Chiều dài	Tỷ lệ (%)
1	$I = 0$	136,77	1,13
2	$0.00 < I \leq 4.00$	6723,05	55,69
3	$4.00 < I \leq 6.00$	1839,53	15,24
4	$6.00 < I \leq 10.00$	1710,92	14,17
5	$10.00 < I \leq 12.00$	1662,46	13,77
	Tổng số	12072,73	100,00

4. Thiết kế mặt cắt ngang

- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,5\text{m}$;

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5\text{m}$;

- Bề rộng lề gia cố: $B_{lgc} = 2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$;

- Bề rộng lề đất: $B_l = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

- Độ dốc ngang mặt đường, lề gia cố: $i = 2\%$.

- Độ dốc ngang lề đất: $i = 4\%$.

5. Thiết kế nền đường

- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,5\text{m}$;

- Khu vực tác dụng nền đường đến 80cm tính từ đáy kết cấu áo đường. Việc thiết kế khu vực tác dụng nền đường thỏa mãn các yêu cầu sau:

+ Sức chịu tải nền đường: Lớp trên cùng dày 30cm đảm bảo sức chịu tải CBR tối thiểu bằng 6; 50cm tiếp theo CBR tối thiểu bằng 4.

+ Độ chặt nền đường: Độ chặt nền đường $K \geq 95$;

- Đối với những đoạn nền đường thông thường: Trước khi đắp các lớp đất mới, xử lý nền đất tự nhiên bằng cách đào bỏ lớp đất không thích hợp dày 20cm-30cm thay bằng lớp đất mới thích hợp. Với những nơi đắp có độ dốc sườn tự nhiên $\geq 20\%$ phải đào cấp trước khi đắp, bề rộng đánh cấp tối thiểu 1m.

- Những đoạn đào sâu: Khi chiều cao mái taluy đào lớn thì cứ (8 - 10)m giạt cấp tạo thêm cơ rộng 2m kết hợp với thiết kế dốc nước; thêm cơ và dốc nước được gia cố bằng BTXM để dẫn nước xuống rãnh dọc.

- Độ dốc mái ta luy nền đào và đắp phụ thuộc cấu tạo địa chất, thủy văn, thông thường:

+ Nền đào: Đất sét: Trị số mái dốc $1/m = 1/0,75 - 1/1$

Đá mềm $1/0,5 \div 1/0,75$

Đá cứng $1/0,25 \div 1/0,75$

+ Nền đắp: $1/m = 1/1,5$

- Gia cố mái ta luy nền đắp: Gia cố mái ta luy nền đường đắp với kết cấu bằng bê tông xi măng để hạn chế xói lở.

6. Thiết kế mặt đường

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5m$.

- Tải trọng thiết kế mặt đường: Trục xe 10T;

- Mô đun đàn hồi yêu cầu mặt đường: $E_{yc} \geq 130MPa$;

- Lựa chọn kết cấu mặt đường căn cứ theo các yêu cầu sau:

+ Phù hợp với mục tiêu và qui mô xây dựng của tuyến đường;

+ Kết quả khảo sát địa chất nền đường;

+ Kết quả khảo sát Mô đun mặt đường cũ;

+ Nguồn cung cấp vật liệu của địa phương;

+ Khả năng thi công và giá thành;

+ Tận dụng được kết cấu mặt đường cũ ở một số đoạn còn tốt.

- Lựa chọn vật liệu:

+ Bê tông nhựa chặt rải nóng;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 lớp trên;

+ Cấp phối đá dăm loại 2 lớp dưới.

Vì là dự án nâng cấp, mở rộng, trên cơ sở kết quả khảo sát địa chất và thủy văn nền đường, kết quả đo Mô đun đàn hồi mặt đường cũ, tình trạng kết cấu mặt đường hiện hữu và các yêu cầu nêu trên, giải pháp thiết kế kết cấu áo đường chủ yếu sử dụng kết cấu tăng cường trên mặt đường cũ (gồm KC3 và KC2) như sau:

- Kết cấu 3 (KC3): Tăng cường trên mặt đường cũ đoạn $Km0+00 \div Km2+183$, $E_0 \geq 80 MPa$.

+ Bê tông nhựa BTNC 16 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m²;

+ Móng cấp phối đá dăm loại I, $D_{max} 25$ dày 15cm;

+ Bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ $D_{max} 25$.

- Kết cấu 3a (KC3a): Mở rộng mặt đường đoạn $Km0+00 \div Km2+183$.

- + Bê tông nhựa BTNC 16 dày 7cm;
- + Tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m²;
- + Móng cấp phối đá dăm loại I, D_{max}25 dày 15cm;
- + Móng cấp phối đá dăm loại II, D_{max}37,5 dày 25cm
- Kết cấu 2 (KC2): Tăng cường trên mặt đường cũ đoạn Km2+183 ÷ Điểm cuối, 80MPa > E₀ ≥ 60MPa (KC2):
- + Bê tông nhựa BTNC 16 dày 7cm;
- + Tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m²;
- + Móng cấp phối đá dăm loại I, D_{max}25 dày 25cm;
- + Bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ D_{max}25.
- Ngoài ra, phải cập rộng mặt đường cũ; thay thế các đoạn mặt đường hư hỏng để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cấp đường thiết kế mới và các đoạn chính tuyến cục bộ nên sử dụng Kết cấu 1 (KC1) với E_{yc} ≥ 130MPa với các lớp như sau:
- + Bê tông nhựa BTNC 16 dày 7cm;
- + Tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m²;
- + Móng cấp phối đá dăm loại I, D_{max}25 dày 25cm;
- + Móng cấp phối đá dăm loại II, D_{max}37,5 dày 15cm.
- Độ dốc ngang mặt đường: I = 2%.

7. Thiết kế lề đường

- Bề rộng lề gia cố: B_{lgc} = 2x1,0m = 2,0m;
- Bề rộng lề đất: B_l = 2x0,5m = 1,0m.
- Kết cấu lề gia cố: Như kết cấu mặt đường đồng nhất với KC1.
- Kết cấu lề không gia cố: Đất đầm chặt K95.
- Độ dốc ngang lề gia cố: I_{lgc} = 2%.
- Độ dốc ngang lề không gia cố: I_{ld} = 4%.

8. Công trình thoát nước

a) Thoát nước dọc

Tận dụng các đoạn rãnh hiện hữu còn tốt. Bổ sung thiết kế các đoạn rãnh với giải pháp như sau:

- Đối với nền đào hoặc nền đắp thấp thiết kế rãnh dọc hình thang, kích thước (40x40x120)cm.

- Những đoạn có độ dốc dọc I_d ≥ 6% hoặc những đoạn có hiện trạng xói lở được gia cố bằng tấm đan BTXM đá (1x2)cm M200 lắp ghép kích thước (48x57x7)cm, đáy rãnh BTXM đá (1x2)cm M150 đổ tại chỗ dày 10cm; vuốt nối vai đường bằng BTXM đá 1x2, M250. Đồng thời tại một số vị trí có đường vào nhà dân thiết kế tấm đan BTCT đá 1x2, M200 KT(160x50x10)cm.

- Những đoạn qua khu đông dân cư, địa chất không ổn định hoặc có nước chảy thường xuyên thiết kế rãnh hình vuông kích thước (60x60)cm; thân rãnh bằng BTXM đá (2x4)cm M150; tấm đan, đà kiềng bằng BTCT đá (1x2)cm M200.

b) Thoát nước ngang

- Tận dụng khẩu độ cống hiện trạng và thiết kế nối thêm để đảm bảo đủ bề rộng bố trí nền đường mới. Đối với các cống có khẩu độ < 100cm thì thay thế mới bằng cống có khẩu độ D = 100cm hoặc tương đương.

- Thiết kế cống có diện tích mặt cắt ngang là tròn hoặc vuông bằng BTCT, tải trọng H30-XB80. Với cống tròn thì thân cống bằng BTCT đá 1x2 M200, với cống bản thì thân cống bằng bê tông đá 2x4, M150. Tường đầu, tường cánh, hố tụ, gia cố thượng - hạ lưu bằng bê tông đá 2x4, M150.

9. Cầu bản (Km6+773,66)

* Hiện trạng:

- Hiện trạng cầu cũ: Đang sử dụng tốt;
- Tải trọng thiết kế cầu cũ: H30-XB80;
- Bề rộng: $B=5,5\text{m}$;

* Giải pháp thiết kế:

- Tận dụng cầu bản đã xây dựng, đồng thời mở rộng cầu thêm 3,0m về phía thượng lưu để đảm bảo bề rộng cầu.

- Bề rộng cầu: $B=0,5+7,5+0,5=8,5\text{m}$.

- Tàn suất thiết kế: $P=4\%$.

- Chiều dài nhịp: $L_n=6,6\text{m}$.

- Kết cấu móng cầu:

+ Móng, thân móng, tường cánh: bằng bê tông đá 2x4, M150 thi công đổ tại chỗ.

+ Xà mũ móng: bằng BTCT đá 1x2, M250 thi công đổ tại chỗ.

+ Thanh chống: kích thước (600x20x30)cm, kết cấu BTCT đá 1x2, M250 thi công đổ tại chỗ.

- Kết cấu nhịp: Gồm 1 nhịp dầm bản BTCT $L=6,6\text{m}$, chiều cao 38cm, chiều rộng phần mở rộng thêm $B=3,0\text{m}$.

- Lớp mặt cầu bao gồm: Lớp BTNC 16 dày 7cm, tưới dính bóm 0,3 lít/m²; lớp chống thấm dạng phun. Độ dốc ngang mặt cầu: $I_n = 2\%$.

- Lan can tay vịn:

+ Cột lan can bằng BTCT đá 1x2, M200 kích thước (14x16x80)cm.

+ Tay vịn bằng ống thép D114mm dày 3,5mm, chiều dài mỗi ống $L=2100\text{mm}$.

- Đường hai đầu cầu: Nền đường đầu cầu rộng 8.0m mặt đường 7.0m, dài 10m mỗi bên. Thiết kế vuốt nối nền đường từ 8.0m, mặt 7.0m về nền đường rộng 6.5m, mặt rộng 5.5m trên đoạn dài 15m mỗi bên. Gia cố taluy 10m đường hai đầu cầu bằng bê tông đá 1x2, M200, lưới thép D6@200 dày 15cm trên 01 lớp giấy dầu. Chân khay 10m đường hai đầu cầu bằng bê tông đá 2x4, M150, kích thước (1.0x0.5)m trên đệm đá dăm dày 10cm.

10. Cầu bê tông cốt thép (Km1+924,46)

Vì cầu cũ đã xuống cấp, không đảm bảo chịu lực; đồng thời tải trọng qua cầu chỉ 5T nên thiết kế cầu mới với quy mô chủ yếu của cầu như sau:

- Kết cấu 01 nhịp dầm giản đơn BTCT mặt cắt chữ I.

- Tải trọng: HL93.

- Khô cầu: $B = 6,5\text{m}$.

- Chiều dài nhịp $L_n = 1 \times 24 = 24\text{m}$.

- Tàn suất thiết kế: $P = 4\%$.

- Móng cầu: Dạng móng tường BTCT 30MPa.

- Móng móng cầu: Móng nông bằng BTCT 30MPa.

- Taluy nón móng gia cố bằng bê tông đá 1x2, 15MPa, lưới thép D6 dày 15cm trên 1 lớp giấy dầu, chân khay bằng bê tông đá 2x4, 15MPa, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Bản dẫn đầu cầu bằng BTCT đá 1x2, 25MPa đổ tại chỗ trên lớp bê tông đệm đá 2x4 dày 10cm.

- Kết cấu nhịp: Gồm 1 nhịp dầm I bê tông cốt thép, $L=24m$. Mặt cắt ngang nhịp gồm 3dầm, chiều cao dầm $h=1,45m$. Gối cầu dùng gối cao su cốt bản thép. Lan can tay vịn dùng thép mạ kẽm nhúng nóng. Khe co giãn dùng khe loại răng lược. Các lớp mặt cầu: Lớp BTNC 16 dày 7cm, tưới nhựa dính bám, lớp chống thấm dạng phun, bản mặt cầu BTCT dày 20cm.

11. Tường chắn taluy, gia cố mái taluy

- Đoạn Km11+217,85 – Km11+247,85 Thiết kế tường chắn $H=2,0m$; kết cấu bằng BTXM đá 2x4, M150, đệm đá dăm dày 10cm.

- Đoạn Km4+090.00 - Km4+100.00 hiện trạng mái taluy bên phải tuyến bị sạt lở, xếp rọ đá kích thước (100x200x50)cm.

- Trên các tuyến đường tại những vị trí nền đường đắp cao ($H \geq 2m$) thiết kế gia cố mái taluy âm bằng BTXM đá 1x2 M150 dày 15cm, lót 1 lớp giấy dầu. Chân khay KT(50x100)cm bằng BTXM đá 2x4 M150 trên lớp đệm đá dăm dày 10cm.

12. Thiết kế đường giao dân sinh

- Trên tuyến có một số điểm giao với các đường ngang khác (đường vào các khu dân cư, đường ra khu sản xuất, vào trường học, nhà rông văn hóa...). Đặc điểm của các điểm giao này đều là loại đơn giản, cùng mức; các đường giao đều là đường cấp thấp; tầm nhìn tại các nút giao đều thông thoáng, không bị che khuất bởi các yếu tố về địa hình, địa vật. Do đó thiết kế vuốt nối nền đường nút giao với bán kính $R = 5-12m$; bổ sung thoát nước tại các nút giao bằng loại cống bản BTCT chịu lực kích thước (60x60)cm.

- Kết cấu mặt đường vuốt nối tại các nút giao như kết cấu mặt đường thiết kế mới. Riêng nút giao với QL.40B được vuốt nối bằng một lớp BTNC 16 dày 7cm.

13. Thiết kế an toàn giao thông

Trên tuyến có một số cọc tiêu, biển báo nhưng do xây dựng đã lâu lại không được thường xuyên duy tu, sửa chữa nên đã bị hư hỏng, gãy đổ, bong tróc sơn, đồng thời số lượng và quy cách cọc tiêu biển báo cũ không phù hợp theo Quy chuẩn báo hiệu đường bộ Việt Nam hiện nay (QCVN41:2024/BGTVT) nên phải thiết kế mới theo quy chuẩn hiện hành, giải pháp như sau:

- Biển báo: Là loại biển báo phản quang hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật hoặc hình vuông. Bao gồm các loại: Biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh, biển chỉ dẫn và biển báo phụ bổ trí kết hợp với các loại biển báo trên. Bố trí biển báo tại các đường giao, vị trí cầu, đoạn đường lên dốc hoặc xuống dốc nguy hiểm, tại các đường cong nguy hiểm... Kích thước các loại biển báo, màu sơn và vị trí đặt biển theo qui định.

- Vạch sơn các loại được thiết kế tuân thủ theo qui định hiện hành.

Trước khi thi công xây dựng, các chủ thể liên quan phải đi kiểm tra hiện trường, thống kê và đánh giá lại số lượng cọc tiêu, biển báo hiện có trên tuyến để có phương án thu hồi tài sản theo quy định.

VII. GIẢI PHÁP THI CÔNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

VII.1. Một số lưu ý trong quá trình thi công

- Đối với lớp mặt đường cũ cần xử lý tốt trước khi tăng cường như: Vá ổ gà, đào thay các chỗ có Mô đun đàn hồi quá thấp, chỗ nền bị cao su, sửa chữa những chỗ bị hằn lún, nứt nẻ bong tróc và thi công hoàn trả đúng hình dạng cần có đối với đường cũ.

chỗ bị hấn lún, nứt nẻ bong tróc và thi công hoàn trả đúng hình dạng cần có đối với đường cũ.

- Các vị trí hư hỏng trong hồ sơ thiết kế BVTC được thống kê tại thời điểm khảo sát. Tuy nhiên, hiện nay trong khu vực có nhiều dự án đang triển khai thi công nên lưu lượng xe tương đối lớn, do đó trong quá trình thi công đơn vị thi công, TVGS hiện trường theo dõi nếu có phát sinh vị trí hư hỏng, hoặc mở rộng hơn tại các vị trí đã có trong hồ sơ thì báo các bên liên quan phối hợp giải quyết.

- Khi thi công hệ thống thoát nước, đặc biệt là các vị trí đầu nổi, tận dụng hệ thống cống cũ nhà thầu thi công cần có giải pháp thi công đảm bảo an toàn giao thông, thoát nước và không làm hư hỏng các công trình lân cận trong suốt quá trình thi công.

- Phạm vi thay đất yếu chỉ là dự kiến, trong quá trình thi công nhà thầu thi công căn cứ tình hình địa chất thực tế ngoài hiện trường nếu có sai khác thì báo với các đơn vị liên quan để phối hợp xử lý.

- Trong quá trình thi công cần có giải pháp kiểm soát tải trọng các loại máy móc thi công, xe chở vật liệu bảo đảm không làm hư hỏng, xuống cấp mặt đường cũ và các công trình hiện hữu.

- Khu vực dự án đi qua các xã, khu dân cư tập trung có nhiều công trình nhà cửa, kiến trúc của người dân và các công trình công cộng như: Trụ sở, trường học, trạm y tế... nên trong suốt quá trình thi công nhà thầu cần có giải pháp bố trí các thiết bị máy móc thi công phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng công trình theo thiết kế nhưng không làm nứt gãy, hư hỏng... các công trình lân cận nêu trên.

VII.2. Biện pháp đảm bảo giao thông trên tuyến

- Đây là các tuyến đường đang khai thác nên trong suốt quá trình thi công phải tuân thủ các phương án tổ chức thi công đã được chấp thuận; phải bảo đảm an toàn giao thông suốt theo quy định và tránh không được gây hư hại các công trình đường bộ hiện có.

- Đối với những đoạn tuyến đi qua địa hình bằng phẳng, nền đường chỉ đào đắp ít nên vừa thi công vừa đảm bảo giao thông được theo phương pháp thi công từng nửa một. Thi công một nửa đường bên này để đảm bảo giao thông ở nửa đường bên kia và ngược lại.

- Đối với những đoạn đắp cao, để đảm bảo giao thông trong quá trình thi công trong quá trình thi công nhà thầu thi công đắp đất từng lớp 1 và thi công 1/2 đường, thi công đến đâu phải san gạt lu lèn ngay để đảm bảo giao thông.

- Đối với những đoạn đào sâu có chính tuyến, cắt cua: Căn cứ theo cao độ thiết kế giữa đường mới và đường cũ thiết kế vượt nổi từ đường mới vào đường cũ để tận dụng đường cũ để đảm bảo giao thông.

- Đối với các đoạn qua cầu, cống lớn:

+ Những vị trí thiết kế cầu, cống mới lệch tim so với cầu, cống cũ thì tận dụng cầu cũ để làm đường tạm đảm bảo giao thông.

+ Những vị trí thiết kế cầu, cống mới trùng cầu, cống cũ thì thiết kế đường tạm bên cạnh đảm bảo giao thông.

- Trong quá trình thi công, đặc biệt là các đoạn đào sâu, đắp cao, đoạn thay đất yếu, đoạn qua cầu, cống...nhà thầu thi công sẽ đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Phải bố trí đủ thiết bị: Máy đào, máy xúc, máy ủi, ô tô, nhân công túc trực sẵn sàng 24/24h để dọn dẹp mặt bằng đảm bảo thông tuyến, kể cả trong các điều kiện thời tiết bất lợi.

+ Khi thi công đào mái taluy nền đường phải có biện pháp thi công hết sức chặt chẽ. Phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và phương tiện qua lại.

+ Phải có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông. Sử dụng các cọc có sơn trắng đỏ, kết hợp với dây nhựa PVC phản quang để cảnh báo các phương tiện lưu thông trên tuyến. Phải thi công theo phương pháp cuốn chiếu, chia thành từng đoạn để thi công, thi công đoạn nào hoàn thiện đoạn đó để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến.

+ Nhà thầu sẽ tổ chức thành một ban an toàn giao thông hướng dẫn phân luồng xe vào, xe ra trên công trường, phối hợp với các lực lượng thi công ở các gói thầu lân cận để tổ chức phân luồng các phương tiện lưu thông trên tuyến và các phương tiện, thiết bị thi công trên công trường để không ảnh hưởng đến nhau.

+ Khi thi công công trình trước hết nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ: Biển báo, barie phù hợp với qui định từng công việc cụ thể như: Biển báo cấm đường, biển báo công trường, hướng dẫn giao thông, đèn báo hiệu ban đêm, đèn quay cảnh báo...Đồng thời phải có người cảnh giới hướng dẫn giao thông, khi ngừng thi công phải có báo hiệu an toàn theo quy định. Người cảnh giới hướng dẫn giao thông phải đeo băng đỏ bên cánh tay trái, được trang bị cờ, còi và đèn vào ban đêm.

+ Khi thi công một nửa nền đường thì phía bên tiếp giáp giữa nửa thi công và nửa để thông xe phải bố trí hàng rào phòng vệ mềm để phân luồng xe. Phía hai đầu đoạn tuyến đang thi công được bố trí barie và cử người cảnh giới, hướng dẫn xe cộ qua lại, ban đêm bố trí đèn báo hiệu để cảnh báo các phương tiện qua lại.

+ Phải có biển ở hai đầu đoạn đường thi công ghi rõ tên giám đốc dự án, đơn vị thi công, lý trình thi công, địa chỉ Văn phòng công trường, số điện thoại và tên của Chỉ huy trưởng công trường; người chỉ huy nhất thiết phải có phù hiệu, người làm việc trên đường phải mặc trang phục bảo hộ lao động theo quy định.

+ Tại các vị trí đang tiến hành thi công phải cắm biển báo hiệu phía trước công trường đang thi công cách 100-200m tại hai đầu đoạn thi công và bố trí các biển báo hiệu khác theo quy định.

+ Không thi công san ủi trên đoạn tuyến quá dài mà nên thi công theo từng đoạn ngắn để thi công gọn trong một ca làm việc không để gây ách tắc giao thông.

+ Các xe máy của đơn vị thi công khi lùi đồ vật liệu, lu lèn, san gạt... tại công trường nhất thiết phải có người hướng dẫn.

+ Các xe máy thi công trên đường phải đầy đủ thiết bị an toàn và sơn màu theo quy định.

+ Mọi vật liệu sẽ được tập kết tại các địa điểm gần vị trí thi công nhưng không ảnh hưởng đến giao thông; các loại vật liệu có kích thước lớn có thể ảnh

hưởng đến giao thông sẽ được bố trí tại vị trí thích hợp trước khi thi công 2 tiếng để tránh ảnh hưởng đến giao thông chung.

+ Nhà thầu căn cứ vào điều kiện thực tế, khối lượng thi công để tính toán số lượng xe máy thi công phù hợp tránh ùn tắc.

+ Sau khi thi công từng đoạn phải vuốt dọc đảm bảo xe cộ đi lại được êm thuận.

+ Ngoài giờ thi công, xe máy phải được tập kết vào bãi. Trường hợp không có bãi phải để sát lề đường nơi dễ phát hiện và có báo hiệu.

VII.3. Công tác chuẩn bị và máy móc phục vụ thi công

- Nhận bàn giao mặt bằng; san ủi dọn dẹp mặt bằng và làm lán trại, kho chứa vật liệu, bãi đúc cấu kiện và gia công vật liệu,...

- Thành lập phòng thí nghiệm hiện trường với đầy đủ các trang thiết bị, máy móc và cán bộ kỹ thuật theo quy định hiện hành.

- Thí nghiệm đầu vào các loại vật liệu, thí nghiệm thành phần hỗn hợp cấp phối đá dăm, cấp phối bê tông xi măng,...

- Tập kết máy móc, thiết bị để thi công. Một số loại chủ yếu như sau:

+ Máy xúc gầu nghịch 0,8m³, 1,25m³ dùng để thi công san ủi mặt bằng xây dựng, đào móng, xúc vật liệu các loại,...

+ Máy ủi 110CV dùng để san ủi nền đường.

+ Máy san tự hành dùng để san đất đắp nền và đào khuôn đường.

+ Máy rải cấp phối đá dăm.

+ Xe tọc tưới nước dùng để thi công nền và móng cấp phối đá dăm.

+ Máy lu 8T, 10T, 12T, 25T dùng để lu lèn nền đường, mặt bằng xây dựng và cấp phối đá dăm.

+ Xe ô tô dùng để vận chuyển đất đắp, đất thừa đổ đi và vận chuyển vật liệu: Xi măng, Thép, đá dăm các loại, bê tông nhựa, các loại cấu kiện đúc sẵn...

+ Xe cầu dùng để cầu các cấu kiện đúc sẵn.

+ Trạm trộn bê tông xi măng.

+ Máy rải bê tông nhựa.

+ Máy đầm bê tông.

+ Máy duỗi và uốn thép.

+ Cần cẩu, giá ba chân, giá long môn,.. các loại máy thi công cầu khác.

+ Các loại máy móc, thiết bị phụ trợ phục vụ công tác thi công.

VII.4. Thi công nền đường:

1. Thi công nền đào

- Định vị chính xác vị trí thi công. Xác định kích thước chiều dày nền đất cần đào, vị trí chân taluy, đóng cọc biên, cọc dời tìm đường...

- Dùng tổ hợp Máy đào - Máy ủi - Ô tô để đào xúc và vận chuyển đất. Đổ đất đúng nơi quy định được chủ đầu tư và chính quyền địa phương cho phép.

- Tại những vị trí đào mở rộng, cắt ta luy dương có độ chênh cao lớn so với nền đường, nhà thầu sẽ dùng máy đào bánh xích làm đường công vụ để thi công. Tùy theo từng trục ngang để bố trí vị trí máy thích hợp với từng luống đào để được tính toán trước.

- Kiểm tra kích thước hình học nền đào. Kiểm tra độ chặt nền đào. Nếu nền đào không đủ độ chặt thì tiến hành cày xới và lu lèn bảo đảm bề dày 30cm đạt độ chặt K98.

- Tuyến có một số đoạn chỉnh tuyến có địa chất lẫn đá tảng, đá mề côi. Việc phân các lớp địa chất, phân loại địa chất để tính khối lượng trên trục ngang căn cứ theo kết quả đánh giá tại các lỗ khoan địa chất; việc phân các lớp địa chất và phân loại đất, đá để tính khối lượng căn cứ theo số liệu địa chất tại các lỗ khoan và điều tra dọc tuyến. Trong quá trình thi công, căn cứ vào thực tế, kết hợp với kết quả thí nghiệm hiện trường, Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan xác định chính xác loại, cấp đất, đá và đo đạc nghiệm thu khối lượng theo thực tế hiện trường.

2. Thi công nền đắp:

Trước khi thi công đại trà tiến hành thi công trên đoạn thí điểm 50 – 100 m có sự kiểm tra của TVGS. Công tác này nhằm kiểm tra sự ổn định của thiết bị, chiều dày đầm nén, sơ đồ lu lèn và công đầm nén. Từ đó có căn cứ chỉ đạo thi công cho hạng mục công trình.

- Vật liệu đắp có các chỉ tiêu cơ lý đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật được TVGS chấp nhận mới đem để đắp nền đường.

- Trong một mặt cắt ngang dùng một loại đất. Trong trường hợp phải dùng 2 loại đất có độ thấm nước khác nhau thì mỗi loại đất phải đắp một lớp trên suốt mặt cắt ngang. Khi đắp loại đất khó thấm nước dưới lớp đất dễ thấm nước thì mặt lớp đất khó thấm nước ở dưới tiến hàng tạo dốc ngang thoát nước ra ngoài. Không được dùng đất khó thấm nước bao quanh bịt kín lối thoát nước của lớp đất dễ thấm nước, trừ trường hợp đắp bao bên ngoài vật liệu chống xói trôi theo thiết kế.

3. Lên khuôn đường

- Nền đắp: Tiến hành đo đạc định vị xác định vị trí thi công. Cắm cọc lên khuôn đường và cọc biên. Cắm cọc hai bên đường cách nhau 50m. Cắm thêm cọc nơi đổi dốc, các điểm chủ yếu của đường cong như TĐ, TC, P... Khi thi công 1-2m thì tiếp tục nối dài cọc. Khi đắp gần hết lớp K95 thì phải đánh dấu ranh giới K95 và K98.

- Nền đào: Phải cắm cọc biên mái đào và các cọc dời của cọc tim đường để có thể kiểm tra kích thước hình học của đường trong suốt quá trình thi công.

4. Xử lý trước khi đắp

- Trước khi đắp phải đào gốc cây, rễ cây, dây sạch cỏ, hót ra khỏi phạm vi nền đường.

- Xử lý bùn và đất hữu cơ theo quy định của thiết kế.

- Tại nơi nền đường đào, nền được không đào không đắp hoặc đắp mỏng tiến hành kiểm tra độ chặt của nền đất tự nhiên, nếu nền đất tự nhiên không đạt độ chặt theo thiết kế quy định thì phải xử lý bằng cách đầm lèn hoặc thay đất. Sau khi Nhà thầu và Tư vấn giám sát phối hợp kiểm tra nghiệm thu đạt yêu cầu mới được thi công phần tiếp theo.

5. Vận chuyển vật liệu

- Vật liệu đất đắp được vận chuyển điều phối từ nền đào sang nền đắp hoặc từ mỏ đến công trường bằng ô tô tự đổ.

- Đất được đổ thành đồng theo khoảng cách tính trước tùy thuộc bề dày rải có kể đến hệ số lu lèn.

6. San rải vật liệu

Dùng máy ủi để tiến hành san rải vật liệu đắp K95. Nền đắp K98 dùng máy san để san vật liệu. Quá trình san rải chú ý tạo độ dốc ngang thoát nước cho nền đắp.

7. Công tác lu lèn

- Sử dụng lu bánh sắt tĩnh, lu rung bánh sắt để lu lèn.
- Giai đoạn 1 dùng lu tĩnh bánh sắt 6-8T để lu lèn sơ bộ.
- Giai đoạn 2 lu chặt bằng lu nặng và lu rung.
- Sau cùng dùng lu tĩnh bánh sắt để lu phẳng.
- Trong quá trình lu tiến hành lu từ bụng đường cong đến lưng đường cong, lu từ thấp lên cao. Các vệt bánh lu phải chồng lên nhau tối thiểu là 25 cm. Tiến hành lu lèn đồng đều trên bề mặt chiều rộng đường.

- Trong quá trình đầm lèn để đảm bảo cho công tác lu lèn đạt được hiệu quả cao. Vật liệu đất đắp phải luôn đạt được độ ẩm tốt nhất. Để đạt được yêu cầu đó trong quá trình đắp từng lớp phải kiểm tra độ ẩm nếu thấy độ ẩm tự nhiên < độ ẩm tốt nhất thì san thành lớp. Tưới nước bằng vòi hoa sen hoặc vòi phun xetec nhưng hướng vòi lên phía trên để tạo mưa. Nếu độ ẩm tự nhiên > độ ẩm tốt nhất thì cần phải san rải để hong lại đất.

Công tác thi công nền đường tuân thủ theo: Đất xây dựng - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012; nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN9436:2012.

VII.5. Thi công rãnh dọc, rãnh cơ, bậc nước:

- Công tác đào rãnh được kết hợp cùng với thi công nền đào. Đầu tiên dùng máy đào, sau đó chỉnh sửa bằng thủ công.

- Trước khi xây phải bạt bỏ phần đất dư, bảo đảm độ dốc và độ bằng phẳng mái dốc và lòng rãnh.

- Định vị cắm cọc và căng dây tạo khuôn và bề mặt giới hạn.

- Thi công lớp đệm đá dăm hoặc giấy dầu.

- Tiến hành lấp ván khuôn, đổ bê tông;

- Lắp đặt các tấm bê tông rãnh gia cố.

- Khi thi công về mùa nắng, tưới nước bảo dưỡng theo qui định.

Thi công và nghiệm thu theo qui phạm: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép TCVN 9115:2019; Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối TCVN 4453-1995.

VII.6. Thi công tường chắn:

1. Định vị, đào hố móng

- Định vị và đào hố móng.

Thi công tường chắn kết hợp với công tác thi công công vì một số vị trí tường chắn có đặt cống tròn xuyên qua. Công tác thi công tường chắn được kết hợp với thi công công trên hiện trường.

- Định vị chính xác vị trí thi công.

- Đào đất bằng máy đào kết hợp với thủ công. Biện pháp thi công hố móng tương tự như thi công móng công.

2. Đổ bê tông tường chắn

- Lắp dựng ván khuôn, đà giáo đảm bảo ổn định trong quá trình đổ bê tông. Trước khi lắp dựng, ván khuôn được vệ sinh sạch sẽ, lau dầu chống bám. Sau khi lắp dựng ván khuôn kín khít không để chảy mát vữa trong quá trình đổ bê tông.

- Đổ bê tông tường chắn:

+ Trước khi bắt đầu đổ hỗn hợp bê tông vào kết cấu phải kiểm tra đà giáo, ván khuôn, có phiếu thí nghiệm về cấp phối bê tông, các loại vật liệu: xi măng, cát, đá, thép, nước... được TVGS và chủ đầu tư chấp nhận.

+ Trộn bê tông bằng máy trộn. Cấp cốt liệu bằng các hộp đong cốt liệu. Phối hợp vật liệu theo tỉ phối thiết kế.

+ Lớp bê tông bên trên phải được đổ và đầm trước khi lớp bê tông phía dưới bắt đầu đông kết.

- Bảo dưỡng bê tông: Sau khi đổ bê tông tiến hành bảo dưỡng theo đúng qui định.

- Tháo dỡ ván khuôn: Khi tháo ván khuôn thao tác nhẹ nhàng, không tạo ra lực xung kích đối với kết cấu bê tông. Trước và sau khi tháo dỡ ván khuôn chịu lực phải đo đạc về độ lún vùng biến dạng của kết cấu.

- Khi đổ bê tông tường chắn chú ý bố trí đặc các ống thoát nước theo đúng thiết kế.

- Đổ bê tông tường chắn thành từng đoạn có chiều dài 5m (bố trí phù hợp với khe lún).

- Thi công lần lượt cho tới khi hoàn chỉnh toàn bộ tường chắn.

3. Đắp đất sau tường chắn.

- Việc đắp đất được thực hiện bằng đất tốt có thành phần hạt thích hợp, sức chịu tải tốt đã được thí nghiệm và có sự đồng ý của TVGS.

- Khi đắp đất tiến hành đắp từng lớp một, đầm chặt theo thiết kế cho đến khi đủ cao độ theo bản vẽ thi công.

- Chuẩn bị đất sét, luyện đất bảo đảm độ dẻo, đắp đất đủ bề dày và độ dốc theo bản vẽ thi công để đảm bảo việc thoát nước sau hè.

- Tập kết đá dăm các loại, đất sét tại công trường bằng ô tô để thi công tầng lọc.

- San rải đá dăm bằng thủ công, đúng bề dày và độ dốc thiết kế. Tiến hành thi công lần lượt các lớp đá dăm theo thiết kế.

- Đắp các lớp đất tiếp theo, nhà thầu sẽ căn cứ điều kiện thực tế ở công trường để bố trí thi công bằng thủ công hay kết hợp giữa thủ công và cơ giới.

VII.7. Thi công công

1. Chuẩn bị cấu kiện đúc sẵn

- Để đảm bảo tiến độ thi công và chất lượng công trình, cốt công và cấu kiện đúc sẵn được chuẩn bị đầy đủ. Nhà thầu sẽ mời chủ đầu tư và TVGS kiểm tra chất

lượng sản phẩm, khi đốt công được TVGS và Chủ đầu tư sự nghiệm thu chất lượng Nhà thầu mới đem thi công.

- Vận chuyển đốt công đến hiện trường bằng ô tô. Quá trình vận chuyển cũng như tập kết tại công trường được chằng buộc cẩn thận không bị sứt mẻ hư hỏng.

2. Đào hố móng công tại hiện trường

- Xác định chính xác vị trí, kích thước hố móng. Công tác này do kỹ sư của nhà thầu tiến hành dựa trên các cọc mốc toạ độ và cao độ. Sử dụng máy kinh vĩ, máy thủy bình và thước thép để tiến hành công tác này.

- Sử dụng máy đào kết hợp với thủ công. Bùn và đất thải không tận dụng được nhà thầu sẽ vận chuyển đi đúng nơi quy định bằng ô tô. Đào đất tạo thành hố móng đến cao độ thiết kế, chỉnh sửa chính xác vị trí kích thước hình học bằng thủ công.

- Trong quá trình đào đất hố móng luôn luôn đảm bảo độ dốc thoát nước mặt. Tại những vị trí có nước mặt nhà thầu sẽ tiến hành đóng cọc cừ và làm vòng vây ngăn nước. Khi đào sâu hố móng, nếu có nước ngầm thấm vào hố móng Nhà thầu sẽ bố trí đào rãnh thu nước và bơm nước bằng máy bơm.

- Hố móng được đào đủ rộng để có thể thi công. Vách hố móng đảm bảo ổn định bằng cách tạo mái dốc tùy theo điều kiện địa chất. Trong trường hợp mái dốc không đảm bảo ổn định nhà thầu tiến hành đóng cọc ván để chống vách.

- Khi đào đến cao độ đáy móng nếu có phát hiện địa chất yếu không phù hợp với hồ sơ thiết kế, Nhà thầu sẽ báo với các bên liên quan để có biện pháp xử lý.

- Nên thi công 1/2 công phía thượng lưu sau đó lấp đất thi công 1/2 công còn lại để đảm bảo tuyến đường luôn được thông suốt.

- Khi hố móng được TVGS nghiệm thu nhà thầu triển khai thi công móng công.

3. Thi công lớp đệm, móng và thân công

- Vật liệu đá dăm móng công có phiếu thí nghiệm và có các chỉ tiêu cơ lý được TVGS chấp nhận trước khi thi công.

- Đá dăm đệm được vận chuyển đến công trường bằng ô tô. Tiến hành san rải vật liệu thành lớp đồng đều bằng thủ công. Dùng đầm cóc tiến hành đầm nén đạt độ chặt yêu cầu.

4. Lấp đặt đốt công

Đốt công đảm bảo các yêu cầu thiết kế được TVGS nghiệm thu nhà thầu mới tiến hành lấp đặt. Lấp đặt đốt công bằng cần trục kết hợp với thủ công. Các đốt công được ghép sát vào nhau cẩn thận đúng tim công. Đầu đốt công có gờ đặt ở phía thượng lưu, đầu có mộng lấp hoàn toàn vào đầu có gờ. Khi lấp đặt phải trải vữa xi măng mỗi nối đủ no vữa. Tạo phẳng mặt trong cho mỗi nối. Các đốt nóng kế tiếp cũng tiến hành tương tự.

- Thi công lớp phòng nước của từng công theo đúng yêu cầu thiết kế.

- Nhà thầu tiến hành bố trí thi công các hạng mục khác như chân khay, hồ thu, sân công... theo đúng quy trình đảm bảo các yêu cầu thiết kế.

5. Đắp trả hai bên và trên công

Công tác đắp đất hai bên cống được tiến hành đắp bằng thủ công. Đất đắp là tốt có thành phần hạt thích hợp, sức chịu tải tốt hoặc đất chống thấm đã được thí nghiệm và có sự đồng ý của TVGS.

- Khi đắp đất hai bên cống đối xứng và tiến hành đắp từng lớp một, mỗi lớp đất sau khi đầm chặt bằng đầm cóc từ 15 – 20 cm.

- Đắp đất thủ công cao hơn đỉnh cống 0.5m và đắp sang hai bên tối thiểu bằng 1.5 lần đường kính ống tính từ tâm ống. Các lớp phải trên cống cách 0.5m trở lên được thi công cùng các lớp nền đường. Các lớp móng và mặt đường trên cống thi công cùng với phần móng đường và mặt đường. Kết cấu mặt đường trên cống được thi công cùng với kết cấu mặt đường theo hồ sơ thiết kế.

Thi công và nghiệm thu các hạng mục theo qui phạm: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép TCVN 9115:2019; Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối TCVN 4453-1995; Đất xây dựng - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012; nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN9436:2012.

VII.8. Thi công cầu

Công tác thi công cầu tuân thủ theo Bộ tiêu chuẩn TCVN 12885:2020 – Thi công cầu đường bộ

1. Công tác chuẩn bị

- Xác định vị trí xây dựng cầu;
- San ủi mặt bằng, xây dựng lán trại, nhà kho, nhà chứa vật tư, vật liệu...;
- Tận dụng cầu cũ làm đường công vụ thi công hoặc thi công đường công vụ;

2. Thi công móng trụ

- Định vị tim móng, trụ;
- Đối với móng cầu trên cạn.
 - + Thi công đường hai đầu cầu trước để làm đường vận chuyển vật liệu thi công móng.
 - + Thi công vòng vây, đào hố móng, vệ sinh hố móng và bơm hút nước.
 - + Định vị khoan cọc khoan nhồi;
 - + Gia công cốt thép, ván khuôn, lắp dựng và đổ bê tông cọc;
 - + Lắp dựng cốt thép ván khuôn bệ móng, đổ bê tông bệ móng;
 - + Tháo dỡ ván khuôn bệ móng, lắp dựng cốt thép ván khuôn thân móng, đổ bê tông thân móng;
 - + Thi công tương tự cho tường đầu và tường cánh;
- Đối với trụ cầu dưới nước;
 - + Đóng cọc thép khung định vị bằng búa chuyên dụng trên hệ nổi;
 - + Đóng vòng vây cọc ván thép, đào hố móng, đổ bê tông bịt đáy và bơm hút nước;
 - + Định vị khoan cọc khoan nhồi;
 - + Gia công cốt thép, ván khuôn, lắp dựng và đổ bê tông cọc;
 - + Lắp dựng cốt thép ván khuôn bệ móng, đổ bê tông bệ móng;
 - + Lắp dựng cốt thép ván khuôn bệ móng, đổ bê tông bệ móng;

+ Tháo dỡ ván khuôn bê móng, lắp dựng đà giáo, cốt thép ván khuôn thân trụ, đổ bê tông thân trụ;

+ Thi công tương tự xà mũ trụ.

3. Thi công kết cấu nhịp

- Các dầm dự ứng lực nưọc thi công đổ bê tông tại chỗ tại bãi đúc.

- Sau khi nưọc dầm xong, tiến hành lao lắp dầm. Thi công các dầm ngang của hệ dầm trong từng nhịp.

- Lắp đặt các bản ván khuôn, thi công bản mặt cầu bằng phương pháp đổ bê tông tại chỗ.

4. Hoàn thiện công trình

- Sau khi thi công kết cấu nhịp xong tiến hành thi công hệ lan can tay vịn, khe co dẫn.

- Thi công lớp phòng nước, lớp mặt cầu.

- Kê sơn phân làn, thanh thải và hoàn thiện cầu.

VII.9. Thi công móng, mặt đường

1. Móng đường cấp phối đá dăm

- Trước khi thi công móng đường, kiểm tra 30cm lớp đất nền trên cùng nền đường đào có chỉ số CBR $\geq 6\%$ và 30cm lớp đất đắp nền đường phải đạt độ chặt ≥ 98 theo qui trình thí nghiệm độ chặt bằng phễu rót cát 22 TCN 346-06. Kiểm tra các yếu tố hình học (cao độ, độ dốc ngang) . . . đạt yêu cầu mới tiến hành thi công móng, mặt đường.

- Thi công móng lớp dưới bằng cấp phối đá dăm loại 1 Dmax25 với thành phần hạt và các chỉ số cơ lý như sau:

+ Thành phần hạt:

Kích cỡ mắt sàng vuông (mm)	Tỷ lệ lọt sàng, % theo khối lượng
	Dmax = 25mm
50	-
37,5	100
25	79-90
19	67- 83
9,5	49-64
4,75	34- 54
2,36	25- 40
0,425	12- 24
0,075	2- 12

+ Chỉ tiêu cơ lý:

Tt	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Cấp phối đá dăm		Phương pháp thí nghiệm
			Loại I	Loại II	
1	Độ hao mòn Los-Angeles của cốt liệu (LA)	%	≤ 35	≤ 40	TCVN7572-12:2006

2	Chỉ số sức chịu tải CBR tại độ chặt K98, ngâm nước 96 giờ	%	≥ 100	Không qui định	22 TCN 332-06
3	Giới hạn chảy (W_L)	%	≤ 25	≤ 35	TCVN4197-1995
4	Chỉ số dẻo (I_P)	%	≤ 6	≤ 6	TCVN4197-1995
5	Chỉ số PP = Chỉ số dẻo $I_P \times \%$ lượng lọt sàng 0,075mm	%	≤ 45	≤ 60	
6	Hàm lượng hạt thoi dẹt	%	≤ 18	≤ 20	TCVN7572-2006
7	Độ chặt đầm nén K_{yc}	%	≥ 98	≥ 98	22 TCN 333-06 (Phương pháp II-D)

*** Chuẩn bị trước khi thi công**

- Lấy mẫu CPĐD loại I để thí nghiệm kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng đúng với yêu cầu thiết kế. Làm thí nghiệm xác định dung trọng khô lớn nhất và hệ số lèn ép.

- Trước khi đi vào thi công đại trà, nhà thầu tiến hành thi công trên đoạn thí điểm chiều dài 50 – 100m có sự chứng kiến của TVGS để hoàn chỉnh quy trình và dây chuyền thi công. Kiểm tra chất lượng quá trình thi công, sự hoạt động ổn định của thiết bị từ đó quyết định, sơ đồ lu lèn và công đầm nén.

- Chuẩn bị các thiết bị phục vụ thi công cũng như thiết bị kiểm tra như: thước kiểm tra độ bằng phẳng, con xúc xúc không chế bề dày, bộ sàng phân tích thành phần hạt cũng như các dụng cụ khác.

- Chuẩn bị đầy đủ thiết bị thi công, đảm bảo sự hoạt động bình thường của thiết bị.

- Lớp nền móng phía dưới đã thi công đảm bảo kỹ thuật, được nghiệm thu của TVGS để chuyển giai đoạn thi công. Giải phóng các chướng ngại (nếu có) trong phạm vi thi công.

*** Đo đạc định vị**

Nhà thầu dùng máy kinh vĩ và máy thủy bình để định vị chính xác vị trí và cao độ trước khi thi công.

*** Vận chuyển vật liệu**

- Vật liệu được vận chuyển tới công trường bằng ô tô tự đổ. Vật liệu được đổ thành đồng theo khoảng cách đã tính trước tùy thuộc chiều dày lớp rải có kể đến hệ số lu lèn. Quá trình vận chuyển và đổ vật liệu tránh để vật liệu phân tầng.

- Vật liệu được xúc lên phương tiện vận chuyển bằng máy xúc bánh lốp, không dùng xẻng để xúc vật liệu.

- Kiểm tra các chỉ tiêu CPĐD loại I trước khi tiếp nhận, chất lượng vật liệu phải đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật của dự án.

*** Công tác san rải vật liệu**

- Vật liệu khi rải phải đảm bảo độ ẩm tốt nhất hoặc $W_0 \pm 2\%$. Nếu vật liệu không phải bổ sung nước bằng vòi hoa sen hoặc vòi tưới xe tặc nhưng vòi phun hướng lên trên để tạo mưa. Vật liệu có độ ẩm cao cần phải hong cho nước bốc hơi.

- Dùng máy rải để rải vật liệu, bù phụ thừa thiếu bằng nhân công.

*** Công tác lu lèn.**

- Đầu tiên dùng lu tĩnh tiến hành lu sơ.

- Tiếp theo dùng lu rung để lu lèn.

- Sau đó dùng lu bánh lốp để lu lèn.

- Lu là phẳng bằng lu bánh sắt.

- Trong quá trình lu chú ý tưới nước bổ sung lượng nước bốc hơi.
- Công tác lu lèn được tiến hành từ thấp lên cao, lu từ lề vào tim đường, từ bụng đến lưng đường cong. Các vệt bánh lu phải chồng lên nhau bề rộng 25 cm. Trong quá trình thi công căn cứ vào kết quả đo đạc làm thí điểm để bố trí sơ đồ lu cho hợp lý.

Vật liệu và thi công lớp móng CPDD tuân thủ theo Quy trình thi công và nghiệm thu TCVN8859-2023.

2. Thi công mặt đường

- Thành phần vật liệu và hỗn hợp bê tông nhựa phải theo quy định tại TCVN8817:2011 ÷ 8819:2011;
- Chỉ được thi công lớp bê tông nhựa khi nhiệt độ không khí $>15^{\circ}\text{C}$. Không được thi công khi trời mưa hoặc có thể mưa.
- Trước khi thi công đại trà hoặc sử dụng một loại BTN khác, phải tiến hành thi công thử để kiểm tra và xác định công nghệ thi công làm cơ sở áp dụng cho thi công đại trà. Đoạn thi công thử phải dài tối thiểu 100m, rộng tối thiểu 2 vệt máy rải. Đoạn thi công thử được chọn ngay trên công trình sẽ thi công đại trà.
- Thành phần vật liệu và hỗn hợp bê tông nhựa phải được thí nghiệm, cân đo và trộn tại trạm trộn với công suất được tính toán phù hợp.
- Dùng ô tô tự đổ vận chuyển hỗn hợp BTN. Chọn tải trọng và số lượng của ô tô phù hợp với công suất của trạm trộn, của máy rải và cự ly vận chuyển, đảm bảo liên tục nhịp nhàng ở tất cả các khâu. Thùng xe vận chuyển phải kín, sạch, có quét lớp mỏng dung dịch xà phòng vào đáy thùng hoặc dầu chống dính. Không được dùng dầu Mazut, dầu Diezen hay dung môi làm hòa tan nhựa đường để quét lên đáy và thành thùng xe. Xe vận chuyển BTN phải có bạt che phủ.
- Chỉ được rải BTN bằng máy rải chuyên dụng. Phải định vị trí và cao độ rải ở hai mép mặt đường đúng với chiều dày thiết kế, kiểm tra cao độ bằng máy cao đạc. Trong quá trình rải phải thường xuyên dùng que sắt đã đánh dấu để kiểm tra chiều dày rải. Khi bắt đầu ca làm việc cho máy rải hoạt động không tải 10-15 phút để kiểm tra máy, sự hoạt động của guồng xoắn, băng chuyên, đốt nóng tấm là. Cuối ca làm việc máy rải phải chạy không tải ra quá cuối vệt thi công khoảng 5 -7m mới được ngừng hoạt động.
- Trước khi rải đoạn kế tiếp phải sửa sang lại mép chỗ tiếp nối dọc và ngang đồng thời quét một lớp mỏng nhựa lỏng đông đặc vừa hoặc nhũ tương phân tích nhanh (có thể sấy nóng chỗ tiếp giáp bằng thiết bị chuyên dụng) để đảm bảo sự dính kết tốt giữa 2 vệt thi công cũ và mới.
- Sơ đồ lu lèn, tốc độ lu lèn, sự phối hợp các loại lu, số lần lu lèn qua một điểm của từng loại lu để đạt yêu cầu được xác định trên đoạn thi công thử. Máy rải hỗn hợp BTN tới đâu phải tiến hành lu ngay tới đó, lu lèn đạt có hiệu quả khi nhiệt độ hỗn hợp ở vào khoảng $130-140^{\circ}\text{C}$. Quá trình lu lèn kết thúc khi nhiệt độ hạ xuống dưới 85°C .
- Quá trình thi công các lớp mặt đường BTN phải tuân thủ theo Quy trình thi công và nghiệm thu TCVN8819-2011.

Vì tuyến có một số đoạn đi qua khu vực khu dân cư, dọc hai bên tuyến có nhà của người dân. Vì vậy, trong quá trình thi công nền, móng và mặt đường trên cơ sở kết cấu thiết kế, nhà thầu thi công phải có biện pháp thi công phù hợp, bố trí máy móc thiết bị thi công hợp lý để không làm ảnh hưởng đến việc nút nhà dân hoặc các công trình khác.

VIII.10. Thi công hệ thống an toàn giao thông và công trình phụ trợ:

- Sau khi hoàn thiện nền, mặt đường, tiến hành thi công các hạng mục an toàn giao thông như biển báo, vạch sơn,....

- Định vị vị trí, đào hố móng, thi công móng, lắp dựng, phần trên. Đối với vạch sơn trước khi thi công cần vệ sinh làm sạch mặt đường trước, để khô mới thi công.

- Hoàn thiện và bảo dưỡng các hạng mục công trình theo qui định.

VIII.11. Nguồn vật liệu xây dựng:

- Khối lượng vật liệu cần cung cấp cho việc xây dựng các hạng mục công trình như sau:

+ Đất đắp: Tận dụng đất đào loại đất cấp 3 hoặc lấy tại mỏ đất dọc tuyến;

+ Đá các loại, cấp phối đá dăm: Lấy tại mỏ Ngọc Tụ Km195+900.

+ Cát: Lấy tại mỏ cát Km1516+600, đường Hồ Chí Minh.

+ Xi măng, sắt thép lấy tại các cửa hàng VLXD xã Đăk Tô.

+ Bê tông nhựa: Lấy tại Trạm trộn BTN ở Tân Cảnh, Km1506 đường Hồ Chí Minh.

+ Nhựa đường và các vật liệu khác: Lấy tại phường Kon Tum.

IX. BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH

IX.1. Đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình:

- Đối tượng kiểm tra: Việc kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa công trình sẽ do các đơn vị sau thực hiện: Sau khi công trình hoàn thành sẽ được bàn giao cho đơn vị chức năng tiếp nhận vận hành và thực hiện công tác bảo trì theo đúng quy định.

- Phương pháp kiểm tra: Việc kiểm tra công trình có thể bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng. Kiểm tra bao gồm kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt; kiểm tra hồ sơ hoàn công để phát hiện những sai khác sau khi thi công so với hồ sơ thiết kế; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo trì công trình.

- Tần suất kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: Là quá trình kiểm tra tra thường ngày, xem xét công trình bằng mắt hoặc các phương tiện đơn giản để phát hiện kịp thời dấu hiệu xuống cấp của công trình. Kiểm tra thường xuyên tiến hành với những hạng mục dễ quan sát như: hiện tượng lún sụt, nứt nền đường, mặt đường; hiện rỉ sét cột biển báo, trụ điện; hiện tường lún sụt tại.....

+ Kiểm tra định kỳ: Là quá trình kiểm tra công trình theo chu kỳ để phát hiện các dấu hiệu xuống cấp cần khắc phục sớm. Thực hiện kiểm tra đối với các hạng mục như: Mặt đường, hệ thống thoát nước, đường dây, trạm biến thế...

+ Kiểm tra đột xuất: Là quá trình kiểm tra công trình khi có hư hỏng đột xuất theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc theo báo cáo của đơn vị vận hành.

IX.2. Nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình:

Bảo dưỡng công trình bao gồm rất nhiều công việc phức tạp liên quan tới nhau. Vì vậy cần thiết phải có kế hoạch chi tiết cho từng loại công việc. Mục đích của công tác kiểm tra nhằm nhận biết sự cần thiết phải duy tu bảo dưỡng từ đó lên kế hoạch thực hiện.

- Nền đường: Phải đảm bảo kích thước hình dọc, thoát nước tốt, cây cỏ thường xuyên được phát quang đảm bảo tầm nhìn, mỹ quan. Nội dung gồm các công việc sau: Đắp phụ nền, bạt mái taluy, hốt đất sụt xuống tắc rãnh, phát cây cỏ đảm bảo tầm nhìn, không che khuất cọc tiêu, biển báo....

- Hệ thống thoát nước dọc:

+ Nạo vét cỏ rác trong rãnh không để đọng nước trong rãnh làm suy yếu nền đường. Khoi rãnh khi mưa, đào rãnh khi bị bồi lấp gây nên hiện tượng rãnh treo làm đọng nước.

+ Khi kết cấu bị sụt vỡ thì cần sửa chữa lại như kết cấu ban đầu. Kê kích chèn vữa đảm bảo các tấm bê tông đập nắp rãnh không bị kênh, thay thế các tấm đan bị hỏng, mất.

- Cống: Phải được thường xuyên kiểm tra khả năng thoát nước, hiện trạng các bộ phận. Khoi thông cống khi bị tắc đảm bảo thoát nước tốt, dẫn dòng chảy ở hạ lưu để tránh ảnh hưởng đến khu vực dân cư. Gia cố, thay thế thượng lưu, hạ lưu khi bị xói lở và các bộ phận bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn cho công trình

- Mặt đường:

+ Phải dọn dẹp mặt đường đảm bảo an toàn giao thông, giúp mặt đường thoát nước tốt tránh làm cho kết cấu mặt đường bị xuống cấp.

+ Định kì kiểm tra và tiến hành công tác sửa chữa nhỏ: vá các ổ gà, những đoạn mặt đường bị hư hỏng nhẹ ...

+ Định kì kiểm tra và tiến hành công tác sửa chữa lớn: Thay lại kết cấu mặt đường của đoạn tuyến bị hư hỏng nặng, sửa chữa những đoạn đường bị xói lở...

+ Sau khi hết thời gian phục vụ, đơn vị quản lí phải kiểm tra và cho thay lại kết cấu mặt đường mới.

- Hệ thống an toàn giao thông:

+ Biển báo, cọc tiêu: Sơn sửa hệ thống biển báo, cọc tiêu bị hư hỏng, rỉ sét, cong vênh,...; Thay thế các biển báo bị hư hỏng, bị mất; phát cây, thu dọn các chướng ngại vật không để che khuất biển báo.

+ Vạch sơn kẻ đường: Để đảm bảo an toàn thì vạch sơn phải rõ ràng. Không để đất cát lấp, làm mờ. Khi vạch sơn mờ thì phải kẻ lại, thời gian khoảng 1-2 năm/lần.

IX.3. Thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình: Theo quy định của nhà sản xuất, cung cấp.

IX.4. Phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp bị xuống cấp:

* Phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình

- Nền đường: Đối với những hư hỏng nhỏ do sụt lún cục bộ hay do xói lở tiến hành đắp bù nền đường theo đúng thiết kế, đảm bảo các yêu cầu về kích thước, độ chặt. Với mái dốc bị sạt lở trên các đoạn taluy dương và âm thì xây dựng các công trình bảo vệ mái dốc như tường chắn, khung bê tông, trồng cỏ...

- Mặt đường: Sử dụng lớp BTXM thay thế lớp mặt đường cũ nếu xuất hiện các vết nứt, vết lún do tải trọng xe hay do bê tông mặt đường bị hỏng. Việc này cũng có thể phải làm với những đoạn xuất hiện các ổ gà hay các vết lõm lớn. Phải có sự lựa chọn phương pháp sửa chữa, chiều dày lớp mặt đường trên cơ sở thiết kế và kết cấu mặt đường hiện hữu, mức độ nứt và chiều sâu các vết lún.

- Hệ thống thoát nước: Trát vá những chỗ nứt vỡ, bung mạch cục bộ. Các hư hỏng lớn hơn sử dụng các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép để đổ bù hoặc phá bỏ làm mới, bảo đảm khả năng chịu lực và vận hành như thiết kế ban đầu. Việc sửa chữa hệ thống thoát nước cũng là một biện pháp nhằm bảo vệ kết cấu nền, mặt đường.

- Hệ thống an toàn giao thông: Sơn lại với biển báo, cột biển báo bị rỉ sét, cọc tiêu bị mờ. Nắn chỉnh các kết cấu bị cong vênh, nghiêng... và thay thế, bổ sung với những kết cấu bị hư hỏng hoặc bị mất.

* Xử lý các trường hợp bị xuống cấp

Khi phát hiện bộ phận công trình hoặc công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền phải thực hiện các việc sau đây:

- Kiểm tra công trình hoặc kiểm định chất lượng công trình;

- Quyết định thực hiện các biện pháp an toàn: hạn chế sử dụng công trình, ngừng sử dụng công trình, di chuyển người và tài sản, nếu cần thiết để bảo đảm an toàn và báo cáo ngay với cơ quan quản lý nhà nước.

- Sửa chữa những hư hỏng có nguy cơ làm ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, an toàn vận hành của công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng công trình khẩn cấp

IX.5. Thời gian sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Khoảng 15 năm.

IX.6. Quan trắc đối với công trình:

Chỉ áp dụng khi công trình có dấu hiệu lún, nghiêng, nứt và và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ công trình.

IX.7. Các quy định về an toàn lao động:

- Phải có các trang bị, bảo hộ lao động, thiết bị âm thanh, ánh sáng cho đội ngũ công nhân, máy móc trên công trường. Bố trí nhân lực có tình trạng sức khỏe

phù hợp với từng công việc. Trong phạm vi hoạt động phải có biển báo, rào chắn báo hiệu cho các phương tiện qua lại biết.

- Tất cả các thiết bị máy móc dùng trong quá trình duy tu bảo dưỡng đều phải có lý lịch rõ ràng, hướng dẫn bảo quản, sử dụng, sổ giao ca, sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật của máy hàng ngày bảo bảo công nhân vận hành máy được an toàn.

- Phải có biện pháp bảo vệ an toàn đối với hệ thống điện phục vụ thi công như: tiếp địa, bọc cao su các bộ phận điện, bố trí cầu giao ở những vị trí an toàn, khô ráo...

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy chữa cháy cho máy móc thiết bị theo đúng qui định hiện hành.

- Công nhân vận hành máy phải được đào tạo về kỹ thuật và an toàn lao động.

IX.8. Các quy định về bảo vệ môi trường:

- Trong quá trình thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình cần tuân thủ nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường và các qui định hướng dẫn của luật này.

- Khi thi công phải thực hiện tốt các qui định về vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm nguồn nước, không khí... Các phương tiện vận chuyển phải được che chắn, không để rơi vãi trên đường.

- Không đun nấu nhựa tại các khu dân cư, trên mặt cầu, gần khu vực dễ chất dễ cháy nổ; không sử dụng cao su, nhựa đường để đun nấu.

- Không dùng biện pháp vá ổ gà, lát nhựa mặt đường bằng hình thức nhựa nóng tại các khu dân cư dọc tuyến. Sử dụng các biện pháp thay thế như hỗn hợp nhựa đá - nhựa pha dầu, bê tông nhựa, nhũ tương nhựa đường....

- Giảm tối đa ảnh hưởng của tiếng ồn, khói xả do xe máy thi công gây ra trong quá trình thi công bằng cách bố trí thời gian hợp lý.

- Kết thúc công việc bảo dưỡng, sửa chữa phải thu dọn sạch sẽ mặt bằng trong phạm vi thi công

X. PHƯƠNG ÁN PHÒNG, CHỐNG CHÁY, NỔ

- Vật tư, vật liệu phải được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp đúng theo quy định. Không được để các vật tư, vật liệu và các chướng ngại vật cản trở đường giao thông, đường thoát hiểm, lối ra vào chữa cháy. Kho chứa vật liệu dễ cháy, nổ không được bố trí gần nơi thi công và lán trại. Vật liệu thải phải được dọn sạch, đổ đúng nơi quy định. Hệ thống thoát nước phải thường xuyên được thông thoát bảo đảm mặt bằng công trường luôn khô ráo.

- Trên công trường phải có biển báo theo quy định. Tại cổng chính ra vào phải có sơ đồ tổng mặt bằng công trường, treo nội quy làm việc. Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn phải được phổ biến và công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường như đường hào, hố móng, hố ga phải có rào chắn, biển cảnh báo và hướng dẫn để phòng tai nạn; ban đêm phải có đèn tín hiệu.

- An toàn về điện: Hệ thống lưới điện động lực và lưới điện chiếu sáng trên công trường phải riêng rẽ; có cầu dao tổng, cầu dao phân đoạn có khả năng cắt điện một phần hay toàn bộ khu vực thi công; Người lao động, máy và thiết bị thi

công trên công trường phải được bảo đảm an toàn về điện. Các thiết bị điện phải được cách điện an toàn trong quá trình thi công xây dựng; Những người tham gia thi công xây dựng phải được hướng dẫn về kỹ thuật an toàn điện, biết sơ cứu người bị điện giật khi xảy ra tai nạn về điện.

- An toàn về cháy, nổ: Chủ đầu tư, nhà thầu thi công phải thành lập ban chỉ huy phòng chống cháy, nổ tại công trường, có quy chế hoạt động và phân công, phân cấp cụ thể; Phương án phòng chống cháy, nổ phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định. Nhà thầu phải tổ chức đội phòng chống cháy, nổ, có phân công, phân cấp và kèm theo quy chế hoạt động; Trên công trường phải bố trí các thiết bị chữa cháy cục bộ. Tại các vị trí dễ xảy ra cháy phải có biển báo cấm lửa và lắp đặt các thiết bị chữa cháy và thiết bị báo động, đảm bảo khi xảy ra cháy kịp thời phát hiện để ứng phó.

XI. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Khu vực xây dự án nằm đi qua khu vực có rừng, đất sản xuất và các khu dân cư, mặt khác các khối lượng đào, đắp nền đường và các công trình trên tuyến tương đối lớn, cần phải huy động số lượng lớn các máy móc thiết bị. Do đó, trong quá trình thi công sẽ ít ảnh hưởng nhiều đến môi trường. Các yếu tố có ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình thi công như: tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải xe, thiết bị phục vụ thi công, nước thải và chất thải rắn. Để hạn chế các tác động xấu đến môi trường khu vực dự án, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Nguồn nước thải: Chủ yếu là nguồn nước thải sinh hoạt của cán bộ và công nhân thi công công trình. Nước thải được dẫn về các bể chứa để xử lý và phải đảm bảo QCVN14:2015/BTNMT: Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải.

- Khí thải của dự án chủ yếu là bụi của vật liệu xây dựng, khí thải của các xe thi công gây ảnh hưởng tới dân cư xung quanh. Tuy nhiên trong quá trình xây dựng tiến hành che chắn lập biển báo, tưới nước đường sẽ giảm được lượng bụi phát sinh do thi công gây ra đảm bảo đạt tiêu chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT: Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng không khí xung quanh.

- Tiếng ồn: Ô nhiễm về tiếng ồn của các phương tiện và máy móc thi công trên công trường, tuy không kéo dài nhưng hoạt động liên tục, nên tiếng ồn phát sinh rất lớn làm ảnh hưởng tới dân cư xung quanh khu vực xây dựng. Về lâu dài sẽ gây ra các bệnh về tai như điếc tai mãn tính,... vì vậy trong khi xây dựng cần phải che chắn, lập biển báo, quy định các loại xe hoạt động trên công trường phải có lý lịch kèm theo. Xử lý môi trường tiếng ồn đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT: Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung: Trong quá trình thi công sử dụng các loại máy móc thi công như máy đầm, máy trộn bê tông, máy khoan cọc... và các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đây là nguồn tạo ra độ rung lớn tuy nhiên chỉ tác động gián đoạn và tạm thời, nó sẽ chấm dứt khi công trình đã đi vào hoạt động. Trong quá trình thi công, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công tiến hành che chắn, gia cố chắc chắn các thiết bị thi công sẽ giảm được độ rung. Các máy gây ồn và độ rung lớn sẽ hạn

chế hoạt động trong thời gian từ 18h - 22h và không hoạt động từ 22 - 6h; đảm bảo đạt tiêu chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Chất thải rắn thải ra trong quá trình thi công phải thu gom, xử lý kịp thời trong ngày.

XII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem) được đầu tư sẽ góp phần từng bước hoàn thiện quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ngãi. Cải thiện và nâng cao năng lực khai thác kết cấu hạ tầng giao thông trong khu vực, chia sẻ lưu lượng phương tiện giao thông trên Quốc lộ 40B; Tăng sức hút đầu tư, phục vụ phát triển các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng, tạo sự ổn định đời sống nhân dân, củng cố thể trận bảo vệ an ninh, quốc phòng cho khu vực Tây Nguyên.

Các giải pháp thiết kế bản vẽ thi công nêu trên đã quán triệt đầy đủ các yêu cầu đặt ra cho tuyến đường, phối hợp chặt chẽ với các cơ sở hạ tầng đã và đang thực hiện trên địa bàn đồng thời kết hợp hài hòa giữa cảnh quan môi trường sinh thái với các điều kiện tự nhiên của địa phương và vùng Dự án. Tuân thủ theo đúng qui trình, qui phạm, các chỉ dẫn kỹ thuật và khả năng đáp ứng nguồn vốn.

Kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt hồ sơ TKBVTC – dự toán để dự án sớm được đầu tư xây dựng./.

2. CÁC BẢNG THỐNG KÊ, TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG ĐHS1 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ KON ĐÀO - VĂN LEM)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ KON ĐÀO, TỈNH QUẢNG NGÃI

GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	Cống bản kt(60x60)cm	cái/m	33 / 316	Có bảng THKL riêng
	Rãnh bê tông kt(60x60)cm thoát nước nút giao Đường đi suối nước nóng	m	28,00	Có bảng THKL riêng
IV	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC			
1	Rãnh gia cố hình thang KT(40X40X120)cm			
	Rãnh dọc gia cố KT(40X40X120)cm làm mới			
	Chiều dài rãnh dọc	m	5924,50	Có bảng thống kê riêng
	Chiều dài vai rãnh	m	3477,14	Có bảng thống kê riêng
	Diện tích vai rãnh	m ²	1044,67	Có bảng thống kê riêng
	BTXM đá (1x2) M150 đáy rãnh đổ tại chỗ	m ³	266,60	
	BTXM đá (1x2) M250 vuốt lè + vai rãnh đổ tại chỗ	m ³	536,96	
	BTXM đá (1x2) M200 tấm đan KT(48x57x7)cm	m ³	453,86	
	VXM M100 chèn khe rộng 2cm	m ³	18,91	
	Lắp đặt tấm đan KT(48x57x7)cm	tấm	23696,00	
	Ván khuôn tấm đan	m ²	3483,31	
	Khối lượng đào đất bằng nhân công	m ³	843,84	
	Lót 01 lớp giấy dầu đổ bê tông	m ²	7502,38	
	Ván khuôn đổ bê tông	m ²	107,33	
	Đảm nén tăng cường lè đường	m ²	2962,25	
	Rãnh dọc gia cố KT(40X40X120)cm tận dụng			
	Chiều dài rãnh dọc tận dụng	m	706,47	
	Chiều dài vai rãnh	m	516,04	Có bảng thống kê riêng
	Diện tích vai rãnh	m ²	154,81	Có bảng thống kê riêng
	BTXM đá (1x2) M250 vuốt lè + vai rãnh đổ tại chỗ	m ³	68,47	
	Lót 01 lớp giấy dầu đổ bê tông	m ²	508,84	
	Ván khuôn đổ bê tông	m ²	3,09	
	Nạo vét đất bồi lấp rãnh	m ³	113,03	
	Đảm nén tăng cường lè đường	m ²	353,23	
	Tấm đan vào nhà dân	tấm	440,00	
	BTXM đá (1x2) M200 tấm đan KT(160x50x10)cm	m ³	33,33	
	Gia công cốt thép tấm đan D12	kg	3986,40	
	Gia công cốt thép tấm đan D8	kg	1051,60	
	Lắp đặt tấm đan KT(160x50x10)cm	tấm	440,00	
	Ván khuôn tấm đan	m ²	184,80	
2	Rãnh gia cố KT(60X60)cm kín			
	Chiều dài rãnh	m	707,00	Có bảng thống kê riêng
	Gia công lắp đặt cốt thép tấm đan D ≤ 8	kg	3909,71	
	Gia công lắp đặt cốt thép tấm đan D ≤ 18	kg	16649,14	
	Bê tông tấm đan đá (1x2) M200	m ³	90,41	
	Ván khuôn tấm đan	m ²	402,99	
	Gia công lắp đặt cốt thép đà kiềng D ≤ 10	kg	4763,77	
	Gia công lắp đặt cốt thép đà kiềng D ≤ 18	kg	0,00	
	Bê tông đà kiềng đá (1x2) M200	m ³	54,44	
	Ván khuôn đà kiềng	m ²	717,86	
	Móng rãnh bê tông đá (1x2) M150	m ³	194,43	
	Ván khuôn móng rãnh	m ²	388,75	
	Thân rãnh bê tông đá (1x2) M150	m ³	176,75	
	Ván khuôn thân rãnh	m ²	1449,25	
	Lắp đặt tấm đan	tấm	707,00	
	Đệm đá dăm dày 10cm	m ³	77,77	
	BTXM đá (1x2) M250 vuốt lè đổ tại chỗ	m ³	53,03	
	Lót 01 lớp giấy dầu đổ bê tông	m ²	364,08	Bao gồm phần gấp tạo khe c/k 5m

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI
THIÊN THUẬN KON TUM**

THẨM TRA

Theo Văn bản số/.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Jlam*

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số/.....
ngày ... tháng ... năm 20 ...
Người phê duyệt ký tên:

DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG ĐH51 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ KON ĐÀO - VĂN LEM)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ KON ĐÀO, TỈNH QUẢNG NGÃI

GIAI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	Đào đất C3	m3	1134,74	
	Đắp đất K95	m3	226,24	
	Nhét bao tải tấm nhựa đường CK 5m/khe phòng lún	m2	84,88	
3	Rãnh gia cố KT(60X60)cm hở			
	Chiều dài rãnh	m	230,00	Có bảng thống kê riêng
	Móng rãnh bê tông đá (1x2) M150	m3	63,25	
	Ván khuôn móng rãnh	m2	127,65	
	Thân rãnh bê tông đá (1x2) M150	m3	69,00	
	Ván khuôn thân rãnh	m2	565,80	
	Gờ chắn bê tông đá (1x2) M150	m3	0,00	
	Ván khuôn gờ chắn	m2	0,00	
	Đệm đá dăm dày 10cm	m3	25,30	
	BTXM đá (1x2) M250 vuốt lê đồ tại chỗ	m3	0,00	
	Lót 01 lớp giấy dầu đồ bê tông	m2	118,45	Bao gồm phần gấp tạo khe c/k 5m
	Đào đất C3	m3	310,50	
	Đắp đất K95	m3	70,15	
	Nhét bao tải tấm nhựa đường CK 5m/khe phòng lún	m2	26,45	
	Sơn trắng-đổ gờ chắn	m2	0,00	
4	Cống thoát nước ngang đường			Có bảng THKL riêng
5	Cầu bản BTCT 1 nhịp 6m (tận dụng cầu cũ mở rộng TL 3,0m)			Có bảng THKL riêng
6	Cầu BTCT ĐUỖ 1 nhịp 24m			Có bảng THKL riêng
V	GIA CỐ MÁI TA LUY			
1	Gia cố mái ta luy bằng bê tông đồ tại chỗ	m2	1464,87	
	Bê tông gia cố taluy đá (1x2) M150 dày 10cm	m3	146,49	
	Diện tích vuốt lê đoạn gia cố mái	m2	138,21	
	Bê tông vuốt lê đá (1x2) M250 dày 15cm	m3	20,73	
	Bao tải tấm nhựa đường chèn khe c/k 5m	m2	31,57	
	Ván khuôn đồ bê tông	m2	31,57	
	Lót 01 lớp giấy dầu	m2	606,00	
	Thoát nước ốp mái	ống	119,00	
	- Ống thoát nước bằng nhựa D60, L=0.5m	m	59,50	
	- Tấm vải bịt đầu (vải địa kỹ thuật)	m2	166,00	
	- Đá 4x6 tầng lọc ngược	m3	5,31	
	- Đất sét dẻo luyến	m3	7,74	
2	Chân khay kt(50x100)cm	m	238,66	
	Bê tông chân khay đá (2x4) M150	m3	119,33	
	Đệm đá dăm dày 10cm	m3	11,93	
	Ván khuôn đồ bê tông chân khay	m2	477,53	
	Bao tải tấm nhựa đường chèn khe c/k 5m	m2	23,50	
	Lót 01 lớp giấy dầu	m2	119,33	
	Đào đất chân khay	m3	275,66	
	Đắp đất hoàn trả K90	m3	144,39	
VI	RÃNH CƠ, ĐỐC NƯỚC			Có bảng thống kê riêng
1	Rãnh cơ	m	732,01	Đã giảm trừ phần dốc nước chiếm chỗ
	Đào đất C3	m3	180,81	
	Bê tông rãnh cơ đá (1x2) M150	m3	188,86	
	Lót 01 lớp giấy dầu	m2	1977,49	
	Ván khuôn rãnh cơ	m2	248,88	
2	Đốc nước	cái	10,00	
	Cơ 1	cái	7,00	
	Cơ 2, cơ 3	cái	3,00	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số/.....

ngày ... tháng ... năm 20...

Người phê duyệt ký tên: _____

CÔNG TY TNHH THIÊN THUẬN KON TUM

THẨM TRA

Theo bản số/.....

Ngày tháng năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên: _____

DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG ĐH51 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ KON ĐÀO - VĂN LEM)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ KON ĐÀO, TỈNH QUẢNG NGÃI

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	Đánh cấp đất C3	m3	212,58	
	Bê tông dốc nước đá (2x4) M150	m3	131,33	
	Đệm đá dăm dày 10cm	m3	15,26	
	Ván khuôn dốc nước	m2	234,64	
	Lót 01 lớp giấy dầu	m2	423,15	
3	Hố thu	cái	7,00	
	Đào hố móng đất C3	m3	20,68	
	Bê tông hố thu đá (2x4) M150	m3	13,54	
	Đệm đá dăm dày 10cm	m3	1,76	
	Ván khuôn hố thu	m2	19,01	
	Lót 01 lớp giấy dầu	m2	44,07	
VII	TƯỜNG CHẮN			
1	Tường chắn âm (H=2m)	m	30,00	Km11+217.85 - Km11+247.85 (Phải)
	Bê tông móng tường chắn đá (2x4) M150	m3	51,30	
	Bê tông thân tường chắn đá (2x4) M150	m3	42,00	
	Đá dăm tầng lọc	m3	7,13	
	Đất sét	m3	6,38	
	Ống nhựa thoát nước PVC D=10cm, L=1m/ống	m	0,60	
	Vải địa kỹ thuật bịt đầu ống	m2	0,59	
	Đào đất	m3	11,94	
	Đắp đất K95	m3	15,34	
	Ván khuôn móng	m2	68,97	
	Ván khuôn thân	m2	11,80	
	Đệm đá dăm dày 10cm	m3	6,60	
	Đá hộc xếp khan	m3	11,29	
2	Tường chắn rọ đá (H=1.5m)	m	10,00	Km4+090.00 - Km4+100.00 (Phải)
	Rọ đá kt(2x1x05)m	rọ	20,00	
	Vải địa kỹ thuật	m2	20,00	
	Đào đất	m3	10,00	
VIII	AN TOÀN GIAO THÔNG:			
1	Biển báo			
	Biển báo tam giác kt cạnh 70cm	biển	172,00	
	Biển báo hình tròn dk 70cm	biển	0,00	
	Biển hình vuông kt (60x60)cm	biển	0,00	
	Biển hình chữ nhật kt (90x45)cm	biển	2,00	
	Biển hình chữ nhật kt (160x100)cm	biển	2,00	
	Biển hình chữ nhật kt (30x70)cm	biển	37,00	
	Biển hình chữ nhật kt (90x120)cm	biển	6,00	
	Đào đất móng cột	m3	44,20	
	Bê tông móng cột đá (2x4) M150	m3	45,12	
	Ống thép cột biển báo dk 90mm dày 3mm	m	706,10	
	Thép bản kt (0.4x4)cm	kg	226,71	
	Thép bản biển báo dày 3mm	kg	2319,97	
	Thép neo dk10mm, L=0.4m	kg	109,09	
	Lắp đặt cột biển báo	cột	221,00	
2	Vạch sơn kẻ đường			
	Vạch tim đường b=15cm (vạch 1.1), màu vàng	m2	596,13	
	Vạch tim đường b=15cm (vạch 1.2), màu vàng	m2	21,69	
	Vạch đôi nét đứt+nét liền b=15cm (vạch 1.4), màu vàng	m2	0,00	
	Vạch mép phần xe chạy b=15cm (vạch 3.1a), màu trắng	m2	0,00	
	Vạch mép phần xe chạy b=15cm (vạch 3.1b), màu trắng	m2	0,00	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số/.....
ngày ... tháng ... năm 20 ...
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY TNHH THIÊN THUẬN KON TUM
THẨM TRA
Theo Văn bản số/.....
Ngày tháng năm 20
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG ĐHS1 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ KON ĐÀO - VĂN LEM)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ KON ĐÀO, TỈNH QUẢNG NGÃI

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	Vạch kênh hóa (vạch 4.1), màu trắng	m2	0,00	
	Vạch gờ giảm tốc b=20cm, màu vàng	m2	577,50	
3	Cọc tiêu	cái	780,00	
	Đào đất móng cọc tiêu	m3	68,64	
	Bê tông móng cọc tiêu đá (2x4) M150	m3	60,06	
	Bê tông cọc tiêu đá (1x2) M200	m3	20,28	
	Sơn trắng cọc tiêu	m2	299,52	
	Sơn đỏ cọc tiêu	m2	62,40	
	Gia công lắp đặt thép D6mm	kg	1800,86	
	Ván khuôn cọc tiêu	m2	524,16	
4	Cột Kilômét	cái	12,00	
	Đào đất C3	m3	0,72	
	Bê tông móng đá 2x4, M150	m3	0,69	
	Bê tông cột Km đá 1x2, M200, đúc sẵn	m3	0,91	
	Ván khuôn đổ bê tông	m2	13,60	
	Sơn trắng 2 lớp	m2	7,63	
	Sơn nâu 2 lớp	m2	4,52	
	Lắp đặt cột Km	cột	12,00	
5	Cọc H	cái	108,00	
	Đào đất C3	m3	6,91	
	Bê tông móng đá 2x4, M150	m3	5,51	
	Bê tông cọc đá 1x2, M200, đúc sẵn	m3	4,21	
	Sơn trắng phản quang 2 lớp	m2	34,56	
	Sơn đỏ phản quang 2 lớp	m2	17,28	
	Ván khuôn đổ bê tông cọc	m2	86,40	
	Lắp đặt cọc H	cọc	108,00	
6	Đỉnh phản quang	cái	222,00	
	Đỉnh phản quang 2 mặt bằng nhôm có chân kt(150x140x23)mm	cái	222,00	
	Khoan lỗ đường BTN dk30mm, chiều sâu 75mm/lỗ	lỗ	222,00	
	Vữa Sikadur 731	m3	0,004	
	Lắp đặt đỉnh phản quang	cái	222,00	
7	Tiêu phản quang	cái	95,00	
	Đào đất móng cột	m3	7,60	
	Bê tông móng cột B12.5 (M150) đá 2x4	m3	7,60	
	Ống thép D76 dày 2mm	m	237,50	
	Tiêu phản quang kt(22x40)cm, dày 2mm	cái	190,00	
	Thép Đk10mm	kg	35,17	
	Lắp đặt cột tiêu phản quang	cột	95,00	
	Thép bản PL(250x35x4.5)mm	kg	58,73	
	Thép bản PL(220x35x3.0)mm	kg	68,91	
	Đường hàn h=3mm	m	19,00	
	Khoan lỗ D14 vào thép dày 3mm	lỗ	760,00	
	Bu lông D10mm, L=4cm	bộ	380,00	
8	Hệ lan mềm			
8,1	Tường hệ lan mềm			
	Số đoạn	đoạn	8,00	
	Chiều dài tường hệ lan	m	202,00	
8,2	Chi tiết tường hệ lan			
	Cột thép mạ kẽm (D141,3x4,5x2250)mm	cột	109,00	
	Cột thép mạ kẽm (D141,3x4,5x1800)mm	cột	16,00	
	Ép cột thép (D141,3x4,5x2250)mm			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số/.....
ngày ... tháng ... năm 20...
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY TNHH THIÊN THUẬN KON TUM

THẨM TRA

Theo Văn bản số/.....
Ngày tháng năm 20...
Chủ trì bộ môn ký tên: *Huân*

DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG DH51 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ KON ĐÀO - VĂN LEM)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ KON ĐÀO, TỈNH QUẢNG NGÃI

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	Phần ngấp trong đất, L=1,4m/cột	m	152,60	
	Phần không ngấp đất, L=0,85m/cột	m	92,65	
	Ép cột thép (D141,3x4,5x1800)mm			
	Phần ngấp trong đất, L=1,4m/cột	m	22,40	
	Phần không ngấp đất, L=0,4m/cột	m	2,40	
	Tấm giữa, thép mạ kẽm KT(3x310x2320)mm	tấm	101,00	
	Tấm dầm đặc biệt 1, thép mạ kẽm KT(3x310x784)mm	tấm	16,00	
	Tấm dầm đặc biệt 2, thép mạ kẽm KT(3x310x2380)mm	tấm	16,00	
	Bàn đệm, thép mạ kẽm KT(70x320x5)mm	tấm	125,00	
	Mũ cột, thép mạ kẽm (D141,3x2,0)mm	cái	125,00	
	Bu lông, thép mạ kẽm D18, L=180mm	cái	125,00	
	Bu lông, thép mạ kẽm D16, L=35mm	cái	1250,00	
	Mắt PQ (1.5Tx40x65)mm bằng tôn dày 2mm	cái	109,00	
	Bê tông xi măng đá 2x4 M150 lấp tấm dầm cuối lan can phòng hộ nửa cứn	m3	5,50	
	Đào đất	m3	5,50	
9	Đèn chớp vàng	bộ	3,00	
	Trụ thép D(190-130)mm, cao 4m	trụ	3,00	
	Đèn chớp vàng D300mm	bộ	3,00	
	Giá đỡ pin năng lượng mặt trời	bộ	3,00	
	Pin năng lượng mặt trời 22W	bộ	3,00	
	Acquy lưu điện	bộ	3,00	
	Dây điện 2x1.5m2	m	12,00	
	Bê tông móng đá (1x2) M200 đổ tại chỗ	m3	1,97	
	Ván khuôn móng	m2	10,08	
	Đệm đá dăm dày 10cm	m3	0,19	
	Khung bu lông 4x(M160x600)mm	bộ	3,00	
	Đào đất móng trụ	m3	5,36	
	Đắp đất hoàn trả K90	m3	3,25	
	Biển báo hình chữ nhật kt(60x100)cm	biển	3,00	
	Thép tấm dày 5mm	kg	10,48	
	Khoan lỗ vào ống thép dày 5mm	lỗ	48,00	
	Bu lông M16x200	bộ	6,00	
	Bu lông M8x60	bộ	24,00	
10	Đảm bảo giao thông (4 đoạn thi công cùng một lúc, mỗi đoạn 500m)			
	Số lượng trụ	cái	1004,00	
	Bê tông bộ cọc M150, đá 2x4, kt(30x30x15)cm	m3	12,80	
	Ván khuôn bộ cọc	m2	180,72	
	ống nhựa dk 80mm, L=1.35m	m	1355,40	
	Bê tông M100, đá 1x2 đổ vào ống nhựa	m3	6,81	
	Sơn trắng - đỏ	m2	302,80	
	Dây PVC phản quang trắng - đỏ	m	4000,00	
	Biển báo tam giác kt cạnh 70cm	cái	16,00	
	Biển báo hình tròn dk 70cm	cái	8,00	
	Thép bản PL(190x100x1.5)mm	kg	178,98	
	Thép V(50x50x5)mm	kg	313,66	
	Nhân công tháo dỡ và lắp dựng hàng rào an toàn giao thông	công	40,00	
	Nhân công chỉ giới	công	200,00	
IX	HẠNG MỤC KHÁC			
1	Sửa chữa cống bản đường giao hiện trạng			Có bảng thống kê riêng
	Tấm đan bổ sung, thay thế	tấm	3,00	Tận dụng tấm đan tháo dỡ cống hiện trạng
	Nạo vét đất bồi lấp cống hiện trạng	m3	20,46	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số/.....
ngày ... tháng ... năm 20 ...
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY TNHH THIÊN THUẬN KON TUM
THẨM TRA
Theo Văn bản số/.....
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG DII51 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ KON ĐÀO - VĂN LEM)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ KON ĐÀO, TỈNH QUẢNG NGÃI

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	Tháo dỡ, lắp đặt lại tấm đan cống bản hiện trạng	tấm	81,00	
2	Phá bỏ các kết cấu hiện trạng			
	Phá bỏ bê tông cống hiện trạng	m ³	60,06	
	Tháo dỡ tấm đan cống bản	tấm	73,00	
	Đắp đất hoàn trả K95	m ³	79,40	
X	ĐIỀU PHỐI ĐÀO, ĐẬP			
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 0.2Km	m ³	1079,05	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 1.0Km	m ³	913,86	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 1.2Km	m ³	761,64	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 2.0Km	m ³	3015,93	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 3.0Km	m ³	1990,90	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 4.0Km	m ³	1223,64	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 5.0Km	m ³	1173,03	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 6.0Km	m ³	1514,10	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 7.0Km	m ³	1444,81	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 8.0Km	m ³	489,17	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 9.0Km	m ³	2222,38	
	Vận chuyển đất C2 đổ thải cự ly tb 10.0Km	m ³	1339,31	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 0.2Km	m ³	383,97	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 1.0Km	m ³	398,52	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 1.2Km	m ³	431,57	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 2.0Km	m ³	414,21	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 3.0Km	m ³	491,11	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 4.0Km	m ³	672,21	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 5.0Km	m ³	318,87	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 6.0Km	m ³	528,73	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 7.0Km	m ³	278,13	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 8.0Km	m ³	143,48	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 9.0Km	m ³	128,26	
	Vận chuyển KC đường cũ đổ thải cự ly tb 10.0Km	m ³	259,99	
	Vận chuyển đất C4 đổ thải cự ly tb 2.0Km	m ³	19820,13	
	Vận chuyển đất C4 đổ thải cự ly tb 3.0Km	m ³	42672,13	
	Vận chuyển đá C3 đổ thải cự ly tb 2.0Km	m ³	183,22	
	Vận chuyển đá C3 đổ thải cự ly tb 3.0Km	m ³	414,74	
	Vận chuyển đất đắp cự ly tb 0.3Km	m ³	30096,39	
	Vận chuyển đất đắp cự ly tb 1.0Km	m ³	4225,00	
	Vận chuyển đất đắp cự ly tb 2.0Km	m ³	9081,36	
	Vận chuyển đất đắp cự ly tb 3.0Km	m ³	3328,19	
	Vận chuyển đất đắp cự ly tb 4.0Km	m ³	491,81	
	Vận chuyển đất đắp cự ly tb 5.0Km	m ³	0,00	
	Vận chuyển đất đắp cự ly tb 6.0Km	m ³	0,00	
	Vận chuyển đất C3 đổ đi cự ly tb 2.0Km	m ³	467,79	
	Vận chuyển đất C3 đổ đi cự ly tb 3.0Km	m ³	2066,02	
	Vận chuyển các kết cấu phá dỡ đổ đi cự ly tb 5.0Km	m ³	2723,34	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số/.....
ngày ... tháng ... năm 20....
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY TNHH THIÊN THUẬN KON TUM
THẨM TRA
Theo bản số/.....
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *J. Lam*

Thực hiện



Thái Đức Minh

Kiểm tra



Nguyễn Chí Thành

3. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 36 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 27 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51
(đường liên xã Kon Đào - Văn Lem)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao triển khai chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Căn cứ Thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Ngọc Tuấn về một số nội dung quy hoạch, đầu tư trên địa bàn tỉnh tại Văn bản số 5531/TB-VP ngày 28 tháng 12 năm 2022;

Căn cứ Công văn số 205 /UBND-HTKT ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng hình thức tổ chức quản lý đối với dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô tại Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem) (kèm theo Hồ sơ trình) và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 99/TTr-SKHĐT ngày 11 tháng 10 năm 2022 và Công văn số 3737/SKHĐT-ĐT ngày 26 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

a) *Mục tiêu đầu tư:* Từng bước hoàn chỉnh hạ tầng giao thông, kết nối xã Kon Đào với xã Văn Lem và huyện Tu Mơ Rông, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân đi lại, vận chuyển hàng hóa nông sản, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân trong vùng và hai huyện; bảo đảm kết nối các trung tâm kinh tế - chính trị, các đầu mối giao thông quan trọng (Quốc lộ 40B), góp phần đạt tiêu chí nông thôn mới.

b) *Quy mô đầu tư xây dựng:*

- Cấp đường: Đường cấp V miền núi (theo TCVN 4054:2005).

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 30$ km/h.

- Phạm vi tuyến đầu tư: Điểm đầu Km0 giao với Quốc lộ 40B tại lý trình Km200+950; điểm cuối Km12+117 giao với tuyến tránh đèo Văn Rơi tại Km14+900.

- Tổng chiều dài tuyến nâng cấp, mở rộng $L = 12,12$ km.

- Bề rộng nền đường $B_n = 6,5$ m. Trong đó bề rộng mặt đường $B_m = 3,5$ m. Bề rộng lề đường gia cố: $B_{lgc} = 1,0\text{m} \times 2 \text{ bên} = 2,0\text{m}$. Bề rộng lề đường đất: $B_{ld} = 0,5\text{m} \times 2 \text{ bên} = 1,0\text{m}$.

- Độ dốc dọc tối đa $I_{dmax} = 12\%$ (châm chước theo Công văn số 171/VP-HTKT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Kết cấu mặt đường và lề gia cố: Bằng bê tông nhựa, kết cấu như sau:

(i) Kết cấu loại I: Cho các đoạn chỉnh tuyến cục bộ (dài khoảng 0,58km) và phần mặt đường cạp rộng: Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m²; móng cấp phối đá dăm loại I, Dmax25 dày 25cm; móng cấp phối đá dăm loại II, Dmax37,5 dày 15cm.

(ii) Kết cấu loại 2: Tăng cường trên mặt đường cũ các đoạn có $80\text{Mpa} > E_0 \geq 60\text{Mpa}$ (đoạn $\text{Km}2+183$ đến điểm cuối tuyến): Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m²; móng cấp phối đá dăm loại I, Dmax25 dày 25cm; bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại I, Dmax25.

(iii) Kết cấu loại 3: Tăng cường trên mặt đường cũ các đoạn có $E_0 \geq 80\text{Mpa}$ (đoạn $\text{K}0+00$ đến $\text{Km}2+183$): Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m²; móng cấp phối đá dăm loại I, Dmax25 dày 15cm; bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại I, Dmax25.

- Kết cấu lề đường không gia cố: Bằng đất đầm chặt $K \geq 95$.

- Mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 130\text{Mpa}$.

- Tải trọng trục tiêu chuẩn thiết kế nền, mặt đường: Trục xe 10T.

- Công:

+ Tải trọng thiết kế cống thoát nước: H30-XB80 (theo định hình 533-01-01, 533-01-02 của Viện Khoa học kỹ thuật - Bộ Giao thông vận tải).

+ Tần suất tính toán thủy văn nền đường, cống $P = 4\%$.

+ Tận dụng những cống còn sử dụng tốt, sửa chữa các cống bị hư hỏng; đồng thời nới cống để phù hợp với bề rộng nền đường.

+ Thiết kế bổ sung cống mới tại một số vị trí cần thiết để đảm bảo thoát nước.

+ Kết cấu cống: Bằng bê tông và bê tông cốt thép.

- Rãnh dọc: Tùy theo điều kiện địa hình từng đoạn tuyến, tận dụng một số đoạn rãnh dọc gia cố cũ còn sử dụng được. Những đoạn thiết kế mở rộng và đoạn chỉnh tuyến, thiết kế rãnh hình thang kích thước (40x40x120)cm hoặc rãnh bê tông cốt thép hình chữ nhật tại các đoạn qua khu đông dân cư. Kết cấu rãnh gia cố bằng bê tông.

- Công trình cầu:

+ Tại lý trình $\text{Km}1+924,29$ thiết kế mới cầu dầm bê tông cốt thép dự ứng lực, chiều dài nhịp $L_n = 1 \times 24\text{m}$, $B = (0,5 + 5,5 + 0,5)\text{m} = 6,5\text{m}$, tải trọng thiết kế HL93.

+ Tại lý trình $\text{Km}6+799,77$ tận dụng cầu bản bê tông cốt thép chiều dài nhịp $L = 6,6\text{m}$; thiết kế mở rộng 2,5m về phía thượng lưu.

- Thiết kế tường chắn taluy, gia cố mái taluy, nút giao.

- An toàn giao thông: Bố trí vạch sơn, cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan, ... theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN41:2019

5. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và khảo sát: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Kon Tum.

6. Địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Xã Kon Đào và xã Văn Lem, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 14,09 ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính và thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp IV (theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng).

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Tối thiểu 20 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCVN 07 - 2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - QCVN 41-2019: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ Việt Nam.

- QCVN 41-2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- TCVN 10380 - 2014: Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4054 - 2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

- 22TCN 272-05 và TCVN11823 - 2017: Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ.

- 22TCN 211-06: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

- TCVN 5573 - 2011: Kết cấu gạch đá, gạch cốt thép.

- TCVN 5574 - 2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

9. Tổng mức đầu tư:

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị (đồng)
1	Chi phí xây dựng	74.376.009.000
2	Chi phí quản lý dự án	1.377.799.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.837.521.000
4	Chi phí khác	1.465.235.000
5	Chi phí bồi thường, GPMB	6.913.390.000
6	Chi phí dự phòng	9.650.046.000
	Tổng cộng	99.620.000.000

(Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng chẵn)

10. Thời gian, tiến độ thực hiện: Từ năm 2022 (04 năm).

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn: Nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý giai đoạn 2021-2025 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Dự kiến từ kế hoạch năm 2022.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Về bồi thường, giải phóng mặt bằng; rà phá bom mìn, vật nổ: Chủ đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

14. Các nội dung khác:

- Hình thức đầu tư: Nâng cấp, mở rộng.

- Giải pháp thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng và tổng mức đầu tư: Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Văn bản: số 318/SGTVT-QLCLCT ngày 28 tháng 02 năm 2022 và số 1590/SGTVT-QLCLCT ngày 19 tháng 9 năm 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô (Chủ đầu tư):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh về tính đầy đủ, chuẩn xác và tính hợp pháp của các hồ sơ tài liệu, thông tin, số liệu và tài liệu gửi kèm theo hồ sơ trình phê duyệt dự án.

- Trong quá trình triển khai bước thiết kế sau thiết kế cơ sở, Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, yêu cầu tư vấn kiểm tra, rà soát, đảm bảo hồ sơ thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, việc áp dụng các định mức, khối lượng, đơn giá trong hồ sơ dự toán xây dựng công trình đảm bảo thực hiện theo đúng quy định; đồng thời có trách nhiệm xác định, kiểm tra, rà soát đơn giá, định mức đảm bảo tiết kiệm, đúng đắn và phù hợp với giá cả thực tế trên thị trường, phù hợp công năng sử dụng, tránh lãng phí và phát huy hiệu quả trong quá trình khai thác, sử dụng, tuyệt đối không làm thất thoát ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

- Tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư, về xây dựng và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện và giải ngân nguồn vốn theo niên độ kế hoạch vốn được giao; có trách nhiệm cân đối, bố trí ngân sách Huyện để hoàn thành dự án theo đúng tiến độ đã phê duyệt .

2. Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thẩm định dự án; đồng thời tổ chức kiểm tra, thanh tra trong quá trình thực hiện, kịp thời phát hiện xử lý những sai phạm, đảm bảo dự án đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả .

Điều 3. Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- VP UBND tỉnh: CVP (đ/b);
- Lưu: VT, HTKT.LĐT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1292 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư,
Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án đối với các dự án do
UBND cấp xã tiếp nhận từ UBND cấp huyện trước đây

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 19/7/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND các xã, phường: Đăk Pék⁽¹⁾, Kon Đào⁽²⁾, Măng Đen⁽³⁾ và Kon Tum⁽⁴⁾ về phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, hình thức quản lý dự án đối với các dự án do UBND cấp xã tiếp nhận từ cấp huyện trước đây; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại các Tờ trình: số 89/TTr-SXD ngày 18/9/2025, số 87/TTr-SXD ngày 15/9/2025, số 82/TTr-SXD ngày 12/9/2025 và số 77/TTr-SXD ngày 09/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư, hình thức quản lý dự án đối với các dự án do UBND các xã, phường: Đăk Pék, Kon Đào, Măng Đen, Kon Tum tiếp nhận từ cấp huyện trước đây, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.
2. Chủ đầu tư: UBND các xã, phường: Đăk Pék, Kon Đào, Măng Đen, Kon Tum.
3. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 175/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.

(Danh mục các dự án theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm:
 - a) Triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định liên quan; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư công trình được duyệt.
 - b) Tiếp tục phối hợp với Sở Xây dựng để chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan đánh giá toàn diện tính khả thi, khả năng cân đối vốn, sự cần thiết, hiệu quả đầu tư... của các dự án; trên cơ sở đó báo cáo đề xuất UBND tỉnh phương án xử lý *(khả năng tiếp tục thực hiện dự án, đơn vị làm chủ đầu tư...)* cho phù hợp với tình hình thực tế, năng lực quản lý.
 - c) Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại các Tờ trình: số 89/TTr-SXD ngày 18/9/2025, số 87/TTr-SXD ngày 15/9/2025, số 82/TTr-SXD ngày 12/9/2025 và số 77/TTr-SXD ngày 09/9/2025.

⁽¹⁾ Tại Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 06/9/2025.

⁽²⁾ Tại Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 09/9/2025.

⁽³⁾ Tại Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 15/9/2025.

⁽⁴⁾ Tại Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 17/9/2025.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm đối với nội dung tham mưu, đề xuất phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư nêu trên; kịp thời phối hợp với các sở ngành, địa phương có liên quan để giải quyết các vấn đề khó khăn phát sinh nếu có hoặc tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác tại các Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án của các dự án không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã, phường: Đăk Pék, Kon Đào, Măng Đen, Kon Tum; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XV;
- VPUB: PCVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, CNXD.

KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Hoàng



Phụ lục

**PHỤ LỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH CHỦ THẺ NGƯỜI QUYẾT
TƯ, CHỦ ĐẦU TƯ VÀ HÌNH THỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN**

(Sinh theo Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Dự án được UBND xã Đăk Pék tiếp nhận từ UBND huyện Đăk Glei trước đây

TT	Nội dung	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Ghi chú
1	Dự án Cầu 16/5 thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei			
1.1	Người quyết định đầu tư	Tại Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum</i> "	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	
1.2	Chủ đầu tư	Tại Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>UBND huyện Đăk Glei</i> "	UBND xã Đăk Pék	
1.3	Hình thức quản lý dự án	Tại Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án</i> "	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã Đăk Pék	

2. Dự án được UBND xã Kon Đào tiếp nhận từ UBND huyện Đăk Tô trước đây

TT	Nội dung	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Ghi chú
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem)			
1.1	Người quyết định đầu tư	Tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum</i> "	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	
1.2	Chủ đầu tư	Tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>UBND huyện Đăk Tô</i> "	UBND xã Kon Đào	

TT	Nội dung	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Ghi chú
1.3	Hình thức quản lý dự án	Tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án</i> "	Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án	

3. Các Dự án được UBND xã Măng Đen tiếp nhận từ UBND huyện Kon Plông trước đây

TT	Nội dung	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Ghi chú
1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen - Giai đoạn I			
1.1	Người quyết định đầu tư	Tại Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>UBND tỉnh Kon Tum</i> "	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đang giai đoạn Quyết toán dự án hoàn thành
1.2	Chủ đầu tư	Tại Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>UBND huyện Kon Plông</i> "	UBND xã Măng Đen	
1.3	Hình thức quản lý dự án	Tại Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Theo quy định hiện hành</i> "	Ban Quản lý dự án và Dịch vụ công ích xã Măng Đen quản lý dự án	
2	Dự án Đường từ trung tâm huyện Kon Plông kết nối đường Đông Trường Sơn			
2.1	Người quyết định đầu tư	Tại Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ tịch UBND tỉnh</i> "	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đang giai đoạn Quyết toán dự án hoàn thành
2.2	Chủ đầu tư	Tại Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>UBND huyện Kon Plông</i> "	UBND xã Măng Đen	
2.3	Hình thức quản lý dự án	Tại Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án</i> "	Ban Quản lý dự án và Dịch vụ công ích xã Măng Đen quản lý dự án	

4. Dự án được UBND phường Kon Tum tiếp nhận từ UBND thành phố Kon Tum trước đây

TT	Nội dung	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Ghi chú
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Hai Bà Trưng (đoạn Trần Hưng Đạo - cầu nhà máy đường), thành phố Kon Tum			
1.1	Người quyết định đầu tư	Tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum</i> "	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	
1.2	Chủ đầu tư	Tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>UBND thành phố Kon Tum</i> "	UBND phường Kon Tum	
1.3	Hình thức quản lý dự án	Tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án</i> "	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Kon tum quản lý dự án	
2	Dự án Đường Đào Duy Từ (đoạn Nguyễn Huệ đến Trần Văn Hai), thành phố Tum; Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước.			
2.1	Người quyết định đầu tư	Tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum</i> "	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	
2.2	Chủ đầu tư	Tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>UBND thành phố Kon Tum</i> "	UBND phường Kon Tum	
2.3	Hình thức quản lý dự án	Tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án</i> "	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Kon tum quản lý dự án	
3	Dự án: đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu phức hợp đô thị tại Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum			
3.1	Người quyết định đầu tư	Tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 27/02/2019, số 147/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum</i> "	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	

TT	Nội dung	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh	Ghi chú
3.2	Chủ đầu tư	Tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 27/02/2019, số 147/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>UBND thành phố Kon Tum</i> "	UBND phường Kon Tum	
3.3	Hình thức quản lý dự án	Tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 27/02/2019, số 147/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Thuê Ban quản lý chuyên ngành, ban quản lý khu vực để thực hiện quản lý dự án</i> "	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Kon tum quản lý dự án	
4	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ tại phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum			
4.1	Người quyết định đầu tư	Tại Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 27/02/2019, số 147/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum</i> "	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	
4.2	Chủ đầu tư	Tại Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 27/02/2019, số 147/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>UBND thành phố Kon Tum</i> "	UBND phường Kon Tum	
4.3	Hình thức quản lý dự án	Tại Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 27/02/2019, số 147/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Kon Tum: " <i>Thuê Ban quản lý chuyên ngành, ban quản lý khu vực để thực hiện quản lý dự án</i> "	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Kon tum quản lý dự án	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 877 /QĐ-UBND

Kon Đào, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán khảo sát giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận từ Ủy ban nhân dân cấp huyện trước đây;

Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào về việc chỉ định thầu đơn vị tư vấn gói thầu lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Thông báo thẩm định số 34/TB-PKT

ngày 27 tháng 12 năm 2025 (kèm theo hồ sơ nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí khảo sát giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (Đường liên xã Kon Đào – Văn Lem) do Công ty TNHH Việt Quân Kon Tum lập).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán khảo sát giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem), với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem).

2. Địa điểm xây dựng: Xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đơn vị lập nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH Việt Quân Kon Tum.

4. Nội dung chính của nhiệm vụ khảo sát như sau:

4.1. Mục đích khảo sát:

Điều tra, đo đạc, thu thập đầy đủ các số liệu địa hình, địa chất, thủy văn, số liệu về nguồn cung cấp và giá cả các loại vật liệu trên địa bàn... đảm bảo đủ cơ sở lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trên cơ sở quy mô đầu tư xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27/01/2023.

4.2. Phạm vi khảo sát xây dựng:

- Tổng chiều dài tuyến xây dựng $L = 12,12\text{Km}$.
- Địa điểm xây dựng: Xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi.

4.3. Các tiêu chuẩn, quy trình chủ yếu áp dụng:

- Khảo sát địa hình: Tuân thủ Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000. Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31:2020/TCĐBVN.
- Khảo sát mặt đường cũ: Theo quy trình khảo sát 22TCN 263-2000 và TCVN8867-2011.
- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn khác có liên quan.

4.4. Khối lượng khảo sát dự kiến:

STT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng
I	Khảo sát địa hình và thủy văn		
1	Khảo sát địa hình		
1.1	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp III	km	12,12
1.2	Đo vẽ cắt dọc tuyến cũ trên cạn, địa hình cấp III	100 m	121,14
1.3	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, địa hình cấp III	100 m	168,27

STT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng
1.4	Đo vẽ bình đồ TL1/1000, ĐM 1m, địa hình cấp III, trên cạn	100ha	0,352
2	Khảo sát cầu	m	100
2.1	Cọc tìm cầu (đường chuyên cấp 2, địa hình cấp III)	điểm	-
2.2	Đo vẽ bình đồ TL1/500, ĐM 0,5m, địa hình cấp I, dưới nước	ha	0,065
2.3	Đo vẽ bình đồ TL1/500, ĐM 0,5m, địa hình cấp III, trên cạn	ha	0,935
2.4	Đo vẽ mặt cắt dọc dưới nước, địa hình cấp I	100 m	0,065
2.5	Đo vẽ mặt cắt ngang cầu trên cạn, địa hình cấp III	100 m	6,667
2.6	Đo vẽ đánh giá hiện trạng cầu cũ	công	6
3	Khảo sát thủy văn		
3.1	Đo vẽ cắt ngang lưu lượng dưới nước, địa hình cấp I	100 m	0,130
3.2	Đo vẽ mặt cắt lưu lượng cầu trên cạn địa hình cấp III	100 m	2,350
3.3	Đo vẽ trắc dọc lòng suối, địa hình cấp I	100 m	1
3.4	Khảo sát điều tra thủy văn dọc tuyến	công	6
4	Khảo sát nút giao	nút	2
4.1	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp III	km	0,20
4.2	Đo vẽ bình đồ TL1/500, ĐM 1m, địa hình cấp III, trên cạn	ha	2
4.3	Đo vẽ cắt dọc tuyến cũ trên cạn, địa hình cấp III	100 m	2
4.4	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, địa hình cấp III	100 m	2,67
5	Khảo sát đường giao	Đường giao	57
5.1	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp III	km	0,855
5.2	Đo vẽ cắt dọc tuyến cũ trên cạn, địa hình cấp III	100 m	8,55
5.3	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, địa hình cấp III	100 m	23,94
6	Khảo sát cống	Cống	8
6.1	Đo vẽ bình đồ TL1/500, ĐM 1m, địa hình cấp III, trên cạn	ha	4,80
6.2	Đo vẽ mặt cắt dọc dưới nước, địa hình cấp I	100 m	8
II	Khảo sát mặt đường cũ	km	9
1	Thí nghiệm đo Modul đàn hồi bằng cần Bekenlman	1 điểm	63
2	Đào không chống độ sâu từ 0m - 2m, cấp đất đá I-III	1 m ³	5,447
3	Thí nghiệm CBR	chỉ tiêu	16
4	Thí nghiệm đầm nén = PP cải tiến	Chỉ tiêu	16
5	Lập bình đồ duỗi thẳng, thống kê, mô tả hiện trạng công trình, đánh giá mức độ hư hỏng, chụp ảnh đại diện.	công	6
III	Khảo sát địa chất, mỏ vật liệu		
1	Khoan cầu (tận dụng dự án)		
2	Khoan nền đường (đoạn chỉnh tuyến)	lỗ	3
2.1	Khoan xoay bơm rửa = ống mẫu ở trên cạn cấp đất đá I-III từ 0-30m	m	28

STT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng
2.2	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước $\geq 9m$). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	1m khoan	28
2.3	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất nguyên dạng (9 chỉ tiêu)	Chỉ tiêu	10
2.4	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất không nguyên dạng (7 chỉ tiêu)	Chỉ tiêu	3
3	Khoan tường chắn taluy âm	lỗ	2
3.1	Khoan xoay bơm rửa = ống mẫu ở trên cạn cấp đất đá I-III (có ống chống) 0-30m	m	14
3.2	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước $\geq 9m$). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	1m khoan	14
3.3	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất nguyên dạng (9 chỉ tiêu)	Chỉ tiêu	4
3.4	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất không nguyên dạng (7 chỉ tiêu)	Chỉ tiêu	2
4	Cống	cống	3
4.1	Khoan xoay bơm rửa = ống mẫu ở trên cạn cấp đất đá I-III từ 0-30m	m	15
4.2	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất nguyên dạng (9 chỉ tiêu)	Chỉ tiêu	3
4.3	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất không nguyên dạng (7 chỉ tiêu)	Chỉ tiêu	3
IV	Khảo sát mỏ vật liệu		
1	Khảo sát điều tra cập nhật mỏ vật liệu, bãi thải	Công	6

6. Dự toán chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công: 882.193.836 đồng, trong đó:

- Khảo sát địa hình và thủy văn : 617.398.948 đồng
- Khảo sát mặt đường cũ : 140.398.976 đồng
- Khảo sát địa chất, mỏ vật liệu : 124.395.912 đồng

(Chi tiết có nhiệm vụ khảo sát và dự toán khảo sát do Công ty TNHH Việt Quân Kon Tum lập đã được Kinh tế thẩm định kèm theo)

7. Khối lượng và dự toán chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công làm căn cứ để xác định giá gói thầu, lựa chọn nhà thầu tư vấn. Khi triển khai theo điều kiện cụ thể, việc thanh toán phải theo khối lượng thực hiện thực tế và các quy định hiện hành.

8. Các nội dung khác: Thực hiện theo nhiệm vụ khảo sát do Công ty TNHH Việt Quân Kon Tum.

9. Nguồn vốn thực hiện: Kinh phí từ dự án.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các nội dung phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND Xã;
- Lưu VT, TH, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Quang Hải
Đặng Quang Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KON ĐÀO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /QĐ-UBND

Kon Đào, ngày 06 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào-Văn Lem);

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận từ Ủy ban nhân dân cấp huyện trước đây;

Căn cứ Hợp đồng số HD2600027784_2602041413 ngày 04 tháng 02 năm 2026 ký giữa Ủy ban nhân dân xã Kon Đào và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum về việc thực hiện gói thầu tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 30/TTr-PKT ngày 06 tháng 02 năm 2025 (kèm theo đề nghị của các đơn vị: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum tại Tờ trình số 02/TTr-Cty ngày 05 tháng 02 năm 2026; Công ty TNHH MTV Nguyên Khoa Kon Tum tại Tờ trình số 36/TTr-NK ngày 06 tháng 02 năm 2026),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem), với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kon Đào.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng: Theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) về việc phê duyệt Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (Đường liên xã Kon Đào - Văn Lem).

5. Đơn vị tư vấn lập phương án khảo sát: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Kon Tum.

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA PHƯƠNG ÁN KHẢO SÁT

- Cơ sở lập phương án khảo sát;
- Thành phần, khối lượng công tác khảo sát;
- Phương pháp, thiết bị khảo sát và phòng thí nghiệm sử dụng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng;
- Tổ chức thực hiện, tiến độ và biện pháp kiểm soát chất lượng;
- Biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình khảo sát.

(Chi tiết theo hồ sơ Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng kèm theo)

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum, Công ty TNHH MTV Nguyên Khoa Kon Tum và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các nội dung phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum, Giám đốc Công ty TNHH MTV Nguyên Khoa Kon Tum; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu VT, TH, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Quang Hải

Đặng Quang Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ KON ĐÀO

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /QĐ-UBND

Kon Đào, ngày 09 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ Thiết kế xây dựng công trình giai đoạn lập
thiết kế bản vẽ thi công Dự án Nâng cấp, mở rộng đường (đường liên xã
Kon Đào - Văn Lem)**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào-Văn Lem);

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận từ Ủy ban nhân dân cấp huyện trước đây;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Hợp đồng số HD2600027784_2602041413 ngày 04 tháng 02 năm 2026 ký giữa Ủy ban nhân dân xã Kon Đào và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum về việc thực hiện gói thầu tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Căn cứ Hợp đồng số HD2600027695_2602041256 ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa Ủy ban nhân dân xã Kon Đào với Công ty TNHH MTV Nguyễn Khoa Kon Tum về việc tư vấn quản lý Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào – Văn Lem);

Xét Tờ trình số 03/TTr-Cty ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum về việc xin phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 31/TTr-PKT ngày 07 tháng 02 năm 2026 (kèm theo đề nghị của Công ty TNHH MTV Nguyễn Khoa Kon Tum về việc đề nghị phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem) tại Tờ trình số 35/TTr-NK ngày 06 tháng 02 năm 2026)).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Thiết kế xây dựng công trình giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công Dự án Nâng cấp, mở rộng đường (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem), với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kon Đào.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng: Theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) về việc phê duyệt Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem).

5. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ thiết kế: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Kon Tum.

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

1. Mục tiêu xây dựng

Từng bước hoàn thành hạ tầng giao thông, kết nối xã Kon Đào với xã Văn

Lem và huyện Tu Mơ Rông (cũ), tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại, vận chuyển hàng hóa nông sản, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong vùng và 02 huyện cũ (*nay là 02 xã mới Kon Đào và xã Tu Mơ Rông*); đảm bảo kết nối các đầu mối giao thông quan trọng (Quốc lộ QL40B).

2. Địa điểm xây dựng: Xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc công trình

- **Yêu cầu về quy hoạch:** Việc đầu tư xây dựng công trình phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) phê duyệt tại Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2016.

- **Yêu cầu về cảnh quan, kiến trúc:**

+ Giải pháp thiết kế phải đúng theo quy hoạch giao thông vận tải, quy hoạch xây dựng của vùng dự án và cảnh quan môi trường xung quanh. Giải pháp kiến trúc phải đúng theo quy hoạch kiến trúc về giải pháp kết cấu, chiều cao công trình, tầm nhìn và phù hợp với các công trình xây dựng trong khu vực.

+ Các giải pháp kết cấu phải thỏa mãn các yêu cầu về chức năng sử dụng, về tổ chức không gian chung của khu vực và về công nghệ xây dựng, bố trí trang thiết bị kỹ thuật cho công trình.

+ Thiết kế phối hợp không gian với các yếu tố tuyến tạo cảm giác an toàn, thuận lợi, đều đặn, liên tục, đồng thời phối hợp tốt các cảnh quan và môi trường dọc hai bên tuyến đường, hạn chế phá hoại các cảnh quan tự nhiên và tác động xấu đến môi trường do xây dựng các hạng mục của dự án gây ra.

+ Thiết kế các hạng mục công trình ngoài việc tuân thủ quy trình, quy phạm cần xét đến sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường.

+ Bố trí mặt bằng phải thuận lợi cho việc thiết kế đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật như: Cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc...

+ Thiết kế cao độ đường đờ các tuyến đường và bố trí, thiết kế nút giao thông ngoài việc tuân thủ theo Quy hoạch, cần phải phù hợp và hài hòa với cảnh quan xung quanh; phù hợp với chiều cao và kiến trúc các công trình xây dựng và hạ tầng kỹ thuật liên kết trong khu vực.

4. Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác

4.1. Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình:

a) Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính và thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp IV (theo Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng

6 năm 2021).

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Tối thiểu 20 năm.

b) Quy mô đầu tư:

* Phần đường:

- Cấp đường: Đường cấp V miền núi (theo TCVN 4054:2005).

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 30$ km/h.

- Phạm vi tuyến đầu tư: Điểm đầu Km0 giao với Quốc lộ 40B tại lý trình Km200+950; điểm cuối Km12+117 giao với tuyến tránh đèo Văn Rơi tại Km14+900.

- Tổng chiều dài tuyến nâng cấp, mở rộng $L = 12,12$ km.

- Bề rộng nền đường $B_n = 6,5$ m. Trong đó bề rộng mặt đường $B_m = 3,5$ m. Bề rộng lề đường gia cố: $B_{lgc} = 1,0\text{m} \times 2$ bên = 2,0m. Bề rộng lề đường đất: $B_{ld} = 0,5\text{m} \times 2$ bên = 1,0m.

- Độ dốc dọc tối đa $I_{dmax} = 12\%$ (châm chước theo Công văn số 171/VPHTKT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cũ).

- Kết cấu mặt đường và lề gia cố: Bằng bê tông nhựa, kết cấu như sau:

(i) Kết cấu loại 1: Cho các đoạn chỉnh tuyến cục bộ (dài khoảng 0,58km) và phần mặt đường cạp rộng: Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m; móng cấp phối đá dăm loại I, D_{max25} dày 25cm; móng cấp phối đá dăm loại II, $D_{max37,5}$ dày 15cm.

(ii) Kết cấu loại 2: Tăng cường trên mặt đường cũ các đoạn có $80\text{Mpa} > E_0 \geq 60\text{Mpa}$ (đoạn Km2+183 đến điểm cuối tuyến): Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m; móng cấp phối đá dăm loại I, D_{max25} dày 25cm; bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại I, D_{max25} .

(iii) Kết cấu loại 3: Tăng cường trên mặt đường cũ các đoạn có $E_0 \geq 80$ Mpa (đoạn Km0+00 đến Km2+183): Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m; móng cấp phối đá dăm loại I, D_{max25} dày 15cm; bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại I, D_{max25} .

- Kết cấu lề đường không gia cố: Bằng đất đầm chặt $K \geq 95$.

- Mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 130\text{Mpa}$.

- Tải trọng trục tiêu chuẩn thiết kế nền, mặt đường: Trục xe 10T.

- Cống:

+ Tải trọng thiết kế cống thoát nước: H30-XB80 (theo định hình 533-01-

01, 533-01-02 của Viện Khoa học kỹ thuật - Bộ Giao thông vận tải).

- + Tần suất tính toán thủy văn nền đường, công $P = 4\%$.
- + Tận dụng những cống còn sử dụng tốt, sửa chữa các cống bị hư hỏng; đồng thời nối cống để phù hợp với bề rộng nền đường.
- + Thiết kế bổ sung cống mới tại một số vị trí cần thiết để đảm bảo thoát nước.

+ Kết cấu cống: Bằng bê tông và bê tông cốt thép.

- Rãnh dọc: Tùy theo điều kiện địa hình từng đoạn tuyến, tận dụng một số đoạn rãnh dọc gia cố cũ còn sử dụng được. Những đoạn thiết kế mở rộng và đoạn chỉnh tuyến, thiết kế rãnh hình thang kích thước (40x40x120)cm hoặc rãnh bê tông cốt thép hình chữ nhật tại các đoạn qua khu đông dân cư. Kết cấu rãnh gia cố bằng bê tông.

- Công trình cầu:

+ Tại lý trình Km1+924,29 thiết kế mới cầu dầm bê tông cốt thép dự ứng lực, chiều dài nhịp $L_n=1 \times 24m$, $B=(0,5+5,5+0,5)m=6,5m$, tải trọng thiết kế HL93.

+ Tại lý trình Km6+799,77 tận dụng cầu bản bê tông cốt thép chiều dài nhịp $L=6,6m$; thiết kế mở rộng 2,5m về phía thượng lưu.

- Thiết kế tường chắn taluy, gia cố mái taluy, nút giao.

- An toàn giao thông: Bố trí vạch sơn, cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan, ... theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN41:2024

4.2. Các yêu cầu về công năng sử dụng và các yêu cầu khác:

Công trình giao thông là việc kết hợp của nhiều yếu tố về mặt kỹ thuật xây dựng, kiến trúc, khai thác, kinh tế, xã hội... Nói chung, khi thiết kế các công trình phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) *Yêu cầu về mặt khai thác công trình:*

Phải đảm bảo xe cộ trên đường đi lại được thuận tiện, an toàn. Chiều rộng đường xe chạy phải phù hợp với lưu lượng và loại xe tính toán. Bề mặt phải đảm bảo độ bằng phẳng, độ nhám và thoát nước tốt. Các công trình thoát nước phải đảm bảo thoát nước tốt.

b) *Yêu cầu về mặt kỹ thuật:*

- Công trình thiết kế đảm bảo yêu cầu về độ bền, khả năng chịu lực của kết cấu dưới tác dụng của tải trọng.

- Công trình phải đảm bảo về độ cứng. Dưới tác dụng của tải trọng không bị biến dạng hoặc biến dạng nhưng không vượt quá trị số cho phép nhất định.

- Ngoài ra khi thiết kế cần chú ý đến độ ổn định của công trình. Phải đảm bảo cho công trình giữ nguyên được hình dạng tổng thể, vị trí ban đầu dưới tác

dụng của các tải trọng khác nhau.

- Công trình được thiết kế sao cho việc chế tạo, lắp ráp được dễ dàng. Cần xét đến các điều kiện khí hậu và thủy lực có thể ảnh hưởng đến việc xây dựng.

c) Yêu cầu về mặt kinh tế:

- Lập tổng dự toán áp dụng định mức theo quy định của Nhà nước hiện hành và các quy định của địa phương.

- Loại hình kết cấu và vật liệu phải được lựa chọn có xét đầy đủ các yếu tố giá thành của dự án.

- Xây dựng các công trình phải đảm bảo chi phí thiết bị, vật liệu rẻ nhất, giảm sức lao động, giảm giá thành xây dựng, phải tính đến giá thành duy tu bảo dưỡng, sửa chữa và khai thác của công trình. Khi lựa chọn các hạng mục kết cấu cần xét đến sự phát triển trong tương lai.

d) Yêu cầu về mặt môi trường:

- Đối với môi trường cảnh quan: phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa môi trường và cảnh quan, tuân thủ quy định về bảo vệ các danh lam, thắng cảnh và di tích lịch sử, công trình văn hóa.

- Tác động của việc xây dựng công trình đến các di tích lịch sử, đến dân cư địa phương, đất trồng và các vùng nhạy cảm về mỹ quan, môi trường và sinh thái đều phải được xem xét. Thiết kế phải tuân thủ mọi quy định về môi trường có liên quan, phải xem xét địa hình, địa mạo của khu vực dự án

4.3. Các tiêu chuẩn thiết kế áp dụng:

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế (tham khảo)	TCVN 4054:2005
2	Áo đường mềm	22TCN 211-06
3	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ Việt Nam	QCVN 41 - 2024
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2009/BXD
6	Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế	TCXDVN 51-2008
7	Cống tròn	78-02X
8	Cống tròn BTCT (chỉ sử dụng ống cống)	533-01-01, 533-01-02
9	Cống hộp lắp ghép BTCT	86-04X, 86-05X
10	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép yêu cầu thiết kế	TCVN 5574:2018
11	Tiêu chuẩn thiết kế cầu	22TCN 272 - 05 và TCVN11823 - 2017
12	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCXD 205 :1998 TCVN 10304-2014

13	Gối cầu cao su cốt bản thép	AASHTO M251 - 06 - UL ASTM D4014-03 (2007)
14	Tiêu chuẩn khe co giãn	AASHTO M297-96, AASHTO M183 - 96
15	Thiết kế công trình chịu động đất	22TCN 221 - 95 TCXDVN 375 : 2006
16	Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khác	

5. Thời gian thực hiện: Dự kiến 20 ngày.

6. Nội dung khác: Theo hồ sơ nhiệm vụ thiết kế do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Kon Tum lập kèm theo.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum, Công ty TNHH MTV Nguyên Khoa Kon Tum và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các nội dung phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum, Giám đốc Công ty TNHH MTV Nguyên Khoa Kon Tum và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Xây dựng (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu VT, TH, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quang Hải

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 2809 /SXD-HĐXD

V/v thông báo kết quả thẩm định
thiết kế xây dựng triển khai sau thiết
kế cơ sở công trình Nâng cấp, mở
rộng đường ĐH51 (đường liên xã
Kon Đào - Văn Lem)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: UBND xã Kon Đào

Sở Xây dựng nhận được Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 15/4/2026 của UBND xã Kon Đào về thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem); kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau TKCS đã được thẩm tra.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 95/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Kon Đào về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán khảo sát giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Kon Đào về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Kon Đào về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công;

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem), như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem).
2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.
3. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem).
4. Chủ đầu tư: UBND xã Kon Đào.
5. Giá trị dự toán xây dựng: **92.706.610.000 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi hai tỷ, bảy trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).
6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công; nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý giai đoạn 2021-2025 và các nguồn vốn hợp pháp khác.
7. Địa điểm xây dựng: Xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi.
8. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum.
9. Nhà thầu thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum.
10. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH Thiên Thuận Kon Tum.
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 07:2023/BXD, QCVN 01:2021/BXD, TCVN 5574:2018, TCVN 31: 2020/TCĐBVN, TCVN 4054 – 2005, TCVN 38: 2022/TCĐBVN, TCVN 11823:2017....

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);
 - Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án;
 - Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách địa phương;
 - Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Kon Đào về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán khảo sát giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công;
 - Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Kon Đào về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công;
 - Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Kon Đào về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình giai đoạn lập

thiết kế bản vẽ thi công;

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng (lần 2) số 01a/KQ-TTr ngày 13/4/2026 của Công ty TNHH Thiên Thuận Kon Tum;

- Báo cáo kết quả thẩm tra số 03/BC-ATGT ngày 13/4/2026 của Công ty TNHH Thiên Thuận Kon Tum về việc báo cáo kết quả thẩm tra ATGT giai đoạn triển khai thiết kế sau thiết kế cơ sở công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (Đường liên xã Kon Đào – Văn Lem).

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát thiết kế, thẩm tra:

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở dự án đầu tư đã được phê duyệt.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng và dự toán (đã thẩm tra).

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình (Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 15/4/2026):

3.1. Năng lực của nhà thầu thiết kế:

- Chủ nhiệm thiết kế: Ông Nguyễn Quốc Yên; Chứng chỉ số BXD-00010360 cấp ngày 05/9/2023.

- Chủ nhiệm khảo sát địa chất: Ông Nguyễn Duy Chung; Chứng chỉ số BXD-00068932 cấp ngày 05/9/2023.

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Nguyễn Khoa Lực; Chứng chỉ số KOT-00010348 cấp ngày 30/9/2022.

- Chủ trì thiết kế đường: Ông Nguyễn Chí Trung; Chứng chỉ số BXD-0001058 cấp ngày 05/9/2023.

- Chủ trì thiết kế cầu: Ông Nguyễn Minh Tài; Chứng chỉ số KOT-00010343 cấp ngày 30/9/2022.

- Chủ trì lập dự toán: Ông Nguyễn Đăng Khoa; Chứng chỉ số BXD-00030375 cấp ngày 27/12/2023.

3.1. Năng lực của nhà thầu thẩm tra:

- Chủ trì thẩm tra phần đường: Ông Phạm Hùng; Chứng chỉ hành nghề số KOT-00044965;

- Chủ trì thẩm tra phần cầu: Ông Tôn Thất Hùng; Chứng chỉ hành nghề số HCM-00049177;

- Chủ trì thẩm tra dự toán: Ông Quách Văn Dục; Chứng chỉ hành nghề số KOT-00130718.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Tóm tắt giải pháp thiết kế chủ yếu: Theo Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 15/4/2026 của UBND xã Kon Đào; Báo cáo kết quả thẩm tra số 01a/KQ-TTr ngày 13/4/2026 của Công ty TNHH Thiên Thuận Kon Tum về kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem) lần 2 Một số nội dung chính

như sau:

1. Quy mô đầu tư xây dựng: Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn Đường cấp V miền núi (TCVN 4054:2005) với các đặc tính kỹ thuật chính như sau:

- Tốc độ thiết kế: 30 km/h.
- Phạm vi tuyến: Điểm đầu Km0 giao với Quốc lộ 40B (Km200+950); điểm cuối Km12+117 giao với tuyến tránh đèo Văn Rơi (Km14+900).
- Tổng chiều dài tuyến: 12,12 km.
- Mặt cắt ngang: Bề rộng nền đường (Bn): 6,5 m; Bề rộng mặt đường (Bm) 3,5 m, Lề gia cố 2,0 m (1,0m x 2 bên), Lề đất: 1,0 m (0,5m x 2 bên).
- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm trên các lớp móng cấp phối đá dăm.
- Công trình trên tuyến: Xây mới cầu dầm bê tông cốt thép dự ứng lực, nhịp $L_n=24m$ tại Km1+924,29, khổ cầu 6,5m, tải trọng HL93. Cầu tại Km6+799,77 tận dụng cầu bản cũ và mở rộng thêm 3m.
- Thoát nước: Công BTCT tải trọng H30-XB80; rãnh dọc hình thang hoặc chữ nhật gia cố bằng bê tông.

2. Giải pháp thiết kế:

2.1. Bình đồ và Trắc dọc

- Bình đồ: Tuyến đường bám theo đường cũ hiện hữu để tận dụng nền, mặt đường và một số công trình hiện có nhằm giảm thiểu cơ bản khối lượng đền bù, giải phóng mặt bằng. Điểm đầu giao với Quốc lộ 40B tại Km200+950 và điểm cuối giao với tuyến tránh đèo Văn Rơi. Tuyến chỉ chỉnh cục bộ tại các đoạn có địa hình khó khăn, dốc dọc lớn, đường cong bán kính nhỏ hoặc dốc ngang sườn lớn để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn giao thông.

- Trắc dọc: Thiết kế đường đò bám theo đường tự nhiên để giảm chi phí xây dựng và hạn chế ảnh hưởng đến phạm vi giải phóng mặt bằng. Không chế cao độ tại các điểm giao với đường cũ, nút giao quy hoạch và các vị trí cống.

2.2. Kết cấu nền mặt đường

- Nền đường: Độ chặt nền đường yêu cầu $K \geq 95$. Đối với nền đường thông thường, đào bỏ lớp đất không thích hợp dày 20cm-30cm trước khi đắp đất mới. Những nơi dốc sườn tự nhiên 20% phải đánh cấp rộng tối thiểu 1m trước khi đắp. Với đoạn đào sâu, cứ 8-10m sẽ giạt cấp tạo thêm cơ rộng 2m kết hợp dốc nước. Độ dốc mái taluy nền đào là 1/1, nền đắp là 1/1,5.

- Mặt đường và lề đường:

+ Kết cấu 1 (Dùng cho đoạn chỉnh tuyến và mở rộng, $E_{yc} \geq 130MPa$): Lớp BTNC C16 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám, móng cấp phối đá dăm loại I (Dmax25) dày 25cm, và lớp móng cấp phối đá dăm loại II (Dmax37,5) dày 15cm. Kết cấu lề gia cố đồng nhất với Kết cấu 1 này.

+ Kết cấu 2 (Tăng cường mặt đường cũ đoạn $60MPa \leq E_0 < 80MPa$):

Lớp BTNC C16 dày 7cm, tưới nhựa thấm bảm, lớp móng cấp phối đá dăm loại I được tăng chiều dày lên 25cm, và bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ.

+ Kết cấu 3 (Tăng cường mặt đường cũ đoạn $E0 \geq 80MPa$): Lớp Bê tông nhựa (BTNC) C16 dày 7cm, tưới nhựa thấm bảm 1 lít/m^2 , móng cấp phối đá dăm loại I (Dmax25) dày 15cm và bù vênh cấp phối đá dăm. Đối phần mở rộng được bổ sung thêm lớp móng cấp phối đá dăm loại II (Dmax37,5) dày 25cm ở dưới.

2.3. Thiết kế Công trình thoát nước

- Thoát nước dọc: Thiết kế rãnh dọc hình thang kích thước (40x40x120)cm cho nền đào hoặc đắp thấp. Tại đoạn dốc dọc $\geq 6\%$ hoặc có hiện trạng xói lở, rãnh được gia cố bằng tấm đan bê tông xi măng (BTXM). Các đoạn qua khu dân cư hoặc có nước chảy thường xuyên sử dụng rãnh hình vuông (60x60)cm bằng BTXM có nắp đan bê tông cốt thép (BTCT).

- Thoát nước ngang: Tận dụng và nối thêm cống hiện trạng cho đủ bề rộng nền đường. Các cống có khẩu độ $< 100\text{cm}$ được thay thế bằng cống mới có khẩu độ $\geq 100\text{cm}$ hoặc tương đương. Thiết kế cống bằng BTCT với tải trọng H30-XB80.

2.4. Công trình Cầu trên tuyến

- Cầu bản (Km6+776): Tận dụng cầu bản đã xây dựng và mở rộng thêm 3,0m về phía thượng lưu, tổng bề rộng cầu đạt 8,5m. Chiều dài nhịp là 6,6m. Mặt cầu rải lớp BTN chặt C16 dày 7cm.

- Cầu BTCT (Km1+924,46): Xây mới cầu dầm BTCT mặt cắt chữ I gồm 1 nhịp dài 24m. Khổ cầu rộng 6,5m, thiết kế tải trọng HL93.

2.5. Giao cắt dân sinh và An toàn giao thông

- Nút giao dân sinh: Là dạng nút giao cùng mức, được thiết kế vượt nổi nền đường với bán kính $R = 5-12\text{m}$. Riêng nút giao với Quốc lộ 40B được vượt nổi bằng một lớp BTNC C16 dày 7cm.

- An toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống biển báo, cọc tiêu, tường hộ lan, vạch sơn phân làn, gờ giảm tốc... tuân thủ Quy chuẩn báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

IV. PHẠM VI, CƠ SỞ VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH

1. Phạm vi, cơ sở thẩm định

a) Cơ sở thẩm định:

- Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ: “*Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ công trình quy định tại điểm a khoản này*”.

- Theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: “*Các Sở quản*

lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”

- Sở Xây dựng thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở các nội dung theo quy định tại Điều 83a Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14) trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định, không xem xét đánh giá các nội dung khác ngoài các nội dung quy định này.

- Nội dung thẩm định thiết kế của Sở Xây dựng tuân thủ theo quy định tại mẫu số 10, Phụ lục I Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ;

b) Phạm vi thẩm định:

- Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và khoản 6 Điều 7 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ: Sở Xây dựng chỉ chịu trách nhiệm về những nội dung thẩm định có liên quan đến lĩnh vực xây dựng theo quy định của pháp luật; không chịu trách nhiệm về những nội dung đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác thẩm định hoặc giải quyết trước đó.

- Đơn vị trình thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ, các văn bản và các thông tin khác liên quan đến hồ sơ trình thẩm định; Chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn (tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra, tư vấn thẩm định giá (nếu có)) chịu trách nhiệm về tính pháp lý, chính xác của số liệu hồ sơ trình thẩm định.

- Sở Xây dựng thực hiện thẩm định trên cơ sở hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem) theo đề nghị của Chủ đầu tư tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 15/4/2026, do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Kon Tum thiết kế, được Công ty TNHH Thiên Thuận Kon Tum thẩm tra tại Báo cáo số 01a/KQ-TTr ngày 13/4/2026 và Báo cáo số 03/BC-ATGT ngày 13/4/2026.

2. Nguyên tắc thẩm định

Nguyên tắc thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

a) Về công tác lập thiết kế xây dựng:

- Công tác lập thiết kế xây dựng cơ bản tuân thủ quy định của pháp luật.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính pháp lý và trước pháp luật đối với việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công tác khảo sát, thiết kế theo đúng hồ sơ dự thầu. Đơn vị TVTK và các cá nhân tham gia thực hiện công tác khảo sát, thiết kế chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện của mình.

b) Về công tác thẩm tra thiết kế xây dựng: Chủ đầu tư đã tổ chức lựa

chọn nhà thầu thẩm tra và thực hiện thẩm tra theo các Báo cáo số 01a/KQ-TTr ngày 13/4/2026. Công tác thẩm tra thiết kế xây dựng được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 82 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 và Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Đơn vị tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả thẩm tra thiết kế do mình thực hiện.

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế: Tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 15/4/2026, Chủ đầu tư đã thống kê thông tin chứng chỉ hành nghề của các cá nhân chủ chốt tham gia lập thiết kế, thẩm tra. Theo báo cáo, các cá nhân này đáp ứng yêu cầu về năng lực theo quy định. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đắn về năng lực của các cá nhân tham gia thực hiện của hồ sơ đã cung cấp, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã phê duyệt: Hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem) cơ bản phù hợp với hồ sơ thiết kế cơ sở đã được phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum.

Đối với phần thay đổi mở rộng cầu bản tại Km6+776 hiện trạng (B=6m) từ 2,5m lên 3m: nội dung này phù hợp với kết cấu cầu hiện trạng và đáp ứng yêu cầu về khả năng khai thác sử dụng, định hướng phát triển trong tương lai. Việc thay đổi kết cấu mặt cầu từ bê tông C12,5 dày 7cm thành bê tông C16 dày 7cm là phù hợp, nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tăng khả năng ổn định trong quá trình khai thác sử dụng. Các nội dung điều chỉnh nêu trên không làm thay đổi mục tiêu, quy mô dự án được phê duyệt nên không thuộc trường hợp phải điều chỉnh thiết kế cơ sở theo quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Điều 61 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 và khoản 2 Điều 46 Luật Đầu tư công 2024.

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định:

Theo Báo cáo kết quả thẩm tra số các Báo cáo số 01a/KQ-TTr ngày 13/4/2026 của Công ty TNHH Thiên Thuận Kon Tum, tư vấn thẩm tra có nhận xét, đánh giá như sau:

- Về sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đảm bảo theo thiết kế cơ sở được duyệt.

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: Tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành. Giải pháp thiết kế kết cấu phù hợp, đảm bảo yêu cầu về tiết kiệm chi phí trong xây dựng công trình.

- Về đánh giá an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân

cận: Công trình đảm bảo an toàn và an toàn công trình của các công trình lân cận.

- Về sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có): Công trình không yêu cầu thiết kế công nghệ.

- Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

- Đơn vị tư vấn thẩm tra đã bổ sung bảng đối chiếu các chỉ tiêu nêu tại hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở so với các quy định tại quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng. Tuy nhiên, nội dung chỉ mới đối chiếu yêu cầu về vật liệu; Nhiều chỉ tiêu quan trọng về yếu tố hình học, cấp hạng tuyến theo TCVN 4054:2005 chưa được kiểm tra. Đồng thời, đối với phần công trình cầu, đơn vị tư vấn thẩm tra cũng chưa thực hiện đánh giá, kiểm tra hồ sơ thiết kế theo Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017. Đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo rà soát, bổ sung toàn diện việc đối chiếu các tiêu chuẩn nêu trên để đảm bảo điều kiện tổng hợp, phê duyệt.

5. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng:

Chủ đầu tư đã thuê đơn vị tư vấn thẩm tra dự toán, Sở Xây dựng tiếp tục đề nghị Chủ đầu tư tổ chức kiểm tra, rà soát và yêu cầu đơn vị tư vấn thẩm tra bổ sung nội dung đánh giá cụ thể đối với các vấn đề sau:

- Đánh giá về sự phù hợp của các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình.

- Đánh giá về sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình so với nội dung tổng mức đầu tư dự án được duyệt và đặc điểm, tính chất, yêu cầu của công trình.

- Đánh giá về sự phù hợp của phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình với quy định.

- Đánh giá về cơ sở xác định các thành phần chi phí (*Sự phù hợp, đầy đủ của khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình; Cơ sở xác định đơn giá xây dựng, đơn giá thiết bị, bao gồm: Sự tuân thủ trong việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố; Sự phù hợp của giá các yếu tố đầu vào, đơn giá sử dụng xác định dự toán, mặt bằng giá thị trường và các công cụ cần thiết khác để xác định dự toán xây dựng*).

- Cơ sở xác định các chi phí thuộc chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác, dự phòng phí theo quy định.

- Trường hợp có định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh: sự phù hợp của danh mục, phương pháp xác định, trị số hao phí định mức. Đề nghị Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc kiểm tra, rà soát và yêu cầu đơn vị tư vấn thẩm tra hoàn thiện nội dung thẩm tra; đơn vị tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và hợp pháp của kết

quả thẩm tra. Sở Xây dựng không chịu trách nhiệm đối với nội dung, kết quả thẩm tra dự toán do đơn vị tư vấn thực hiện.

6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:

- Yêu cầu về phòng chống cháy, nổ: Đã được đơn vị tư vấn thẩm tra đánh giá đảm bảo an toàn phòng chống cháy, nổ; dự án không thuộc trường hợp thẩm định theo quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh.

- Về môi trường: Đề nghị Chủ đầu tư thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định và thực hiện nội dung tại Điều 11 Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan: Biện pháp thi công phải đảm bảo an toàn lao động, an toàn tính mạng, an toàn giao thông.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế, dự toán xây dựng:

8.1. Thiết kế xây dựng:

- Đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu các ý kiến tại Báo cáo số 01a/KQ-TTr ngày 13/4/2026 và Báo cáo số 03/BC-ATGT ngày 13/4/2026 của Công ty TNHH Thiên Thuận Kon Tum.

- Về thiết kế trắc dọc, cần rà soát bám theo 03 phương án thiết kế kết cấu áo đường trên tuyến để tận dụng tối đa kết cấu mặt đường hiện trạng theo phương án thiết kế kết cấu mặt đường đã được phê duyệt tại thiết kế cơ sở. Cụ thể: đối với đoạn từ Km0-Km2+183, đường đắp nên cách đường đen trung bình 22cm; đối với các đoạn còn lại (trừ các đoạn chỉnh tuyến), đường đắp nên cách đường đen trung bình 32cm.

- Về thiết kế trắc ngang điển hình: Đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ các dạng mặt cắt ngang thiết kế, đặc biệt tại các vị trí có chỉnh tuyến và tại các vị trí có taluy đào lớn (ví dụ: đoạn từ Km4+300 đến Km4+600...).

- Đối với đoạn từ Km4+438 - Km4+511: Do taluy đào có chiều cao trung bình trên 30m, đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế rà soát phương án bình đồ, trắc dọc để hiệu chỉnh nhằm giảm chiều cao đào. Trường hợp không thể hiệu chỉnh do ảnh hưởng đến tiêu chuẩn hình học của tuyến, bắt buộc phải bổ sung thuyết minh tính toán ổn định taluy và thiết kế giải pháp gia cố mái phù hợp (trồng cỏ Vetiver, tường chắn...).

- Đối với thiết kế trắc ngang: Đề nghị rà soát và hiệu chỉnh lại giải pháp tại các vị trí có nền mặt đường hiện trạng (ví dụ cọc 13, cọc 14...). Việc khai báo đào bỏ hoàn toàn tại các vị trí này là không phù hợp với quan điểm thiết kế tại bước Thiết kế cơ sở. Đơn vị tư vấn phải đảm bảo việc triển khai thiết kế bản vẽ thi công tuân thủ đúng các nội dung TKCS đã duyệt, đảm bảo đúng khối lượng thực tế, không gây lãng phí lãng phí.

- Về thiết kế cầu (Km1+924,46 và Km6+776): Đối với cầu xây mới tại Km1+924,46: Yêu cầu bổ sung bản vẽ chi tiết bố trí cốt thép dự ứng lực, neo, ống gen và trình tự căng kéo. Yêu cầu cung cấp tính toán kiểm tra độ võng và nút dầm chủ ở trạng thái giới hạn sử dụng. Đối với cầu mở rộng tại Km6+776, mở kiểm toán bản mặt cầu, đề nghị kiểm tra khả năng chịu lực của móng cũ sau khi mở rộng tải trọng mặt cầu và hoạt tải HL93.

- Về an toàn giao thông và báo hiệu đường bộ: Bố trí đầy đủ gờ giảm tốc dạng sơn nổi (vạch sơn nổi) tại các vị trí trước công trường, trạm y tế, khu dân cư tập trung. Biển báo nguy hiểm phải được đặt trước vị trí nguy hiểm tối thiểu 50m đối với đường có tốc độ thiết kế 30km/h (theo QCVN 41:2024/BGTVT).

- Rà soát, thiết kế hệ thống cọc phản quang, tiêu dẫn hướng tại tất cả các đường cong bán kính $\leq 100\text{m}$ và đường cong đỉnh dốc có tầm nhìn hạn chế.

8.2. Dự toán:

- Đối với các định mức vận dụng và tạm tính, tạm chấp nhận phương pháp lập của đơn vị tư vấn đã lập. Đề nghị chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Bổ sung sơ đồ mỏ vật liệu, bãi đổ thải sử dụng cho tất cả các vị trí xây dựng công trình.

- Rà soát kỹ công tác bóc tách khối lượng từ bản vẽ thiết kế thi công để đưa vào dự toán, đảm bảo tính đúng, tính đủ, không để xảy ra tình trạng thiếu, thừa khối lượng làm sai lệch giá trị dự toán.

- Căn cứ sơ đồ mỏ vật liệu và bãi đổ thải thực tế, xác định lại chính xác cự ly vận chuyển đất đắp, cát, đá, phế thải...; áp dụng đúng cấp loại đường vận chuyển theo thực tế để lập dự toán tuân thủ đúng quy định.

- Cập nhật, chỉnh sửa lại dự toán theo: Quyết định số 797/QĐ-SXD, số 798/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 của Sở Xây dựng về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng xếp loại quốc lộ, đường tỉnh, đường khác được giao quản lý để xác định cước vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Giá vật liệu theo công bố hàng tháng của Sở Xây dựng.

9. Nội dung khác:

- Chủ đầu tư cần chủ động kiểm tra, rà soát các chi tiết cấu tạo kỹ thuật, tránh các hiện tượng chồng lấn giữa các hạng mục, đảm bảo khớp nối đồng bộ và kiểm soát sự phù hợp giữa các hệ thống kỹ thuật của công trình.

- Rà soát các vị trí công trình có kết nối với công trình đang triển khai thi công xây dựng, điều chỉnh khối lượng công việc của các hạng mục công trình, để tránh chồng lấn khối lượng và đảm bảo kết nối đồng bộ giữa các hạng mục công trình cũ với công trình mới.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, đảm bảo sự hợp lệ của các phần mềm sử dụng tính toán thiết kế.

- Cụ ly vận chuyển đất đắp, cát, đá, ..., Chủ đầu tư xác nhận thực tế, lập hồ sơ hoàn công làm cơ sở thanh quyết toán.

- Xác định vị trí bãi thải để đổ thải theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thi công, căn cứ vào địa hình thực tế, bổ sung giải pháp thoát nước, giao thông cho các hộ dân xung quanh.

- Một số chi phí vật liệu, công tác tạm tính, Chủ đầu tư kiểm tra, xem xét, khảo sát lại để đảm bảo theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP: *“Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình đảm bảo tính đúng, tính đủ theo quy định; phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng; phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ xây dựng, điều kiện thi công, biện pháp thi công xây dựng định hướng, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường”*.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận: Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem) chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu đề trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo đảm bảo an toàn, ổn định, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Kiến nghị đối với Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu của hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trình thẩm định; thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý chặt chẽ kinh phí của Dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt.

- Về thiết kế: Trong quá trình thi công, nếu tư vấn giám sát, đơn vị thi công, đơn vị quản lý dự án phát hiện những sai khác giữa thực tế và hồ sơ thiết kế hoặc giải pháp thiết kế chưa phù hợp với thực tế để đảm bảo ổn định công trình phải báo với Chủ đầu tư để có biện pháp xử lý kịp thời. Trong quá trình triển khai dự án, nếu có sai khác về địa chất, địa hình, đề nghị Chủ đầu tư tổ chức thực hiện việc điều chỉnh thiết kế cho phù hợp; kiểm tra, giám sát chất lượng, đặc tính, thông số kỹ thuật của vật liệu, thiết bị đưa vào sử dụng thi công công trình cho phù hợp với vật liệu, thiết bị trong thiết kế, dự toán.

- Sau khi hoàn thiện hồ sơ thiết kế theo các yêu cầu nêu trên, đề nghị UBND xã Kon Đào tiến hành thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại khoản 24, khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 và các quy định hiện hành.

- Nội dung thẩm định nêu trên không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của các chủ thể tham gia trong công tác lập và quản lý chất lượng hồ sơ khảo sát, thiết kế xây dựng của dự án, đảm bảo giải pháp thiết kế phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn khu vực dự án đi qua và tính kinh tế - kỹ thuật, ổn định lâu dài công trình; đáp ứng đầy đủ mục tiêu của dự án, tiến trình xây dựng, phát huy hiệu quả đầu tư. Tổ chức và cá nhân tham gia công tác tư

vấn lập, tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm thiết kế đã thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật Xây dựng và điểm 6 khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, các Hợp đồng đã được ký kết và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trên đây là thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem), đề nghị UBND xã Kon Đào triển khai thực hiện tổng hợp, thẩm định, phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Cty CPTVXD giao thông Kon Tum;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLHĐXD_{DanhNT}.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



an Trung Tín

Số: 91 /QĐ-UBND

Kon Đào, ngày 08 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình:
Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem)**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu

tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành bảng xếp loại quốc lộ, đường tỉnh, đường khác được giao quản lý để xác định cước vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận từ Ủy ban nhân dân cấp huyện trước đây;

Căn cứ các Quyết định của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi: Quyết định số 797/QĐ-SXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 798/QĐ-SXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Quảng

Ngãi;

Căn cứ Thông báo số 2809/SXD-HĐXD ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng (giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công) dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng (giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công) dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định và các tài liệu khác có liên quan đến dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 79/TTr-PKT ngày 7 tháng 5 năm 2026 (kèm theo Thông báo số 17/TB-PKT ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Phòng Kinh tế về thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem).

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV (theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

3. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem).

4. Địa điểm xây dựng: Xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Kon Tum.

6. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Kon Tum.

7. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Thiên Thuận Kon Tum.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

Nâng cấp, mở rộng tuyến đường theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (TCVN 4054:2005), với các thông số kỹ thuật chính như sau:

- Chiều dài tuyến: 12,073 km;
- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 30$ km/h;
- Độ dốc dọc lớn nhất: $I_{max} = 12\%$ (châm chước theo Văn bản số 171/VP-KTTH ngày 12/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum);
- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,5$ m. Trong đó: Bề rộng mặt đường $B_m = 3,5$ m; lề gia cố $B_{lgc} = 2 \times 1$ m; lề đất $B_l = 2 \times 0,5$ m;
- Tải trọng trục thiết kế nền, mặt đường: Trục xe 10T; mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 130$ MPa; tần suất thiết kế nền đường, cống và cầu nhỏ $P = 4\%$;
- Kết cấu mặt đường: Gồm 04 loại kết cấu (KC1, KC2, KC3, KC3a) áp dụng tương ứng với từng đoạn tuyến trên cơ sở mô đun đàn hồi mặt đường cũ và mục đích áp dụng (tăng cường, mở rộng, chỉnh tuyến), gồm BTNC C16 dày 7cm, tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m², móng cấp phối đá dăm loại I và loại II;
- Kết cấu lề đường gia cố: Đồng nhất với kết cấu mặt đường (kết cấu 1); kết cấu lề đường không gia cố: Bề mặt đất đầm chặt $K \geq 95$;
- Công trình thoát nước: rãnh dọc, dốc nước, bậc nước; hệ thống cống ngang BTCT định hình tải trọng H30-XB80;
- Công trình cầu: Cầu BTCT dự ứng lực mới tại Km1+924,46 (chiều dài nhịp $L = 24$ m, bề rộng cầu $B = 6,5$ m, tải trọng thiết kế HL93); cầu bản BTCT mở rộng tại Km6+773,66 (mở rộng 3,0m về phía thượng lưu để đạt khổ cầu $B = 8,5$ m, tải trọng thiết kế HL93);
- Tường chắn taluy, gia cố mái taluy âm tại các vị trí cần thiết;
- Hệ thống an toàn giao thông: theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

9. Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Tối thiểu 20 năm.

10. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 92.706.610.000 đồng. Bằng chữ (Chín mươi hai tỷ, bảy trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm mười nghìn đồng). Tổng hợp các khoản mục chi phí theo bảng dưới đây:

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Giá trị (đồng)
1	Chi phí xây dựng	GXD	81.644.866.103
2	Chi phí quản lý dự án	GQLDA	1.554.000.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	GTV	6.479.798.929
4	Chi phí khác	GK	1.796.164.271
5	Chi phí dự phòng	GDP	1.231.780.697
	Tổng cộng		92.706.610.000

Tổng giá trị dự toán xây dựng công trình (92.706.610.000 đồng) cộng (+) với chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng (6.913.390.000 đồng) bằng (=) 99.620.000.000 đồng, không vượt tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê

duyet tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

(Có hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem) kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công; nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý giai đoạn 2021-2025 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
1	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
2	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
3	Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4	Khảo sát cho xây dựng, nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
5	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu các điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
6	Quy trình khảo sát, thiết kế đường ô tô đắp trên đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
7	Thiết kế công trình chịu động đất (tra cấp động đất)	TCVN 9386:2012
8	Tiêu chuẩn khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
9	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
10	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
11	Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
12	Quy trình thiết kế lập tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252:2012
13	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
14	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2024
15	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2020
16	Cống tròn	78-02X; 533-01-01; 533-01-02
17	Cống hộp lắp ghép BTCT	86-04X; 86-05X
18	Cầu bản mô nhẹ	531-11-01

19	Định hình thiết kế tường chắn đất	86-06X
20	Thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
21	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2025
22	Gối cầu cao su cốt bản thép	AASHTO M251-06-UL; ASTM D4014-03 (2007)
23	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
24	Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác	TCCS 14:2016/TCĐBVN
25	Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán	TCVN 9379:2012
26	Thiết kế công trình phụ trợ thi công cầu	TCVN 11815:2017

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân xã Kon Đào (*Chủ đầu tư*) tổ chức triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng nội dung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này. Đồng thời, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình thực hiện dự án bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đấu thầu, hợp đồng xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, nội dung hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật hiện hành để tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Kho Bạc Nhà nước Khu vực XV – Phòng Giao dịch số 26, Giám đốc Công ty TNHH MTV Nguyên Khoa Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (*b/cáo*);
- Sở Xây dựng (*b/cáo*);
- Thường trực Đảng ủy (*b/cáo*);
- Thường trực HĐND xã (*b/cáo*);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu VT, TH, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quang Hải

Đặng Quang Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

Ngày 04 tháng 02 năm 2026

Hợp đồng số: HD2600027784_2602041413

Gói thầu: Tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán

Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem)

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;
- Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư,
- Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (Đường liên xã Kon Đào-Văn Lem);
- Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ thể Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án đối với các dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận từ Ủy ban nhân dân cấp huyện trước đây;
- Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Quảng Ngãi;
- Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào-Văn Lem);
- Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào về việc phê duyệt dự toán giá gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào; thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem).
- Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào-Văn Lem); thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào-Văn Lem);
- Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào-Văn Lem) thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào-Văn Lem);
- Căn cứ Thông báo số 136/UBND-KT ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào V/v mời nhà thầu đối chiếu tài liệu và thương thảo Hợp đồng gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào Văn Lem).
- Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 4 tháng 2 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Kon Đào về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào -Văn Lem) thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào -Văn Lem) và Thông báo chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của Chủ đầu tư;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày 30 tháng 1 năm 2026

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kon Đào

Địa chỉ:Đăk Trăm, Xã Kon Đào, Tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 0383230810

Fax:

E-mail: ngateckhdakto@gmail.com

Tài khoản: 9552.2.8064614. Mở tại: Kho bạc Nhà nước khu vực XV - Phòng giao dịch số 26

Mã số thuế: 6101305143

Đại diện là ông/bà: Đặng Quang Hải

Chức vụ: Chủ tịch

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KON TUM

Địa chỉ: Số 65 - 67 Kim Đồng,, Phường Đăk Cấm, Tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 02603913484

Fax:

E-mail: phongkehoachtvgtkt@gmail.com

Tài khoản: 6250000086; Tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Kon Tum

Mã số thuế: 6100200941

Đại diện là ông/bà: Võ Thanh Tùng

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;

8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.
2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà Đặng Quang Hải là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói

a) Giá hợp đồng: 1.699.641.620 VND [bằng chữ Một tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm hai mươi đồng].

Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu và theo kế hoạch vốn được giao Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vẫn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

2. Phương thức thanh toán

Chuyển khoản

Điều 6. Loại hợp đồng

Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026
 2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY
DỰNG GIAO THÔNG KON TUM**

Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
GIAO THÔNG KON TUM
Mã số thuế: 6100200941
Thời gian ký: 04-02-2026 15:21:40

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU
TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

Ủy ban nhân dân xã Kon Đào

Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KON ĐÀO
Mã số thuế: L138540
Thời gian ký: 04-02-2026 15:23:21

CHÚNG CHỈ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

BỘ XÂY DỰNG
CỤC QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00018666

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 108/QĐ-HĐXD-DN ngày 10/12/2018)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KON TUM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 3803000006

Ngày cấp: 30/6/2004.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum.

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: Võ Thanh Tùng

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: 385 (số cũ 133) Bà Triệu, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Số điện thoại: 0260.3861256

Số fax:

E-mail: thietke01@gmail.com

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Khảo sát xây dựng:

- Địa hình: Hạng I

- Địa chất công trình: Hạng I

2. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình:

- Thiết kế xây dựng công trình Giao thông (Đường bộ): Hạng I

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 10/12/2028.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2018

CỤC TRƯỞNG
CỤC QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG
XÂY DỰNG
TS. Hoàng Quang Nhu

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: KOT-00002503

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 56/QĐ-SXD ngày 20/5/2022
của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum, cấp gia hạn lần 1)

Tên tổ chức: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Giao thông Kon Tum.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6100200941.

Ngày cấp: 07/01/2022.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum.

Tên người đại diện theo pháp luật: Võ Thanh Tùng; - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 65 - 67, đường Kim Đồng, tổ 10, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Số điện thoại: 02603.913484;

Số fax: 02603.864911

Email: thietke01@gmail.com;

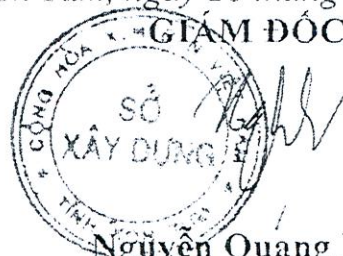
Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình: Hạng II.
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ): Hạng II.
- Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ): Hạng II.
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước): Hạng II.
- Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: Hạng II.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày 19/5/2032.

Kon Tum, ngày 20 tháng 5 năm 2022



Nguyễn Quang Hải

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Số: KOT-00002503

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG GIAO THÔNG KON TUM**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6100200941.

Ngày cấp đổi: 09 tháng 3 năm 2023.

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum
(nay là Sở Tài chính tỉnh Kon Tum).

Tên người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thanh Tùng; Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 65-67, đường Kim Đồng, phường Duy Tân, thành phố
Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Số điện thoại: 0260 3913484;

Số fax:

Email: thietke01@gmail.com;

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông *(cầu,
đường bộ)*: Hạng I.

- Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông *(cầu,
đường bộ)*: Hạng I.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày 24 tháng 6 năm 2035.

Kon Tum, ngày 25 tháng 6 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Số: BXD-00010360

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDXD-CN ngày 5/9/2023)

CÔNG TY CP TV XD GT KON TUM
ĐÃ KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN SỬ DỤNG VỚI BAN CHỈNH
Số chứng chỉ: 20369... Quyết định số: 01/2023-SC/7BS

Ngày 09-10-2023
THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Nguyễn Thị Lai

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ)	I	từ 05/09/2023 đến 05/09/2028

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2023



Họ và tên: Nguyễn Quốc Yên
Ngày tháng năm sinh: 31/10/1974
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): 049074001186
Cấp ngày: 08/04/2021 tại Cục cảnh sát
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học giao thông vận tải
Hệ đào tạo: Tại chức
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được
cấp chứng chỉ

Họ và tên: Nguyễn Chí Trung
Ngày tháng năm sinh: 10/07/1983
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): 042083002460
Cấp ngày: 08/04/2021 tại Cục cảnh sát
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học bách khoa - Đại học Đà Nẵng
Hệ đào tạo: Chính quy
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế và thi công công trình xây dựng với kết cấu thép đến tầng hầm (thường bố trí A, B, C, D, E, F, G, H, I, J, K, L, M, N, O, P, Q, R, S, T, U, V, W, X, Y, Z, AA, AB, AC, AD, AE, AF, AG, AH, AI, AJ, AK, AL, AM, AN, AO, AP, AQ, AR, AS, AT, AU, AV, AW, AX, AY, AZ, BA, BB, BC, BD, BE, BF, BG, BH, BI, BJ, BK, BL, BM, BN, BO, BP, BQ, BR, BS, BT, BU, BV, BW, BX, BY, BZ, CA, CB, CC, CD, CE, CF, CG, CH, CI, CJ, CK, CL, CM, CN, CO, CP, CQ, CR, CS, CT, CU, CV, CW, CX, CY, CZ, DA, DB, DC, DD, DE, DF, DG, DH, DI, DJ, DK, DL, DM, DN, DO, DP, DQ, DR, DS, DT, DU, DV, DW, DX, DY, DZ, EA, EB, EC, ED, EE, EF, EG, EH, EI, EJ, EK, EL, EM, EN, EO, EP, EQ, ER, ES, ET, EU, EV, EW, EX, EY, EZ, FA, FB, FC, FD, FE, FF, FG, FH, FI, FJ, FK, FL, FM, FN, FO, FP, FQ, FR, FS, FT, FU, FV, FW, FX, FY, FZ, GA, GB, GC, GD, GE, GF, GG, GH, GI, GJ, GK, GL, GM, GN, GO, GP, GQ, GR, GS, GT, GU, GV, GW, GX, GY, GZ, HA, HB, HC, HD, HE, HF, HG, HH, HI, HJ, HK, HL, HM, HN, HO, HP, HQ, HR, HS, HT, HU, HV, HW, HX, HY, HZ, IA, IB, IC, ID, IE, IF, IG, IH, II, IJ, IK, IL, IM, IN, IO, IP, IQ, IR, IS, IT, IU, IV, IW, IX, IY, IZ, JA, JB, JC, JD, JE, JF, JG, JH, JI, JJ, JK, JL, JM, JN, JO, JP, JQ, JR, JS, JT, JU, JV, JW, JX, JY, JZ, KA, KB, KC, KD, KE, KF, KG, KH, KI, KJ, KK, KL, KM, KN, KO, KP, KQ, KR, KS, KT, KU, KV, KW, KX, KY, KZ, LA, LB, LC, LD, LE, LF, LG, LH, LI, LJ, LK, LL, LM, LN, LO, LP, LQ, LR, LS, LT, LU, LV, LW, LX, LY, LZ, MA, MB, MC, MD, ME, MF, MG, MH, MI, MJ, MK, ML, MM, MN, MO, MP, MQ, MR, MS, MT, MU, MV, MW, MX, MY, MZ, NA, NB, NC, ND, NE, NF, NG, NH, NI, NJ, NK, NL, NM, NN, NO, NP, NQ, NR, NS, NT, NU, NV, NW, NX, NY, NZ, OA, OB, OC, OD, OE, OF, OG, OH, OI, OJ, OK, OL, OM, ON, OO, OP, OQ, OR, OS, OT, OU, OV, OW, OX, OY, OZ, PA, PB, PC, PD, PE, PF, PG, PH, PI, PJ, PK, PL, PM, PN, PO, PP, PQ, PR, PS, PT, PU, PV, PW, PX, PY, PZ, QA, QB, QC, QD, QE, QF, QG, QH, QI, QJ, QK, QL, QM, QN, QO, QP, QQ, QR, QS, QT, QU, QV, QW, QX, QY, QZ, RA, RB, RC, RD, RE, RF, RG, RH, RI, RJ, RK, RL, RM, RN, RO, RP, RQ, RR, RS, RT, RU, RV, RW, RX, RY, RZ, SA, SB, SC, SD, SE, SF, SG, SH, SI, SJ, SK, SL, SM, SN, SO, SP, SQ, SR, SS, ST, SU, SV, SW, SX, SY, SZ, TA, TB, TC, TD, TE, TF, TG, TH, TI, TJ, TK, TL, TM, TN, TO, TP, TQ, TR, TS, TT, TU, TV, TW, TX, TY, TZ, UA, UB, UC, UD, UE, UF, UG, UH, UI, UJ, UK, UL, UM, UN, UO, UP, UQ, UR, US, UT, UV, UW, UX, UY, UZ, VA, VB, VC, VD, VE, VF, VG, VH, VI, VJ, VK, VL, VM, VN, VO, VP, VQ, VR, VS, VT, VU, VV, VW, VX, VY, VZ, WA, WB, WC, WD, WE, WF, WG, WH, WI, WJ, WK, WL, WM, WN, WO, WP, WQ, WR, WS, WT, WU, WV, WW, WX, WY, WZ, XA, XB, XC, XD, XE, XF, XG, XH, XI, XJ, XK, XL, XM, XN, XO, XP, XQ, XR, XS, XT, XU, XV, XW, XX, XY, XZ, YA, YB, YC, YD, YE, YF, YG, YH, YI, YJ, YK, YL, YM, YN, YO, YP, YQ, YR, YS, YT, YU, YV, YW, YX, YY, YZ, ZA, ZB, ZC, ZD, ZE, ZF, ZG, ZH, ZI, ZJ, ZK, ZL, ZM, ZN, ZO, ZP, ZQ, ZR, ZS, ZT, ZU, ZV, ZW, ZX, ZY, ZZ		

Ngày 20-02-2024

PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2023



C. TY CP TV XD GT KINH TUM

ĐÃ KIỂM SOÁT

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI
ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

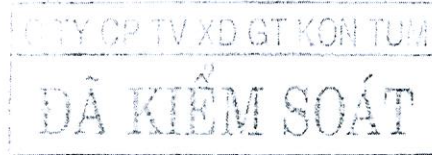
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
- Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
- Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: KOT-00010343

Ban hành theo Quyết định số: 98/QĐ-SXD
ngày 30/9/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum



THÔNG TIN CÁ NHÂN

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG



STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)	II	Từ 30/9/2022 đến 29/9/2027
2	Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)	II	Từ 30/9/2022 đến 29/9/2027

Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

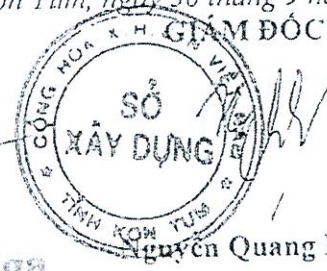
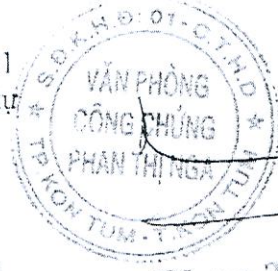
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG CHÍNH
Số chứng thực: 34444 Quyền số: 01/2022-SCT/BS

Ngày 12/10/2022

CÔNG CHỨNG VIÊN

Kon Tum, ngày 30 tháng 9 năm 2022

Họ và tên: NGUYỄN MINH TÀI
Ngày tháng năm sinh: 23/10/1977
Số CCCD: 052077011334 cấp ngày: 27/6/2021
tại: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học Giao thông vận tải
Hệ đào tạo: Chính quy
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cầu đường



Phan Thị Nga

Nguyễn Quang Hải

THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được
cấp chứng chỉ

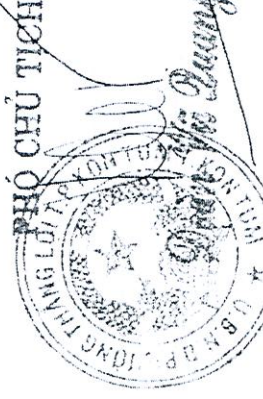
Họ và tên: Nguyễn Đăng Khoa
Ngày tháng năm sinh: 24/07/1984
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): 062084000997
Cấp ngày: 20/04/2021 tại Cục cảnh sát
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học giao thông vận tải
Hệ đào tạo: Chính quy
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

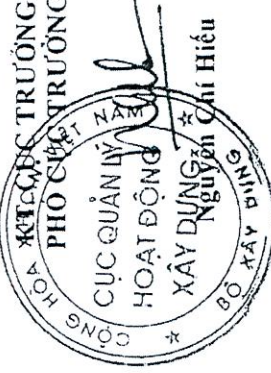
STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Định giá xây dựng	I	từ 27/12/2023 đến 27/12/2028

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 569.....quyển số A/2024-SCT/H

Ngày 20-02-2024



Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2023



C. TY CP TV XD GT KON TUM

ĐÃ KIỂM SOÁT

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI
ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
- Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
- Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: KOT-00010348

Ban hành theo Quyết định số: 98/QĐ-SXD
ngày 30/9/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum

C.TY CP TV XD GT KON TUM
ĐÃ KIỂM SOÁT

THÔNG TIN CÁ NHÂN

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)	II	Từ 30/9/2022 đến 29/9/2027
2	Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)	II	Từ 30/9/2022 đến 29/9/2027
3	Khảo sát địa hình (trong phạm vi DA ĐTXD công trình)	II	Từ 30/9/2022 đến 29/9/2027

Họ và tên: NGUYỄN KHOA LUYC

Ngày tháng năm sinh: 28/4/1980

Số CCCD: 046080001645 cấp ngày: 20/4/2021

tại: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Bách khoa Đà Nẵng

Hệ đào tạo: Chính quy

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cầu đường

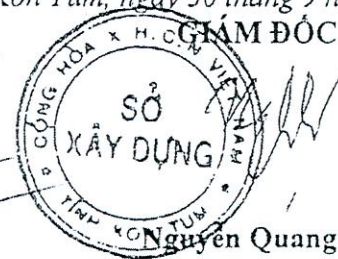
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 34420..... Quyền số: 01/2022-SCT/BS

Ngày 12-10-2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 9 năm 2022

CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Quang Hải

Phan Thị Nga

